

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
Số: 45/2023

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚP

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚP
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
TRẦN THỊ TÚ ANH

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com

Website: <http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn>

Bìa 1: Sưu tầm

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 33/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 28/7/2023. In xong và
nộp lưu chiếu tháng 7/2023

MỤC LỤC

TS. Nguyễn Trọng Tú	Một số kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức tại Trường Chính trị Trần Phú	2
KỶ NIỆM 117 NĂM NGÀY SINH TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP		
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Đồng chí Hà Huy Tập với công tác xây dựng Đảng	7
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
Ths. Trần Ánh Dương	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	11
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	16
Ths. Chu Thị Thu Huyền	Đa dạng hoá sinh kế cho người nghèo, hướng đến mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn Hà Tĩnh	23
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Phát huy vai trò kinh tế tập thể ở Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	28
Ths. Nguyễn Thị Lam	Vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	32
Ths. Phan Chí Quyết	Vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trong xây dựng tỉnh nông thôn mới ở Hà Tĩnh	37
Ths. Hồ Thanh	Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng xã nông thôn mới thông minh - mục tiêu kép trong thực hiện tỉnh nông thôn mới ở Hà Tĩnh	42
Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy	Đánh giá hiệu quả chi thường xuyên cho hoạt động giáo dục, đào tạo tại Hà Tĩnh	45
Ths. Lê Thị Thùy Dung	Văn hóa trường Đảng - tiêu chí quan trọng góp phần xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn	49
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH		
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Đẩy mạnh giáo dục truyền thống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới	52
Ths. Phan Bá Linh	Nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - cơ sở lý luận vững chắc để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	55
Ths. Phan Thị An Phú	Phát huy vai trò của đoàn viên thanh niên trong thực hiện bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch	58
Ths. Dương Thị Vân Linh	Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bài giảng sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa	61
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
Ths. Thái Thị Hiền	Xây dựng và thực hành văn hóa liêm chính trong cán bộ, đảng viên - nhân tố góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng	64
Ths. Nguyễn Hà Giang	Bàn về “văn hóa từ chức” trong Đảng	69
Ths. Phan Thị Ái Vân	Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước	72
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Bàn về một số giải pháp xây dựng “người nông dân chuyên nghiệp” trong giai đoạn hiện nay	76

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

❁ TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ

TUV - Hiệu trưởng

Tóm tắt: Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp. Việc tổng kết, rút ra một số kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức tại Trường Chính trị Trần Phú hiện nay nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường nói riêng và các trường chính trị tỉnh, thành nói chung.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang bước vào thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số và hội nhập quốc tế sâu, rộng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực thi công vụ trên các mặt công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng cao hơn. Vì vậy, mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng lãnh đạo, quản lý; phẩm chất đạo đức, lối sống và tác phong, lề lối làm việc; gắn việc học tập lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng với rèn luyện năng lực, kỹ năng trong hoạt động thực tiễn để vừa có có lập trường kiên định, bản lĩnh vững vàng vừa được chuẩn hóa theo các quy định về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo ngạch, bậc, đồng thời nâng cao năng lực tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Theo đó, công tác đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cũng cần phải được thường xuyên đổi mới về nội dung, khung chương trình và phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện.

Theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quy chế Quản lý hoạt động bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành trực thuộc trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau: (1) Bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương. (2) Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương; công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương.

(3) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở. (4) Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương. (5) Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ. (6) Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh và tương đương quản lý (đối tượng 4). (7) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ công chức cấp xã. (8) Bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho giảng viên của trung tâm chính trị cấp huyện. (9) Bồi dưỡng các chương trình khác do cấp có thẩm quyền giao.

Xác định được tầm quan trọng của việc tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trên cơ sở quy định của Bộ Nội vụ và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, trong những năm vừa qua, Trường Chính trị Trần Phú luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền các địa phương; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đa dạng về loại hình, linh hoạt trong hình thức tổ chức, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, bám sát nhu cầu yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Từ năm 2013 đến nay, Nhà trường đã tổ chức 76 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên và tương đương với 5.241 học viên; 23 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính và tương đương với 1.245 học viên; 5 lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương cho 321 học viên; 01 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao

cấp và tương đương với 25 học viên. Từ năm 2013 đến 2015, Trường phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội theo chức danh, vị trí làm việc (theo quyết định số 1956/QĐ-TTg) đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực thi công vụ cho khoảng 4.514 lượt cán bộ, công chức cấp xã giữ các chức vụ, chức danh: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội nông dân, Tư pháp - Hộ tịch, Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ, Chủ tịch Mặt trận tổ quốc, Văn hóa - Xã hội, Văn phòng - Thống kê, Chỉ huy trưởng Quân sự, Trưởng Công an xã.

Thực hiện Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, Trường Chính trị Trần Phú đã tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng như: Bồi dưỡng cho 01 lớp cho 131 đồng chí là cán bộ đương nhiệm và dự nguồn UVBCH Đảng bộ tỉnh; tham mưu Tỉnh ủy phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở 03 lớp bồi dưỡng đối tượng 3 (cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) cho 217 học viên; tổ chức bồi dưỡng cho 2.257 học viên thuộc đối tượng 4 (cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện, thành, thị ủy và tương đương quản lý), trong đó nhóm đối tượng 4 cấp xã là 6 lớp với 1.496 học viên. Đặc biệt, năm 2013, căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-BNN-KTHT, ngày 18/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chương trình đào

tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM thuộc Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020; Thông báo số 02/TB-BCĐ ngày 02/02/2012 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, về việc giao Trường Chính trị Trần Phú chủ trì, phối hợp với Văn phòng điều phối NTM tỉnh biên soạn bộ tài liệu đào tạo cán bộ xây dựng NTM, Trường Chính trị Trần Phú thành lập Ban Biên soạn bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới và triển khai xây dựng chương trình, nội dung tài liệu bồi dưỡng cán bộ. Sau khi bộ tài liệu được thẩm định, ngày 22/11/2013 UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới năm 2013 - 2014 và giao cho Trường Chính trị Trần Phú chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh, các sở, ngành, cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện. Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, năm 2013 - 2014, Trường chính trị Trần Phú đã tổ chức 62 lớp bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM cho 5.012 học viên.

Giai đoạn 2015 - 2016, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới, trên cơ sở những nội dung đã được bồi dưỡng giai đoạn 2013-2014 và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới được ban hành kèm theo Quyết định số 4044/QĐ- BNN-VPĐP ngày 12/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo biên soạn, cập nhật lại nội dung, chương trình bồi dưỡng theo hướng tập trung vào kỹ năng, cập nhật, bổ sung kiến thức mới, lấy người học làm trung tâm, nhằm hướng

học viên vào rèn luyện kỹ năng hoạt động thực tiễn gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo từng địa bàn, cơ sở. Sau khi hoàn thành tài liệu, trên cơ sở nhiệm vụ được giao về việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới năm 2015, Trường Chính trị Trần Phú phối hợp với Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh, các sở, ngành và các huyện, thành phố, thị xã tiếp tục tổ chức 75 lớp cho 4.821 học viên.

Qua việc tổ chức các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với nhiều loại hình, nội dung, quy mô khác nhau, Trường Chính trị Trần Phú nhận thấy những thuận lợi như: các quy định về bồi dưỡng, cập nhật kiến thức được ban hành kịp thời, tạo cơ sở pháp lý cho Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình bồi dưỡng một cách phù hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; nội dung, chương trình bồi dưỡng được trang bị đầy đủ và cập nhật thường xuyên, đáp ứng những yêu cầu cơ bản trong quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học; phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên thường xuyên được đổi mới, tạo sự tương tác tích cực giữa người dạy và người học; việc phối hợp tổ chức các chương trình bồi dưỡng được thực hiện linh hoạt đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: một số học viên chưa nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của các khóa bồi dưỡng, chưa thấy được khóa học là cơ hội nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ; nhiều học viên vừa đi học vừa phải thường xuyên giải quyết, xử lý các nhiệm vụ chính trị đang đặt ra ở địa phương, đơn vị nên có phần chi phối đến việc học tập

và nghiên cứu, nhất là việc chấp hành thời gian học tập; một số chuyên đề trong các chương trình bồi dưỡng còn chưa thật sự phù hợp với đối tượng học viên, còn nặng về những vấn đề lý luận, chưa sát với thực tế địa phương; thời gian các chương trình bồi dưỡng ngắn, số lượng học viên khá đông, dẫn đến việc tổ chức trao đổi, thảo luận trong các bài giảng của giảng viên còn gặp nhiều khó khăn...

Từ thực tiễn tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức trong những năm qua tại Trường Chính trị Trần Phú, bước đầu có thể đúc kết một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, để nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tổ chức các chương trình bồi dưỡng cần phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Thường trực, Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp của các sở, ban, ngành đoàn thể liên quan để tạo sự thống nhất, đồng bộ, kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc thực hiện các chương trình bồi dưỡng, nhất là đối với chương trình bồi dưỡng cho các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy và tương đương quản lý phải trở thành một hoạt động thường xuyên trong mỗi nhiệm kỳ của Tỉnh ủy và các huyện, thành, thị ủy để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện. Vì vậy, hàng năm, trên cơ sở các quy định về bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức, Trường Chính trị Trần Phú luôn chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý cán bộ, công chức; cấp ủy, chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh rà soát nhu cầu bồi dưỡng, xây dựng kế hoạch trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ

chức thực hiện có hiệu quả theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Thứ hai, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền các cấp trong hệ thống chính trị, nhất là việc rà soát, xem xét cử cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình bồi dưỡng theo quy định. Thực hiện tốt nội dung này sẽ góp phần vừa đảm bảo chuẩn hóa các quy định về tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm theo ngạch, bậc, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức khi được cấp ủy, chính quyền các cấp cử đi học bổ trí công việc phù hợp, dành thời gian tập trung cho nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, không điều động cán bộ đã được cử đi học thực hiện nhiệm vụ công tác trong quá trình diễn ra các khóa bồi dưỡng. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng các chương trình bồi dưỡng.

Thứ ba, trong quá trình xây dựng kế hoạch, nội dung các chương trình bồi dưỡng phải luôn bám sát khung chương trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ, đồng thời căn cứ từng loại hình bồi dưỡng, đối tượng cán bộ cũng như thực tiễn ở mỗi giai đoạn, mỗi nhiệm kỳ để đưa vào khung chương trình các chuyên đề phù hợp, gắn chặt với tình hình địa phương Hà Tĩnh, nhất là những vấn đề được coi là điểm nghẽn, nút thắt đang đặt ra ở cơ sở. Hàng năm, ngoài việc tổ chức các chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ Nội vụ và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, phải luôn chủ động bám sát các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và địa phương, đề trên cơ sở đó đề xuất và xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng phù hợp với đối tượng cán bộ, công chức, viên chức

và yêu cầu thực tiễn việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Việc biên soạn tài liệu và tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh là minh chứng cho việc tiếp cận các chủ trương, chính sách một cách nhạy bén và năng động của Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh.

Thứ tư, việc lựa chọn, bố trí giảng viên phải phù hợp với năng lực, trình độ và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Hàng năm, Ban Giám hiệu chủ động xây dựng kế hoạch bố trí giảng viên ở từng loại hình và kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn giảng viên. Tùy theo từng loại hình bồi dưỡng, chọn cử đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực giảng dạy tốt tham gia soạn bài, thông qua bài giảng trước Hội đồng khoa học Nhà trường để góp ý, hoàn thiện bài giảng. Đối với các chương trình bồi dưỡng mới, Ban Giám hiệu Nhà trường phối hợp với Sở Nội vụ cử đội ngũ giảng viên tham gia tập huấn nội dung chương trình do Bộ Nội vụ và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Việc cử giảng viên tham gia tập huấn trước khi mở lớp góp phần nâng cao chất lượng, bồi dưỡng kỹ năng cho các giảng viên theo từng chuyên đề được phân công. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, cần chủ động trong việc phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan để mời đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên có trình độ cao, chuyên sâu, giàu kinh nghiệm thực tiễn trên các lĩnh vực nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về mặt lý luận, phong phú, đa dạng về thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực tư duy, tầm nhìn

đúng đắn, khoa học về những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra.

Thứ năm, chủ động kết hợp linh hoạt các hình thức tổ chức bồi dưỡng. Hiện nay, căn cứ vào quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các hình thức bồi dưỡng. Tập trung; vừa làm vừa học; từ xa (trực tuyến), Trường Chính trị Trần Phú đã tổ chức các chương trình bồi dưỡng dưới nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức theo hình thức bồi dưỡng tập trung học vào các ngày làm việc trong tuần; hình thức không tập trung học vào các ngày thứ bảy, chủ nhật hàng tuần; hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến học vào ngày thứ 7, chủ nhật và các buổi tối trong tuần. Việc linh hoạt tổ chức theo các hình thức này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho học viên trong thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương cơ sở, vừa có thể tham gia các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng, nghiệp vụ công tác một cách thường xuyên, thiết thực và hiệu quả.

Việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay với những yêu cầu đặt ra ngày càng cao của chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, thiết nghĩ rằng, các trường chính trị cấp tỉnh cần chủ động, thường xuyên tổ chức tốt hoạt động nghiên cứu khoa học, thâm nhập sâu hơn, kịp thời tổng kết thực tiễn, đề xuất cấp có thẩm quyền chủ trì tham gia xây dựng, biên soạn và tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn gắn với thực tiễn của địa phương và phù hợp với mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức./.

ĐỒNG CHÍ HÀ HUY TẬP VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đặc biệt, với tư cách là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Đóng góp của đồng chí Hà Huy Tập được thể hiện trên nhiều lĩnh vực về cả phương diện lý luận và thực tiễn, nhất là trong công tác xây dựng Đảng. Hiện nay, trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, việc quán triệt tinh thần của đồng chí Hà Huy Tập trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận và tổ chức, cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng.

Đồng chí Hà Huy Tập sinh ngày 24/4/1906 trong một gia đình nhà nho yêu nước tại làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình, quê hương, ngay từ khi 19 tuổi, Hà Huy Tập đã tham gia hoạt động cách mạng. Trải qua 16 năm hoạt động cách mạng ở trong và ngoài nước, cho tới khi hiên ngang ngã xuống trước mũi súng quân thù (28/8/1941) ở tuổi 35, đồng chí Hà Huy Tập đã có nhiều cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Một trong những cống hiến quan trọng của đồng chí Hà Huy Tập đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam là công tác xây dựng Đảng. Nhận thức sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của chính đảng cách mạng đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc

và giai cấp, với tư duy lý luận sắc sảo và tính chiến đấu cao, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng trên các phương diện chính trị, tư tưởng, lý luận và tổ chức, cán bộ.

Thứ nhất: Đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị.

Xây dựng Đảng về chính trị là vấn đề quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa tiền đề cho các nội dung khác của công tác xây dựng Đảng. Một trong những nội dung trọng tâm của xây dựng Đảng về chính trị là xây dựng cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của từng giai đoạn cách mạng cụ thể. Tại Hội nghị mở rộng *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng (6/1934), đồng chí Hà Huy Tập được phân công chuẩn bị các văn

kiện cho Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Báo cáo chính trị tại Đại hội do đồng chí Hà Huy Tập soạn thảo đã phân tích sâu sắc tình hình thế giới, tình hình xứ Đông Dương, âm mưu, chính sách mới của thực dân Pháp và bọn cai trị bản xứ; phong trào cách mạng của quần chúng và nhiệm vụ của Đảng trong tình hình mới; nêu lên nhiệm vụ xây dựng Đảng thành một khối thống nhất, củng cố tổ chức Đảng và phong trào quần chúng. Những nội dung trong nghị quyết Đại hội do đồng chí Hà Huy Tập soạn thảo đã thể hiện rõ tư duy lý luận sắc bén, lập trường tư tưởng vững vàng và những đóng góp quan trọng của đồng chí đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, góp phần quan trọng trong việc khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng giai đoạn 1932-1935.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, tháng 7/1936, cùng với đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Hà Huy Tập đã triệu tập Hội nghị Ban chấp hành Trung ương nhằm thảo luận, điều chỉnh đường lối của Đảng. Nội dung của Hội nghị cho thấy, bằng tài năng và sự tận tâm chính trị, đồng chí Hà Huy Tập trực tiếp chỉ đạo đưa ra những quan điểm, chủ trương mới trong việc xác định mục tiêu đấu tranh trước mắt là chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chống chiến tranh đế quốc, đòi dân sinh, dân chủ và bảo vệ hòa bình; thay đổi hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh; xác lập hình thức tổ chức tập hợp lực lượng phù hợp; thành lập các hội quần chúng, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào mặt trận chống phát xít...

Trong thời gian giữ cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương kịp

thời nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, quán triệt những định hướng chiến lược của Quốc tế Cộng sản để giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng nước ta; đề xuất chủ trương, chuẩn bị nội dung, chủ trì, ra nghị quyết các hội nghị Trung ương, tìm biện pháp đấu tranh phù hợp, trực tiếp lãnh đạo, vực dậy phong trào cách mạng giai đoạn 1936-1939; xử lý khoa học và từ đó làm phong phú thêm lý luận về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, giữa chiến lược và sách lược, giữa mục tiêu và phương pháp cách mạng, giữa nhiệm vụ và hình thức tổ chức tập hợp lực lượng cách mạng. Đây chính là cơ sở quan trọng để Đảng ta xác định mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp cách mạng, đồng thời cũng đánh dấu bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng ta, mở đường cho phong trào đấu tranh dân chủ phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 1936-1939.

Thứ hai: Đối với công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận.

Với tư duy sắc sảo và tính chiến đấu cao, đồng chí Hà Huy Tập đã có những cống hiến xuất sắc đối với công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận. Nhận thức đúng đắn vai trò của nền tảng tư tưởng, lý luận đối với một Đảng cách mạng, đồng chí Hà Huy Tập đề ra yêu cầu: Đảng phải “luôn luôn đi đúng chủ nghĩa mácxít - leninnít”⁽¹⁾, phải trung thành lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, song cũng cần vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin phù hợp với thực tiễn công tác xây dựng Đảng và phong trào cách mạng nước ta. Đồng thời, phải ra sức tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác-Lênin, “không phải chỉ phổ biến lý luận chủ nghĩa cộng sản và gắn lý luận liên hệ chặt chẽ với thực tiễn, mà còn đấu tranh kiên quyết với mọi tư

trường thù địch, mọi khuynh hướng chống chủ nghĩa Lê-nin và chống chủ nghĩa cơ hội”⁽²⁾, “chống hết các xu hướng sai lầm cả ở trong và ở ngoài hàng ngũ Đảng”⁽³⁾.

Trên cơ sở thẩm nhuần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhận thức “chủ nghĩa Lênin không phải là một giáo điều mà là một phương pháp hành động cách mạng”⁽⁴⁾, đồng chí Hà Huy Tập đã tích cực tuyên truyền để thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lênin thẩm nhuần trong đảng viên, tạo sự thống nhất ý chí, hành động của Đảng. Những bài viết, tác phẩm của đồng chí luôn thể hiện bản lĩnh của một chiến sĩ cộng sản trước mọi sự tấn công, xuyên tạc của kẻ thù, làm sâu sắc hơn những nguyên lý cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần định hướng, nâng cao trình độ tư tưởng, lý luận của Đảng, bảo vệ Đảng về tư tưởng, lý luận. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động cách mạng, nhất là trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập luôn thể hiện rõ quan điểm tuân thủ và giữ vững nguyên tắc tính Đảng, tuân thủ đường lối chính trị của Đảng; kiên quyết đấu tranh với bệnh giáo điều, rập khuôn, bảo thủ, những nhận thức lệch lạc, sai lầm tả khuynh và hữu khuynh, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại.

Ở cương vị khác nhau, đồng chí Hà Huy Tập đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, cổ động, giác ngộ đảng viên và quần chúng nhân dân; tổ chức và chỉ đạo xuất bản sách, báo, tạp chí, cơ quan ngôn luận của Đảng; viết nhiều tác phẩm có tính chiến đấu, tính lý luận sắc sảo; chú trọng tổng kết lịch sử Đảng, đúc kết kinh nghiệm, tạo thống nhất tư tưởng trong Đảng. Hoạt động của đồng chí đã để lại nhiều kinh nghiệm quý cho công tác tuyên giáo của Đảng sau này. Từ trước năm 1925, đồng chí Hà Huy Tập đã tích cực tham gia tuyên

truyền, cổ động tinh thần yêu nước, đấu tranh chống chế độ thực dân, phong kiến trong các tầng lớp học sinh, công nhân, nông dân; những năm 1925-1929, đồng chí đã tích cực vận động hợp nhất “Tân Việt cách mạng Đảng” và “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” nhằm thống nhất tổ chức và hành động, thúc đẩy phong trào cách mạng của cả nước; từ năm 1934, với cương vị là Ủy viên phụ trách công tác tuyên truyền, cổ động của *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã sáng lập và làm Tổng biên tập Tạp chí Bôn-sê-vích, cơ quan lý luận của *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng, sau đó cơ quan lý luận của Trung ương Đảng.

Thứ ba: Xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ.

Sau cao trào cách mạng 1930-1931, cách mạng nước ta chịu tổn thất nặng nề do chính sách đàn áp dã man của thực dân Pháp, các cơ quan lãnh đạo Đảng ở trung ương và địa phương lần lượt bị địch phá vỡ, gần như toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương bị bắt. Tháng 4/1933, đồng chí Hà Huy Tập cùng đồng chí Nguyễn Văn Dực từ Liên Xô về Trung Quốc gặp đồng chí Lê Hồng Phong, thống nhất triệu tập hội nghị để thành lập *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng vào tháng 3/1934. Được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, *Ban Chỉ huy ở ngoài* và nỗ lực của đồng chí Hà Huy Tập, đến cuối năm 1934 đầu năm 1935, hệ thống tổ chức đảng từng bước được khôi phục và hoạt động trở lại; các đảng bộ địa phương Nam Kỳ, Cao Miên, Trung Kỳ, Lào và Bắc Kỳ cũng được tổ chức lại; phong trào cách mạng quần chúng từng bước được khôi phục. Trước tình hình đó, Đảng triệu tập Đại hội Đảng lần thứ nhất vào tháng 3/1935, đánh dấu sự khôi phục hệ thống tổ chức đảng, nhất là khôi phục được cơ quan lãnh đạo Trung ương Đảng

và sự hồi phục của phong trào cách mạng.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất, trước yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong tình hình mới, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương (7/1936) đã quyết định chuyển cơ quan Trung ương Đảng về nước hoạt động và cử đồng chí Hà Huy Tập về nước để khôi phục liên lạc với các tổ chức của Đảng. Thực hiện chủ trương Hội nghị, đồng chí Hà Huy Tập từ Trung Quốc về nước, liên lạc với các Ủy viên Trung ương chưa bị địch bắt và liên lạc với các xứ ủy. Những hoạt động khẩn trương, tích cực của đồng chí Hà Huy Tập đã góp phần nhanh chóng tổ chức lại cơ quan Trung ương của Đảng, tạo tiền đề quan trọng đưa phong trào cách mạng nước ta có bước phát triển vượt bậc cả về tổ chức và lực lượng.

Bên cạnh xây dựng Đảng về tổ chức, đồng chí Hà Huy Tập cũng có nhiều đóng góp quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về cán bộ. Thấm nhuần lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của cán bộ, đồng chí Hà Huy Tập cho rằng, Đảng phải làm cho hàng ngũ đảng viên thống nhất về lý thuyết và thực hành, cần thường xuyên mở rộng các cuộc tự chỉ trích trong các cấp đảng bộ để tìm ra ưu điểm mà học, chỉ ra khuyết điểm mà tránh và phải coi đây là công tác thường trực của Đảng. Đồng thời, trong Đảng và trong từng cán bộ của Đảng cần thường xuyên tiến hành đấu tranh loại bỏ những nhận thức và khuynh hướng sai lầm, nhất là chủ nghĩa cơ hội, cá nhân, cải lương, xuyên tạc sự thật. Thực tiễn cho thấy, trong thời kỳ Đảng ta và phong trào cách mạng gặp nhiều tổn thất, nhất là sự thiếu hụt cán bộ nghiêm trọng, *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng đã kịp thời tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập đã lãnh đạo mở các lớp huấn luyện cho các cán bộ

từ trong nước sang học tập, sau đó được cử về nước hoạt động. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ của Đảng được bổ sung kịp thời, phong trào trong nước từng bước được khôi phục và phát triển nhanh chóng.

Trước yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay, để giữ vững và làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng phải không ngừng được xây dựng, chỉnh đốn. Trong bối cảnh đó, những cống hiến của đồng chí Hà Huy Tập đối với công tác xây dựng Đảng vẫn có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, nâng cao năng lực, sức chiến đấu, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tập 4, tr.255
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, tập 3, tr.415
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, tập 6, tr.293
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, tập 4, tr.255

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Cải cách hành chính nhà nước được Đảng và Nhà nước ta xác định là một nhiệm vụ đột phá. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã sẽ góp phần xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo sự hài lòng của Nhân dân. Trong thời gian qua, công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có sự chuyển biến tích cực, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Trong thời gian tới, cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương các cấp ở Hà Tĩnh cần tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã.

Cải cách hành chính nhà nước có vai trò rất quan trọng, góp phần đổi mới phương thức hoạt động của nền hành chính nhà nước, thúc đẩy quá trình dân chủ, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, tổ chức. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra mục tiêu “xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”¹. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định cải cách hành chính là một trong ba nhiệm vụ đột phá của tỉnh. Ngày 26/5/2022, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng

cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Cấp xã là cấp gần dân nhất, trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; là cấp trực tiếp tiếp nhận, giải quyết hoặc tham mưu cho cấp trên giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức; là cấp trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân để phản ánh lên cấp có thẩm quyền ban hành chủ trương, chính sách sát với thực tiễn và phù hợp với ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Vì vậy, công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã là rất cần thiết.

Trong thời gian qua, cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp ở tỉnh Hà Tĩnh đã quan tâm đến công tác cải cách hành

chính nhà nước ở cấp xã và đã đạt được những kết quả tích cực: Tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sáp nhập 80 xã, giảm 46 xã, hình thành 34 xã mới); công tác cải cách thể chế, thủ tục hành chính, hiện đại hoá hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến có bước chuyển biến; đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; vai trò trách nhiệm của người đứng đầu được phát huy; ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức nói chung được nâng lên theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như:

Một là: Công tác chỉ đạo, điều hành đã tập trung nhưng vẫn chưa thực sự quyết liệt; chưa có nhiều sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính (CCHC); hệ thống văn bản chỉ đạo về công tác CCHC vẫn chưa đảm bảo chất lượng, đặc biệt xây dựng kế hoạch CCHC chưa sát thực tiễn, nhiều nội dung đang còn chung chung, vẫn còn những sai sót nhất định; chế độ báo cáo, chất lượng báo cáo CCHC vẫn chưa đảm bảo theo quy định, chưa đánh giá, lượng hóa được tiến độ kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Hai là: Về cải cách thể chế, vẫn còn tình trạng ban hành văn bản quy phạm pháp luật nội dung chưa đảm bảo phù hợp với quy định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhưng chưa đảm bảo về căn cứ pháp lý, hiệu lực thi hành; văn bản hành chính thông thường nhưng có chứa quy phạm pháp luật; công tác góp ý văn bản quy phạm pháp luật ở cấp xã chưa tốt, việc rà soát vẫn có đơn vị chưa thực hiện thường xuyên.

Ba là: Về cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Các đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC); chưa chủ động đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính. Việc tuân thủ quy trình giải quyết TTHC trên trang “dichvucong” thực hiện chưa tốt, chưa đáp ứng quy trình đã công bố, chưa thực hiện gắn file trong các bước và file kết quả khi trả hồ sơ, thời gian giải quyết chưa phù hợp với phiếu kiểm soát và thực tế thực hiện. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn thấp so với chỉ tiêu chung. Riêng tỷ lệ TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến rất thấp (nhiều thủ tục không phát sinh hồ sơ trực tuyến); vẫn còn tình trạng quá hạn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; số hồ sơ đang chờ bổ sung trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến khá nhiều. Một số xã bố trí chưa khoa học các quầy giao dịch ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; biển tên cán bộ, công chức trực chưa đầy đủ; bố trí chỗ ngồi cho người dân đến giao dịch còn thiếu; cơ sở vật chất tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả còn hạn chế; việc niêm yết TTHC vẫn chưa đảm bảo.

Bốn là: Về cải cách tổ chức bộ máy, việc xây dựng các quy chế hoạt động UBND xã nhiệm kỳ 2021- 2026 ở một số đơn vị chưa đảm bảo chất lượng, còn một số sai sót nhất định; một số tồn tại trong cải cách tổ chức bộ máy chỉ ra chưa khắc phục triệt để.

Năm là: Về cải cách chế độ công vụ, vẫn còn công chức cấp xã chưa đạt chuẩn theo quy định; số lượng, cơ cấu công chức cấp xã có nơi chưa đảm bảo; một số công chức cấp xã kỹ năng, trình độ sử dụng và

ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế... Lưu lập hồ sơ, phiếu đánh giá cán bộ công chức chưa đảm bảo; cập nhật thông tin cán bộ, công chức trên phần mềm hồ sơ cán bộ công chức còn chưa đầy đủ.

Sáu là: Về cải cách tài chính công, chất lượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của một số đơn vị chưa cao; việc thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức còn hạn chế.

Bảy là: Về xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Việc xử lý văn bản trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp chưa thực hiện đúng quy trình; một số văn bản chỉ đạo điều hành của xã, các nội dung công khai minh bạch thông tin chưa được cập nhật thường xuyên lên Trang thông tin điện tử; công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ chuyển đổi số chưa được triển khai quyết liệt. Việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích tại cấp xã mới chỉ áp dụng đối với các TTHC liên thông, người dân còn ít sử dụng. Kết quả triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại UBND cấp xã còn chậm so với yêu cầu của Kế hoạch 121/KH-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; thông tin trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC còn chưa đầy đủ.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức, chưa xác định đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ cải cách hành chính; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chưa thường xuyên; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đạo

đức, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao; nguồn lực về con người, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; khả năng tiếp cận công nghệ để sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của doanh nghiệp và người dân còn hạn chế; chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin chưa đảm bảo ổn định, tốc độ đường truyền mạng chậm...

Thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước. Cấp ủy đảng, trước hết là thường trực cấp ủy, đồng chí bí thư cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác cải cách hành chính, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của các địa phương. Gắn nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương, chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định của Đảng, Nhà nước, nhất là quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Thứ hai, tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Chính quyền địa phương tập trung cao công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; lãnh đạo, chỉ đạo thực

hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước và Kết luận số 29-KL/TU, ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Quan tâm huy động, bố trí nguồn lực thực hiện cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao năng lực, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và Nhân dân về thực hiện cải cách hành chính; kịp thời phát hiện, nhân rộng các sáng kiến, giải pháp mới, hiệu quả. Hằng năm, lấy kết quả thực hiện cải cách hành chính là một trong những cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tiêu chí đề bình xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân.

Thứ ba, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về cải cách thể chế hành chính. Cụ thể hoá hệ thống thể chế đúng quy định và sát thực tế của địa phương. Quan tâm góp ý hoàn thiện hệ thống thể chế, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức trong điều kiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; góp ý xây dựng cơ chế chính sách tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, cải cách quyết liệt, thực chất, hiệu quả thủ tục hành chính là khâu đột phá, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đầu tư cơ sở vật chất, góp ý hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích. Hoàn thành việc đổi

mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới người dân chỉ cung cấp thông tin, giấy tờ một lần và nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính. Cùng cố, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại, phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

Thứ năm, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền địa phương liêm chính, phục vụ, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tăng cường xử lý, tạo lập hồ sơ điện tử; thực hiện hiệu quả mô hình cơ quan nhà nước, phòng hợp “không giấy tờ”. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với từng khu vực. Quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của bộ máy chính quyền địa phương. Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sắp xếp thôn, tổ dân phố giai đoạn 2022 - 2025 theo lộ trình, thực sự hiệu quả.

Thứ sáu, cải cách chế độ công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ,

công chức theo quy định; thay thế và xử lý kịp thời cán bộ, công chức có biểu hiện những thiếu, tiêu cực.

Thứ bảy, đẩy mạnh cải cách tài chính công, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công theo đúng quy định. Thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, sử dụng ngân sách và mua sắm tài sản công.

Thứ tám, tạo bước đột phá về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Nâng cao hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo thực chất, hiệu quả. Tổ chức triển khai thí điểm việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) trong chính quyền địa phương.

Thứ chín, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội đối với công tác cải cách hành chính. Cấp ủy đảng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về cải cách hành chính; nhân rộng cách làm hiệu quả; kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện. Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát; ủy ban nhân dân đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cải cách hành chính nhà nước, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò giám sát,

phản biện trong thực hiện cải cách hành chính nhà nước các cấp; tăng cường tuyên truyền, vận động, nắm bắt kịp thời những kiến nghị của đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân để phản ánh với cấp ủy Đảng, chính quyền, góp phần thúc đẩy thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Phát huy vai trò của Nhân dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí trong việc giám sát thực hiện công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tóm lại, cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm làm tốt công tác cải cách hành chính nhà nước ở cấp xã sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và sự hài lòng của người dân đối với chính quyền địa phương, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ; cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân; đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân các tỉnh Bắc Trung Bộ, phấn đấu năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước./.

Chú thích:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr176.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Ở HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

*Trưởng Phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu*

Tóm tắt: Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở; là nơi trực tiếp gần bó với nhân dân, công nhân, người lao động; là thành viên và lãnh đạo mọi hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trong nhóm nhiệm vụ, giải pháp về củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm vai trò hạt nhân và lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

Khi nói về phương thức lãnh đạo của Đảng, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dùng các khái niệm như “cách lãnh đạo”, “lối làm việc” của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng cho đến trước thời kỳ đổi mới, Đảng ta dùng đồng thời các khái niệm như phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác, phong cách lãnh đạo, phong cách công tác, lề lối làm việc, quy chế công tác, quy trình làm việc... nhưng chủ yếu áp dụng đối với cá nhân cán bộ lãnh đạo, chưa đề cập đối với các tổ chức đảng. Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3/1989), Đảng ta chính thức dùng khái niệm “Phương thức lãnh đạo của Đảng” với nội hàm ở tầm tổng quát và cao hơn. Phương thức lãnh đạo của Đảng là tổng thể các cách thức, hình thức, phương pháp, quy chế, quy định, quy trình, lề lối làm việc... mà Đảng sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện

thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, các nghị quyết và các nội dung lãnh đạo của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng.

Nội dung của phương thức lãnh đạo của Đảng được xác định cụ thể trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991); Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục kế thừa và bổ sung những nội dung cơ bản của phương thức lãnh đạo của Đảng. Tại Điều 41, Điều lệ Đảng do Đại hội XI của Đảng thông qua đã quy định rõ các phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng một lần nữa xác định phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: “Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát;... Các tổ chức

của Đảng và đảng viên, nhất là tổ chức, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước vừa phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, vừa phải nêu cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”⁽¹⁾.

Qua các văn kiện của Đảng, có thể khái quát phương thức lãnh đạo của Đảng gồm: *một là*, Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; *hai là*, Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động; *ba là*, Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị và bằng công tác tổ chức, cán bộ; *bốn là*, Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát; *năm là*, Đảng lãnh đạo bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Tổ chức cơ sở đảng là chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được thành lập ở các đơn vị cơ sở, bao gồm các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đơn vị kinh tế, công an, quân đội. Tổ chức cơ sở đảng là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân, là một mắt khâu trọng yếu để duy trì mối liên hệ Đảng với dân - nền tảng sức mạnh của Đảng. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng là một yếu tố quan trọng để Đảng vững mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng. Chi bộ tốt thì mọi việc tốt”²; “Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở. Mỗi chi bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương”³.

Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh có 636 tổ chức cơ sở đảng, với 4.186 đảng bộ bộ phận và chi bộ trực thuộc, tổng số đảng viên trong

toàn Đảng bộ là 100.226 đảng viên (tính đến 31/12/2022). Trong những năm qua, cấp ủy cơ sở đã kịp thời tổ chức quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị; cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đặc biệt triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Cấp ủy cơ sở đã cụ thể hóa và ban hành các quy định, quy chế, nghị quyết, kế hoạch và giải pháp cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị; thông qua công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Cấp ủy đảng ở hầu hết các cơ quan, đơn vị, xã phường, thị trấn đã kịp thời chấn chỉnh, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân; việc giải quyết các hồ sơ công vụ không còn chậm chạp, rập khuôn, máy móc; từng bước xây dựng tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh theo tinh thần nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017; đội ngũ cán bộ có đức, có tài, phong cách năng động, sáng tạo, luôn chủ động trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, gần bó mật thiết với Nhân dân, tạo niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện đổi mới phong cách, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn theo hướng dân chủ, khoa học, sâu sát, kịp thời, đúng pháp luật. Cấp ủy các tổ chức

Đảng, các cơ quan, đơn vị đã quan tâm sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, sát tình hình thực tiễn. Các Đảng bộ, cơ quan đăng ký xây dựng mô hình thực hiện và xác định rõ nguyên tắc làm việc, cải tiến cách thức hội họp. Xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền; nêu cao trách nhiệm và tính gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan trong đổi mới phong cách, lề lối làm việc và trách nhiệm giải quyết những vấn đề nổi cộm thuộc lĩnh vực được phân công, phụ trách. Mỗi cơ quan, đơn vị có quy chế làm việc, chương trình, kế hoạch hoạt động theo từng quý, năm, tháng để tổ chức thực hiện. Đồng thời, thực hiện nghiêm việc không uống rượu, bia trong khi thi hành công vụ; tăng cường cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát... Công tác tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm túc, thẳng thắn, cầu thị, từng bước khắc phục tình trạng nề nang ngại va chạm “dĩ hòa vi quý”. Trong công tác cán bộ, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện có hiệu quả, đúng kế hoạch. Thực hiện kịp thời, đúng quy định việc nhận xét, đánh giá cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ, thi đua khen thưởng.

Phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là đối với chính quyền đã có những đổi mới quan trọng. Cấp ủy cơ sở đã lãnh đạo chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở hoạt động theo đúng cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với chức năng,

nhiệm vụ của từng tổ chức và ngày càng đổi mới, ngày càng dân chủ, thực quyền hơn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, thu hút sự quan tâm rộng rãi của dư luận xã hội. Hoạt động của chính quyền ngày càng năng động, hiệu lực quản lý, điều hành ngày càng được nâng cao, phát huy vai trò của chính quyền, giảm bớt tình trạng bao biện, làm thay, “lấn sân” giữa cấp ủy cơ sở và chính quyền cùng cấp. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng đa dạng, năng động, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục Nhân dân nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, đoàn viên, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, một số tổ chức cơ sở đảng còn chậm đổi mới phương thức lãnh đạo; thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; có tổ chức cơ sở đảng mất sức chiến đấu, non yếu trước sự tác động của các thế lực thù địch đang ra sức chống phá Đảng, Nhân dân và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, có những nội dung còn lúng túng; chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền; không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng, nhiều nơi còn là “điểm nóng” chưa được giải quyết dứt điểm; một số tổ chức cơ sở đảng chưa theo kịp đòi hỏi của tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở; công tác giáo dục rèn luyện, quản lý đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu.

Mặt khác, trong thời gian đại dịch Covid-19 diễn ra rất phức tạp, một số tổ chức cơ sở đảng chưa làm tròn chức năng là hạt nhân chính trị, nền tảng của Đảng ở cơ sở, đây là kẽ hở cho thế lực thù địch có cơ hội chống phá, xuyên tạc Đảng và Nhà nước ta; chất lượng sinh hoạt, tinh thần tự phê bình và phê bình, công tác đánh giá, xếp loại ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế trong đánh giá ưu điểm, hạn chế; khuyết điểm của tập thể, cá nhân trong chỉ đạo, điều hành, quản lý, chưa thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong giải quyết những khó khăn, bức xúc của nhân dân ở cơ sở; một số cấp uỷ cơ sở chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu; chưa chủ động, kịp thời kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm; mất sức chiến đấu, dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật, giảm niềm tin của Nhân dân với Đảng; mô hình tổ chức cơ sở đảng còn bất cập; xây dựng tổ chức cơ sở đảng khu vực ngoài nhà nước còn hạn chế. Trong năm 2022 cả tỉnh có 63 tổ chức cơ sở đảng được đánh giá ở mức hoàn thành nhiệm vụ, 04 tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ, 07 tổ chức cơ sở đảng bị xử lý kỷ luật, 808 đảng viên bị xử lý, trong đó khiển trách 68 đảng viên; cảnh cáo 01 tổ chức đảng và 101 đảng viên, cách chức 04 đảng viên, khai trừ ra khỏi đảng 22 trường hợp; trong số đảng viên bị thi hành kỷ luật có 97 cấp uỷ viên các cấp. Vi phạm chủ yếu của tổ chức cơ sở đảng là việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc và một số vi phạm khác. Đối với đảng viên chủ yếu vi phạm Chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chiếm 82,79%; vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm, chiếm 7,42%; phẩm chất đạo đức lối sống, chiếm 1,36%; đất đai, tài

nguyên, khoáng sản, chiếm 2,22%; thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, quản lý, chiếm 1,98 %; các vi phạm khác, chiếm 6,45%. Một bộ phận đảng viên năng lực, trình độ, trách nhiệm chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nhận thức về Đảng, động cơ phấn đấu vào Đảng của không ít đảng viên chưa đúng, không trong sáng phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, sống thực dụng hoặc có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật, chất lượng đảng viên mới kết nạp ở một số nơi còn thấp, không ít đảng viên dự bị không đủ điều kiện chuyển đảng viên chính thức, phải xóa tên khỏi danh sách đảng viên, chỉ riêng năm 2022 đã có 143 đảng viên dự bị xóa tên. Những hạn chế, yếu kém trên ảnh hưởng rất lớn đến nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bởi vì, tổ chức cơ sở đảng là một trong những thành trì bảo vệ Đảng, Nhân dân và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ thực trạng nêu trên, Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) nêu quan điểm: “đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phải kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ; làm rõ hơn nữa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với nêu cao trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu; giữ vững sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương; bảo đảm nguyên tắc quyền lực đi đôi với trách nhiệm, mọi

cán bộ, đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, nguyên tắc và kỷ luật của Đảng”. Quan điểm trên đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, trước hết là hoạt động của cấp cơ sở, tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy. Cần khắc phục tình trạng bao biện, làm thay đổi với chính quyền, các đoàn thể. Tổ chức đảng, cấp ủy chỉ nên ra những định hướng quan trọng nhất về những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, nhấn mạnh những chủ trương, phương hướng, những chỉ đạo về nguyên tắc, còn việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện thì giao cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể triển khai, thực hiện theo thẩm quyền, chức năng của từng tổ chức. Đối với những vấn đề phức tạp, cần có những thảo luận, cân nhắc giữa những ý kiến, tranh luận còn khác biệt, thậm chí đối lập, tránh vội vàng, giản đơn, áp đặt. Lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể (cấp ủy) và cá nhân phụ trách (cấp ủy viên và đảng viên) cần phải được quán triệt trong mọi mặt, mọi quan hệ lãnh đạo của tổ chức đảng và công tác đảng nói chung. Đối với hoạt động của chính quyền, tổ chức đảng cần phải nhấn mạnh tới ý thức tôn trọng pháp luật, chính sách, kiểm tra đảng viên hoạt động trong lĩnh vực này để không xảy ra những hoạt động cố ý làm trái, những biểu hiện tùy tiện coi thường luật pháp, những thói của quyền, hách dịch gây phiền hà cho dân, dẫn tới quan liêu, tham nhũng.

Thứ hai, xác định rõ quyền và trách nhiệm của cấp ủy và bí thư cấp ủy. Theo quy định của Điều lệ Đảng (Khóa XI), thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy đảng là “lãnh đạo thực hiện nghị quyết

đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên”. Ban Thường vụ “lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy”. Thẩm quyền bí thư cấp ủy được quy định theo từng nhiệm kỳ tại Quy chế làm việc của cấp ủy, theo đó, bí thư chủ trì đề xuất các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách mới, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và chủ trì chuẩn bị phương án về công tác tổ chức cán bộ trình thường trực và ban thường vụ cấp ủy quyết định theo thẩm quyền. Theo quy chế làm việc, bí thư cấp ủy là người chịu trách nhiệm cuối cùng ký ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định về những vấn đề quan trọng. Nếu các quyết định đó là đúng đắn thì sẽ tạo ra bước đột phá, thúc đẩy phong trào địa phương, cơ quan, đơn vị phát triển nhanh, bền vững; ngược lại, sẽ gây hậu quả xấu về kinh tế - xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, thậm chí sẽ là tiền đề cho các điểm nóng, làm mất ổn định tình hình ở địa phương, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Tổ chức đảng cơ sở cần rà soát, ban hành đồng bộ chính sách theo hướng quy chế hóa, quy trình hóa và công khai hóa các mặt công tác của cấp ủy cũng như thẩm quyền và trách nhiệm của bí thư trong từng công việc lãnh đạo (chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kiểm tra...) theo chức trách, nhiệm vụ của cấp ủy; chế độ báo cáo, giám sát việc thực hiện. Cơ chế, quy chế, chính sách phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của cấp ủy và phát huy vai trò phụ trách của bí thư. Những cấp ủy viên có bản lĩnh chính trị, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng chắc chắn sẽ đủ tin nhiệm để

gánh vác trọng trách ở cương vị cao hơn. Đồng thời, những người có uy tín quá thấp sau hai lần đánh giá hoặc lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ phải được xem xét, thay thế, không cần đợi hết nhiệm kỳ, góp phần khắc phục tình trạng “có vào mà không có ra”, “có lên mà không có xuống”. Đảng viên và Nhân dân phải được biết và giám sát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm đó. Mọi sai phạm được xử lý theo quy định và mọi đảng viên đều bình đẳng trước các quy định, không còn trường hợp “nhẹ trên nặng dưới”, “kiểm điểm rút kinh nghiệm sâu sắc” hoặc điều chuyển sang vị trí khác.

Thứ ba, nâng cao năng lực ra nghị quyết và lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát. Trước khi trình phương án chuẩn bị nghị quyết ra cấp ủy, bí thư cấp ủy cần báo cáo tập thể thường trực cấp ủy để tranh thủ thêm ý kiến. Bí thư có quyền và trách nhiệm bảo vệ phương án đề xuất của mình trước tập thể cấp ủy. Cấp ủy thảo luận và biểu quyết để quyết định theo đa số. Trong trường hợp kết quả biểu quyết cân bằng thì bí thư có quyền lựa chọn phương án để quyết định. Nếu cấp ủy không chấp nhận phương án do bí thư đề xuất và chuẩn bị, đồng chí bí thư phải chấp hành quyết định của tập thể, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Đối với các nhiệm vụ về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng củng cố hệ thống chính trị, bí thư phải căn cứ và các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, lựa chọn những nội dung trọng tâm để đưa ra bàn, chuẩn bị nghị quyết và ra nghị quyết, thống nhất cách thức để lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Trong quá trình bàn, phải phát huy được dân chủ, nêu được vấn đề để kích thích các cấp ủy viên và cán bộ

chuyên môn phát biểu ý kiến tham gia vào các chủ trương lãnh đạo, bí thư kết luận, biểu quyết thống nhất ban hành kết luận hoặc nghị quyết để lãnh đạo tổ chức thực hiện và phải thuyết trình, lý giải, lập luận thuyết phục để tạo nhận thức chung, sự đồng thuận ủng hộ của tập thể. Đảng ủy có kế hoạch và chương trình hành động để thực hiện nghị quyết. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, kịp thời phát hiện, nhắc nhở, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, xử lý những trường hợp sai sót hoặc vi phạm và rút kinh nghiệm kịp thời.

Thứ tư, xây dựng, rèn luyện phong cách làm việc khoa học. Trong quá trình xây dựng quy chế, cấp ủy cần lấy ý kiến của các cấp ủy viên trực thuộc, của đảng viên. Sau khi hoàn thiện, phải quán triệt cho cấp ủy và toàn thể đảng bộ, chi bộ. Cấp ủy và bí thư cấp ủy cơ sở nắm vững và làm việc theo quy chế, đồng thời thường xuyên nhắc nhở, điều chỉnh, rút kinh nghiệm trong thực hiện quy chế. Hằng năm căn cứ vào chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, cấp ủy phải xây dựng được chương trình kiểm tra, giám sát và thực hiện nghiêm túc chương trình kiểm tra, giám sát đã ban hành; đôn đốc các cấp ủy viên và các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các kết luận, các nghị quyết của cấp ủy, đặc biệt là việc đưa nghị quyết vào cuộc sống; mạnh dạn phê bình, chỉ ra cái sai của người đứng đầu, khi người đứng đầu cấp ủy không hoàn thành nhiệm vụ hoặc mắc sai lầm, khuyết điểm. Cấp ủy cần thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của người đứng đầu cấp ủy. Để giúp cho người đứng đầu nắm bắt được quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, để kịp thời điều chỉnh những nội dung

chưa phù hợp với thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thứ năm, thực hiện dân chủ trong sinh hoạt, chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng. Trước mỗi kỳ họp cần chuẩn bị chu đáo, các văn bản cần thảo luận phải được gửi trước cho từng cấp ủy viên. Phát huy dân chủ, công khai trong các cuộc họp cấp ủy, bảo đảm cho từng cấp ủy viên và đảng viên được phát biểu ý kiến. Cấp ủy cần lắng nghe và tôn trọng ý kiến của đảng viên, xem xét nếu thấy ý kiến đó đúng thì cần tiếp thu, ngăn ngừa và kiên quyết chống những biểu hiện độc đoán, gia trưởng, quy chụp, nể nang, thiếu trung thực; không định kiến, thành kiến với những người có ý kiến bảo lưu. Khắc phục tình trạng cấp ủy độc đoán, vi phạm quyền dân chủ trong Đảng và tính tự động, ỷ lại của đảng viên.

Thứ năm, duy trì chế độ đào tạo, bồi dưỡng cho cấp ủy viên. Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng cho bí thư, phó bí thư và các cấp ủy viên. Sau đại hội, cần mở ngay các lớp bồi dưỡng và trong nhiệm kỳ cũng cần mở nhiều lớp bồi dưỡng; quy định rõ các cấp ủy viên cần được bồi dưỡng một số nội dung, yêu cầu nhất định trong nhiệm kỳ hoặc hằng năm để họ cố gắng tham gia đầy đủ. Bồi dưỡng theo chức danh: Bí thư, phó Bí thư, ủy viên Ban Thường vụ. Các chương trình bồi dưỡng cho cấp ủy cần có một số nội dung cơ bản như: bổ sung những tri thức mới trong lý luận và tổng kết thực tiễn, những vấn đề mới trong đường lối, chính sách; chú trọng bồi dưỡng kỹ năng thực hành, kỹ năng tác nghiệp trong từng chức danh cụ thể của từng cấp ủy viên...

Thứ sáu, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên. Cấp ủy cấp trên nâng cao trách nhiệm, tăng cường chỉ đạo việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể ở cơ sở; sát cơ

sở, sát dân, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách ruộng đất, thu, chi ngân sách ở cơ sở. Thực hiện chặt chẽ, hợp lý và đồng bộ chế độ, chính sách đối với “cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn” như các chức danh bí thư, phó bí thư và thường vụ, thường trực đảng ủy xã, phường, thị trấn; thực hiện theo chế độ “cán bộ không chuyên trách” đối với cấp ủy viên cơ sở và bí thư chi bộ trực thuộc. Cấp ủy cấp trên phải thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, việc thực thi thẩm quyền của cá nhân đồng chí bí thư cấp ủy và tập thể cấp ủy cấp dưới, kịp thời phát hiện những sai phạm để chấn chỉnh. Đồng thời, phải xử lý nghiêm minh theo điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với những tập thể và cá nhân lợi dụng thẩm quyền cố ý làm trái, nhằm mục đích trục lợi cá nhân, gây hậu quả xấu để giữ vững kỷ cương, làm trong sạch tổ chức đảng ngay từ cấp cơ sở./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 196-197
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, H.2011, tập 8, tr.286
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, tập 14, tr.28.

ĐA DẠNG HOÁ SINH KẾ CHO NGƯỜI NGHÈO HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH



ThS. CHU THỊ THU HUYỀN

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, Hà Tĩnh đã chỉ đạo triển khai hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhiều chính sách ưu đãi được triển khai với mục tiêu là giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo trên địa bàn Hà Tĩnh.

Ngày 23/6/2021, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030, Nghị quyết nhấn mạnh: Đảng và Nhà nước ta xác định công tác giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, quan trọng, nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp ở Hà Tĩnh đã quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân, công tác giảm nghèo đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật:

Thứ nhất, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khá đồng bộ, toàn diện lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh) triển khai hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhiều chính sách ưu đãi được triển khai, mục tiêu là giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, vùng sâu, biên giới thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt nghèo, nâng tỉ lệ hộ nghèo lên mức khá.

Thứ hai, đầu tư ngân sách nhà nước và nguồn lực huy động từ xã hội đầu tư cho công tác giảm nghèo ngày càng tăng; nhận thức, ý chí vươn lên của người nghèo tăng cao, có nhiều tấm gương điển hình nỗ lực vươn lên thoát nghèo; hàng trăm hộ nghèo

đã thoát nghèo, nhiều hộ có cuộc sống trung bình, khá giả, nhiều địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng khó khăn, một số địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới. Nhiều mô hình giảm nghèo được triển khai như hỗ trợ xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh; Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 của Sở Lao động thương binh và xã hội: Tổng số hộ nghèo 11.566 hộ, chiếm tỷ lệ 3,03%; tổng số nhân khẩu thuộc hộ nghèo 23.615 nhân khẩu; tổng số hộ cận nghèo 15.675 hộ, chiếm tỷ lệ 4,11%; tổng số nhân khẩu thuộc hộ cận nghèo 47.315 nhân khẩu; năm 2022 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025), tỷ lệ nghèo đa chiều 30.013 hộ, chiếm tỷ lệ 7,83%; tổng số hộ nghèo 14.527 hộ, chiếm tỷ lệ: 3,79%; tổng số nhân khẩu thuộc hộ nghèo 30.538 nhân khẩu; tổng số hộ cận nghèo 15.486 hộ, chiếm tỷ lệ 4,04%; tổng số nhân khẩu thuộc hộ cận nghèo: 46.768 nhân khẩu.

Như vậy, về tỉ lệ hộ nghèo của Hà Tĩnh đã giảm dần qua các năm: Năm 2021 tỷ lệ

hộ nghèo giảm 0,48% (theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020); năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,89% (theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025); năm 2023 dự kiến giảm 0,65%, đặc biệt Hà Tĩnh không có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.¹ Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2021 - 2023 đáp ứng mục tiêu, chỉ tiêu do Thủ tướng chính phủ, HĐND tỉnh giao. Kết quả trên có ý nghĩa rất to lớn, khẳng định ý chí, quyết tâm cao của cấp ủy, chính quyền và nhân dân tỉnh nhà trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, thể hiện tinh thần vượt khó vươn lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, kết quả giảm nghèo trên địa bàn Hà Tĩnh chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo và phát sinh nghèo còn cao; chênh lệch mức sống, điều kiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản, tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm giữa các địa phương, nhóm dân cư chưa được thu hẹp nhiều; một số nơi tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống còn khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, bãi ngang ven biển; một số cơ chế, chính sách, chương trình giảm nghèo chưa thực sự hiệu quả; một bộ phận người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, chưa chủ động tự vươn lên thoát nghèo. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giảm nghèo; quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế. Một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc triển khai các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Do vậy, tiến độ giải ngân chậm, tỷ lệ tương đối thấp. Nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, chưa khơi dậy được tiềm năng,

thế mạnh, chưa phát huy được nội lực của toàn dân và cộng đồng. Biến đổi khí hậu, thiên tai, quá trình đô thị hóa nhanh, chất lượng nguồn nhân lực thấp; đặc biệt, tác động của dịch COVID-19 tiếp tục là những thách thức lớn đối với công tác giảm nghèo bền vững. Đặc biệt, Hà Tĩnh có hơn 60% hộ nghèo không có khả năng lao động, hơn 30% hộ cận nghèo không có khả năng lao động². Do vậy, số lượng đối tượng dễ đào tạo nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở Hà Tĩnh khá hạn chế.

Để hoàn thành mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 0,6 - 1,0%/năm; đến năm 2025, có 100% xã có tỷ lệ nghèo đa chiều đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025³; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, hướng đến giải quyết các vấn đề thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, vấn đề quan trọng nhất là đa dạng hoá sinh kế cho người nghèo, lấy phát triển kinh tế là trọng tâm để giảm nghèo bền vững, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người dân nói chung, người nghèo nói riêng, trước mắt Hà Tĩnh cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương về việc đa dạng hoá sinh kế cho người nghèo với phương châm cho cần câu không cho con cá. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong công tác đa dạng hoá sinh kế cho người nghèo. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quán triệt, thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030. Trước hết, phải tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai

đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo, nội dung trọng tâm là tiếp tục mở rộng các chương trình xóa đói, giảm nghèo, kể cả chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững. Coi đây là nhiệm vụ chính trị của địa phương mình; chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình một cách tích cực, khoa học, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan. Với mục đích mở rộng cơ hội tiếp cận, đa dạng hoá các ngành nghề, chú trọng ngành nghề người nghèo có lợi thế hoặc có thể tiếp cận nhanh. Khảo sát đánh giá thực chất tình hình, các lợi thế và rào cản ở địa phương cũng như nguồn lực có thể thực hiện để có giải pháp cụ thể cho từng khu vực, từng giai đoạn. Hạn chế hỗ trợ ngắn hạn, chú trọng các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống lâu dài, bền vững.

Hai là, tuyên truyền nâng cao nhận thức, nâng cao dân trí, trình độ học vấn cho người dân; vận động các tầng lớp nhân dân, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no. Đây là mấu chốt để thoát nghèo và thoát nghèo bền vững. Trong mọi thay đổi thì quan trọng nhất nhưng khó khăn nhất là vấn đề nhận thức, vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hơn nữa nhận thức của người dân trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo nhanh và bền vững để người dân hiểu và chủ động biến nhận thức thành hành động cụ thể.

Công tác tuyên truyền cần tạo điều kiện để chính người nghèo được tham gia vào quá trình truyền thông, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân, đặc

biệt là người nghèo hiểu rõ hơn về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước hỗ trợ cho công tác giảm nghèo bền vững; nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo; đồng thời, bổ sung kiến thức, kỹ năng sản xuất cho người nghèo, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện. Tuyên truyền những tấm gương điển hình tiên tiến của cá nhân, tập thể trong thực hiện xóa đói, giảm nghèo, khơi dậy tính tự lực, ý chí thoát nghèo. Bên cạnh đó, các ban ngành đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc vào cuộc để hỗ trợ, giúp đỡ, đỡ đầu công tác giảm nghèo đến tận đơn vị thôn xóm và hộ gia đình. Tập trung đầu tư vào con người, nâng cao năng lực phát triển của người dân. Đồng thời, xoá bỏ tâm lý dựa dẫm, trông chờ ỷ lại của người dân.

Ba là, lấy người nghèo làm chủ thể trong chủ trương đa dạng hoá sinh kế, chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, tạo việc làm, sinh kế bền vững cho người dân, chuyển dịch lao động phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Trong việc đa dạng hoá sinh kế cần lấy người nghèo làm chủ thể trực tiếp. Để tránh tình trạng gượng ép, thiếu tính chủ động thì trong quá trình triển khai các dự án, tiểu dự án, người nghèo phải được biết, được bàn, được lựa chọn mô hình phù hợp với khả năng và đặc điểm của hộ gia đình mình, từ đó nâng cao hiệu quả mô hình giảm nghèo. Khắc phục tình trạng đại trà, tràn lan, chia đều trong công tác hỗ trợ hộ nghèo. Đặc biệt cần tránh tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, nhà cần không có, nhà có không cần. Bên cạnh đó, cần chú trọng phân loại đối tượng để người có khả năng lao động phải được trang bị kỹ năng nghề, tập huấn kiến thức nhằm tạo cơ hội, động lực và sự tự tin cho chính lao động khi tham gia thị trường lao động hoặc tiếp cận cơ hội việc làm. Trên thực tế, mỗi hộ

gia đình có một lao động được đào tạo, có kiến thức và kỹ năng nghề thì họ sẽ có cách tiếp cận thị trường lao động để tạo ra nguồn thu nhập. Đây là cách thoát nghèo hiệu quả, bền vững, hướng đến mục tiêu đa dạng sinh kế cho người nghèo.

Ngoài ra, cần tập trung ưu tiên hỗ trợ phương tiện sản xuất, đặc biệt là cây, con giống, kỹ thuật và kiến thức nhằm tạo việc làm cho hộ nghèo, cận nghèo. Gắn với đó là lựa chọn đúng đối tượng nghèo, có sự tác động, giúp đỡ phù hợp để công tác giảm nghèo phát huy hiệu quả cao, giúp hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Từ hiệu quả của việc đa dạng hoá sinh kế sẽ lan tỏa, nhân rộng để các hộ dân khác cùng học hỏi, mạnh dạn đầu tư, phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững, vươn lên làm giàu chính đáng.

Bốn là, xây dựng mô hình sinh kế phù hợp với thực trạng địa phương. Chính quyền cấp xã cần khảo sát, đánh giá một cách thực chất nhất những nguyên nhân cũng như đề xuất các giải pháp cụ thể để hỗ trợ cho từng hộ gia đình. Phân loại tỉ lệ các hộ gia đình có người trong độ tuổi lao động hoặc có khả năng lao động mà thiếu việc làm, thiếu vốn hay thiếu kiến thức; tỉ lệ hộ nghèo không có khả năng lao động nhằm hỗ trợ hợp lý các nguồn lực. Chú trọng xây dựng mô hình phù hợp, tập huấn các quy trình như kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh, bảo quản sản phẩm để quản lý, phát triển và nhân rộng mô hình. Trong quá trình thực hiện mô hình hỗ trợ cần thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn bà con quy trình chăm sóc, cho ăn, phòng trừ sâu bệnh, phối giống... để bà con phát huy hiệu quả của mô hình, tránh xảy ra tình trạng hao hụt con giống do bệnh tật, do chăm sóc không đúng quy trình. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo giảm nghèo xã và Ban

phát triển thôn cử cán bộ giám sát, giúp đỡ, hỗ trợ bà con trong quá trình này và hàng tháng, hàng quý phải báo cáo kết quả lên ban chỉ đạo để tìm hướng xử lý hợp thời khi phát sinh vấn đề.

Năm là, quan tâm đầu ra của các sản phẩm từ các mô hình hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo. Từ việc hỗ trợ theo mùa vụ các mô hình hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế biến... cần quan tâm là hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho bà con sau khi đảm bảo đủ điều kiện xuất chuồng và thu hoạch. Muốn làm tốt khâu này thì cấp uỷ, chính quyền cần hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các tổ hợp tác tại xã để có quy trình chuẩn từ đầu vào cho đến khi thu hoạch. Quan tâm đầu ra của sản phẩm, liên kết, giới thiệu giúp bà con tiêu thụ sản phẩm, tránh tình trạng phát triển mô hình nhưng bỏ mặc đầu ra, không phát huy được hiệu quả của mô hình, gây lãng phí ngân sách nhà nước và công sức của người dân.

Cấp uỷ, chính quyền nên có kế hoạch để thông qua các tổ chức đoàn thể giới thiệu sản phẩm của các mô hình; thông qua Gian hàng OCOP kết nối tiêu thụ sản phẩm tại gian hàng và các hội chợ trong tỉnh, trong nước; thông qua hệ thống các chợ, thương lái, các cửa hàng kinh doanh rau, củ, quả sạch phục vụ cho thị trường nội tỉnh như khu kinh tế Vũng Áng, thành phố Hà Tĩnh và các bếp ăn tập thể...; tập huấn cho bà con có kiến thức, kỹ năng và hỗ trợ các thiết bị và phương tiện bán hàng qua sàn thương mại điện tử và các thị trường truyền thống khác.

Sáu là, đa dạng hoá nguồn vốn gắn với việc thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình xây dựng mô hình, kịp thời hỗ trợ đồng hành cùng các hộ dân, đồng thời tránh thất thoát, tránh việc lợi dụng chính sách, hỗ trợ sai đối tượng, bỏ bê mô hình. Vốn là

nhân tố không thể thiếu đối với quá trình sản xuất và hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo. Tuy nhiên, việc quản lý nguồn vốn vay hỗ trợ sinh kế những năm vừa qua chưa mang lại hiệu quả thực sự. Thay vì vay vốn để phát triển sản xuất thì tình trạng vay vốn trả nợ, làm nhà, vay vốn “gửi” vẫn còn xảy ra, dẫn đến nguồn vốn sử dụng sai mục đích, không phát huy được hiệu quả, dễ bị thất thoát, không phục vụ được mục đích là hỗ trợ người nghèo tự lực vươn lên, thoát nghèo bền vững.

Thực tế cho thấy, sự quan tâm của chính quyền địa phương, sự bám sát cơ sở chính là một yếu tố quan trọng trong xây dựng và phát huy mô hình giảm nghèo. Tránh việc lợi dụng chính sách, sau khi được hỗ trợ có thể xảy ra tình trạng bán, cho, bỏ bê cây, con giống dẫn đến thất thoát. Nếu không có sự theo dõi, giám sát mô hình sẽ lãng phí ngân sách mà không mang lại hiệu quả thật sự. Công tác quản lý, theo dõi quá trình thực hiện mô hình phải được tiến hành thường xuyên, liên tục. Bên cạnh đó, cần nêu cao trách nhiệm của cán bộ, bộ phận chuyên môn, công chức được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi, đồng thời lập phương án hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo trên cơ sở thực tiễn, phù hợp với địa phương và cá nhân từng hộ gia đình.

Bảy là, đầu tư hỗ trợ dưới hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Nhà nước hỗ trợ một phần, bà con tự lực một phần để gây dựng mô hình giảm nghèo bền vững. Cần tập trung rà soát, chính sách giảm nghèo theo hướng chuyển dần phương thức hỗ trợ từ “cho không” sang hỗ trợ có điều kiện (cho vay); từ hỗ trợ đầu vào trong sản xuất sang hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm (từ giúp kết nối kênh tiêu thụ sản phẩm, tiến tới xây dựng thương hiệu

Xem tiếp trang 31

PHÁT HUY VAI TRÒ KINH TẾ TẬP THỂ Ở HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới khẳng định: “Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân... Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là trọng tâm, bao gồm lợi ích của thành viên, tập thể và Nhà nước, đồng thời coi trọng lợi ích chính trị, văn hoá, xã hội trên địa bàn”. Ở Hà Tĩnh, kinh tế tập thể đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế tập thể được thể hiện bởi nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã...), trong đó hợp tác xã là nòng cốt, dựa trên sở hữu của các thành viên và tập thể; tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đối nhân, không phụ thuộc vào vốn góp; phân phối theo mức độ tham gia dịch vụ, theo hiệu quả lao động và theo vốn. Phát triển kinh tế tập thể là một trong những phương thức để giảm nghèo bền vững, là nền tảng quan trọng để đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; là cơ sở để “hợp tác” trở thành văn hóa, bản sắc, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng vươn lên ở chính mỗi thành viên.

Tại Hà Tĩnh trong những năm vừa qua, kinh tế tập thể phát triển cả về số lượng và chất lượng, đa dạng về hình thức hợp tác. Đến 12/2022, toàn tỉnh có tổng 3.980 hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trên các lĩnh vực (trong đó 1.039 hợp tác xã, 3 liên hiệp hợp tác xã và 2.938 tổ hợp

tác), giải quyết việc làm cho gần 90.000 lao động. Doanh thu bình quân của hợp tác xã đạt 992 triệu đồng; liên hiệp hợp tác xã đạt 21.900 triệu đồng, tổ hợp tác đạt 392 triệu đồng. Lãi bình quân của hợp tác xã 121 triệu đồng/ hợp tác xã/ năm, liên hiệp hợp tác xã 250 triệu/ hợp tác xã/ năm, tổ hợp tác 60 triệu đồng/ tổ hợp tác/ năm¹.

Nhìn chung, các hợp tác xã đã phát huy vai trò tập hợp, vận động bà con nông dân đổi mới cách nghĩ, cách làm, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và thực hiện liên doanh, liên kết, tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm. Trên một số lĩnh vực khác, các hợp tác xã đã mở rộng sản xuất, tạo thêm nhiều ngành nghề, phát triển kinh doanh tổng hợp, đầu tư trang thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ cao, công nghệ số để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, góp phần tạo việc làm cho thành viên và người lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Qua 03 năm triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm, đã có 249 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao và 4 sao, trong đó có 105 sản phẩm/84 hợp tác

xã; 23 sản phẩm /22 tổ hợp tác đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao. Các hợp tác xã, tổ hợp tác có sản phẩm được công nhận đều là những sản phẩm đặc trưng cho thế mạnh của mỗi vùng, địa phương trong tỉnh.²

Tuy nhiên, hiện nay hoạt động của kinh tế tập thể đang còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhận thức về phát triển kinh tế tập thể của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đầy đủ, chưa thấy được vai trò quan trọng của kinh tế tập thể. Số lượng hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh lớn, nhưng hiệu quả hoạt động còn chưa cao. Các hợp tác xã hoạt động trung bình chiếm tỷ lệ 30%; hoạt động yếu, chiếm tỷ lệ 28 %. Các hợp tác xã, tổ hợp tác có quy mô hoạt động còn nhỏ, thiếu vốn, thiếu đất, thiếu phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả; sản xuất manh mún, liên doanh liên kết lỏng lẻo. Quá trình chuyển đổi số diễn ra chậm, quy mô đầu tư nhỏ, hàm lượng công nghệ số chưa cao. Đội ngũ cán bộ quản lý đã qua đào tạo vẫn còn ít, chỉ 610 người/7.001 người. Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể hiệu quả chưa cao, thiếu cơ chế, chế tài đối với trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương trong phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

Để phát huy vai trò của kinh tế tập thể góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các địa phương, đơn vị cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong cấp ủy, chính quyền, Nhân dân về tầm quan trọng của kinh tế tập thể. Tập trung tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã; vai trò, vị trí của kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới, đặc biệt

là Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 51/2021/HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 -2025; Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025. Đổi mới, đa dạng hình thức tuyên truyền như: Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và trên cổng thông tin điện tử của các Sở, ngành, địa phương. Đưa phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vào Nghị quyết của cấp ủy; kế hoạch, chương trình công tác chỉ đạo trọng tâm của chính quyền địa phương để triển khai thực hiện. Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động tiêu biểu hiệu quả nhằm lan tỏa, nhân rộng trên toàn tỉnh...

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp và công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể. Cấp ủy các cấp cần xem việc phát triển kinh tế tập thể là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và quan trọng; chú trọng công tác cán bộ và phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong hợp tác xã; chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã đã chuyển đổi và thành lập mới trên địa bàn theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Kịp thời, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, tập trung và thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ nghiệp vụ chuyên môn và kinh nghiệm về kinh tế tập thể để có nắm bắt và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhằm phát huy hơn hiệu quả kinh

tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác nắm bắt, trao đổi thông tin; tích cực chủ động phối hợp tạo điều kiện giải quyết nhanh gọn các thủ tục hành chính về mặt pháp lý đối với các nhu cầu chính đáng, hợp pháp của các tổ chức kinh tế tập thể. Thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm tra, giám sát, công tác báo cáo, sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế tập thể. Thường xuyên kiểm tra, tổng kết và tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, nhất là đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác làm ăn hiệu quả gắn với chuỗi giá trị bền vững.

Thứ ba, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể. Phát huy tinh thần dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên trong các tổ chức kinh tế tập thể. Khuyến khích mở rộng thành viên, đa dạng hoá các loại thành viên trong tổ chức kinh tế tập thể (thành viên chính thức và thành viên liên kết) tùy theo nhu cầu, khả năng đóng góp và mức độ tham gia. Khuyến khích việc tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động, tăng vốn đầu tư phát triển; thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ. Thành lập doanh nghiệp tại những tổ chức kinh tế tập thể có đủ điều kiện; khuyến khích liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP, tham gia các liên hiệp hợp tác xã mạnh để thu hút vốn đầu tư, khai thác công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý, thị trường... Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, quản lý của các tổ chức kinh tế tập thể nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Lựa chọn các mô hình trên các lĩnh vực tham gia vào quá trình chuyển đổi số để phát triển thành các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác điển hình, tiêu biểu, hiệu quả.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, quản trị kinh doanh, quản trị tài chính, marketing cho các thành viên, quản lý tại các tổ chức kinh tế tập thể. Bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ trong quản lý, sản xuất, tiêu thụ. Tập trung tập huấn, bồi dưỡng hệ thống quản lý chất lượng tiến, công nghệ mới nhằm cải tiến năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc, áp dụng mã số, mã vạch, mã QR Code cho sản phẩm, hàng hóa; kỹ năng bán hàng trên sàn thương mại điện tử, từ cách chụp ảnh sản phẩm, viết nội dung, xây dựng các kịch bản kinh doanh bán hàng trực tuyến, lựa chọn kênh bán đến livestream... Quá trình đào tạo, bồi dưỡng hướng đến mỗi thành viên của hợp tác xã có thể trở thành một chủ doanh nghiệp chủ động nắm thông tin thị trường, mở rộng kênh phân phối, quảng bá hình ảnh sản phẩm đến người tiêu dùng, xây dựng thương hiệu, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tiếp tục triển khai và thực hiện mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng có hiểu biết, năng động, sáng tạo, mạnh dạn đổi mới về làm việc có thời hạn tại Hợp tác xã nông nghiệp.

Thứ năm, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhằm phát huy hơn hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan chuyên môn phụ trách về hoạt động của kinh tế tập thể có trách nhiệm tham mưu với Ban chỉ đạo kinh tế tập thể của tỉnh, huyện xây dựng phương án tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi giữa các hợp tác xã, doanh nghiệp và các ngân hàng, Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh, huyện để nắm bắt, hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận chính sách, nguồn vốn, đất đai nhất là các chính sách theo Nghị quyết số 51/2021/HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với

xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 -2025; Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai trên địa bàn tỉnh.

Thứ sáu, huy động các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể. Liên minh hợp tác xã tỉnh tăng cường, nâng cao hiệu quả đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên; thường xuyên bám sát, chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của hợp tác xã để hướng dẫn xử lý hoặc đề xuất các cấp, ngành giải quyết; đồng thời phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể Nhân dân thực hiện tốt công tác vận động quần chúng, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX, Nghị quyết Trung ương 5 khoá XIII. Đồng thời, huy động các nguồn lực và sự hỗ trợ của cá nhân, các tổ chức trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tăng thu nhập cho các thành viên, thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra./.

Chủ thích:

1,2. Liên minh hợp tác xã: *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển KTT, HTX năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023*

ĐA DẠNG HOÁ SINH KẾ

(Tiếp theo trang 27)

cho sản phẩm); hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Xây dựng các chính sách hỗ trợ nhóm hộ cận nghèo, nhóm hộ mới thoát nghèo để họ tiếp tục được trợ giúp về tín dụng, về khuyến nông - lâm nghiệp, học nghề trong một thời gian nhất định để có đủ tiềm lực và vững vàng hơn khi tự vươn lên thoát nghèo, bỏ xa ngưỡng nghèo, tránh tình trạng bị rơi xuống dưới ngưỡng nghèo hoặc tái nghèo khi gặp rủi ro như thiên tai, đau ốm, tai nạn... Có chế độ khen thưởng đối với những địa phương, thôn xóm đăng ký thực hiện và hoàn thành mục tiêu giảm nghèo. Đẩy mạnh phong trào thi đua “*Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” nhằm tôn vinh, khen thưởng, động viên kịp thời những tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác giảm nghèo và những gương sáng thoát nghèo điển hình tiêu biểu; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào quyên góp ủng hộ “*Quỹ vì người nghèo*”, đóng góp tích cực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đặc biệt, thông qua chương trình giảm nghèo, đa dạng hoá sinh kế cho người nghèo cũng giúp người dân thay đổi tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chủ động vươn lên trong cuộc sống. Đó cũng chính là mục tiêu hướng đến của việc xây dựng và thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững./.

Chủ thích:

(1). (2). (3) Sở LĐ, TB và xã hội. *Báo cáo tình hình triển khai thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026 – 2030.*

VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN THỊ LAM

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Kinh tế tuần hoàn được hiểu là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất và dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Xác định phát triển kinh tế tuần hoàn là xu thế phát triển về kinh tế trong tương lai, là cách tốt nhất để giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và các các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực tới cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm và suy thoái môi trường, trong thời gian qua, tỉnh Hà Tĩnh đã lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường theo hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn, nhằm thực hiện được đồng thời nhiều mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Kinh tế tuần hoàn là kinh tế tái sử dụng chất thải, coi chất thải là tài nguyên, đồng thời kết nối giữa các hoạt động kinh tế một cách có tính toán từ trước, tạo thành các vòng tuần hoàn trong nền kinh tế. Kinh tế tuần hoàn đang trở thành xu thế tất yếu trong bối cảnh tài nguyên ngày càng suy thoái, cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, biến đổi khí hậu diễn biến khốc liệt.

Khái niệm kinh tế tuần hoàn được các tác giả Pearce và Turner sử dụng lần đầu năm 1990 trong cuốn sách “Kinh tế Tài nguyên và Môi trường”. Đến nay, có nhiều tài liệu đưa ra các khái niệm khác nhau do cách tiếp cận từ các góc độ nghiên cứu và ứng dụng riêng. Từ góc độ nền kinh tế, kinh tế tuần hoàn có thể được hiểu là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất và dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Sự tuần hoàn thể

hiện trong tái sử dụng, thông qua chia sẻ, sửa chữa, tân trang, tái chế, tái sản xuất... tạo lập các vòng lặp khép kín, nhằm giảm tối thiểu nguyên liệu đầu vào, lượng phế thải, khí thải và độ ô nhiễm.

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đưa ra khái niệm: “Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường”¹.

Như vậy, nền kinh tế tuần hoàn là một chu trình sản xuất khép kín, các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người.

Cùng với quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế, những tác động của con người trong việc khai thác nguồn tài nguyên

quá mức và xâm phạm vào vùng lõi thiên nhiên gây mất đa dạng sinh học và mất cân bằng sinh thái đang là một thực trạng ở Việt Nam. Tình trạng suy giảm tài nguyên, tiêu thụ nhiều năng lượng, ô nhiễm, suy thoái đất và biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến tương lai của nền kinh tế nước ta. Nếu tiếp tục phát triển theo nền kinh tế thẳng (kinh tế tuyến tính) như hiện nay dựa vào vốn tài nguyên - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ, việc phải đối mặt với thảm họa về tài nguyên, thảm họa về môi trường trong tương lai sẽ khó tránh khỏi. Vấn đề về chất thải nhựa, chất thải từ bao bì sau khi sử dụng đang là một vấn đề thách thức đối với môi trường và sức khỏe của người dân. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là một trong những nước chịu ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng của biến đổi khí hậu toàn cầu. Trong những năm gần đây, việc khai thác quá mức tài nguyên, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa gia tăng, cùng với lối sống hiện đại, sử dụng nhiều năng lượng đã dẫn đến gia tăng phát thải khí nhà kính, đang gây ra những hậu quả tiêu cực cho môi trường và con người. Do đó, sự chuyển hướng về nền kinh tế tuần hoàn là yêu cầu tất yếu. Phát triển kinh tế tuần hoàn vừa giúp thúc đẩy sự phát triển kinh tế thông qua kéo dài vòng đời của sản phẩm, giảm thiểu sự lãng phí; đồng thời giúp giảm lượng phát thải nhà kính và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Quan điểm phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường được khẳng định trong nghị quyết Đại hội qua các thời kỳ. Nhiều nội dung liên quan kinh tế tuần hoàn như: tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, phát triển năng lượng tái tạo, tái chế phế thải cũng được đề cập trong các nghị quyết của Đảng. Chỉ thị 36/CT-TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã khuyến khích áp dụng một hoặc

một số mục tiêu nội hàm của kinh tế tuần hoàn như quy định về thuế, tín dụng nhằm hỗ trợ áp dụng các công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng. Năm 2004, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó, khuyến khích sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, các sản phẩm và bao bì sản phẩm không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường; tái chế và sử dụng các sản phẩm tái chế. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững... Tuy nhiên, khái niệm kinh tế tuần hoàn chỉ được đề cập trong các văn kiện gần đây của Đảng. Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chính thức đặt ra nhiệm vụ về thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; đề ra các giải pháp phát triển năng lượng tái tạo, trong đó khẳng định: Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn.

Quan điểm kinh tế tuần hoàn tiếp tục được nhấn mạnh trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 đã khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất. Nghị quyết Đại hội XIII quán triệt tầm nhìn và định hướng phát triển giai đoạn 2021-

2030: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”².

Quyết định 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam” đã đề ra mục tiêu: “Phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước các cú sốc từ bên ngoài, nhằm góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các - bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu”³.

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Chính phủ, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế bền vững, đảm bảo môi trường, hướng đến phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nêu rõ: “Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thân thiện với môi trường, khuyến khích các doanh

nh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất theo hướng tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối; ưu tiên sản xuất nông nghiệp hữu cơ với các loại giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh”⁴. Trên tinh thần đó, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã tổ chức xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ đạo, tuyên truyền vận động nhân dân, doanh nghiệp xây dựng các mô hình kinh tế phát triển xanh, bền vững.

Thực tiễn cho thấy, mô hình kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn đã manh nha hình thành từ những năm 90 của thế kỷ XX trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, như: mô hình vườn - ao - chuồng, mô hình kết hợp trồng trọt, chăn nuôi theo chuỗi thức ăn và xử lý chất thải bằng biogas. Đây là mô hình kinh tế sinh thái nông nghiệp bền vững mà các thành phần trong hệ thống có mối liên hệ mật thiết với nhau. Mặc dù chưa hoàn thiện và áp dụng chủ yếu ở quy mô nhỏ hộ gia đình hoặc hợp tác xã, nhưng mô hình này đã cho thấy hiệu quả kinh tế ban đầu về việc tận dụng tài nguyên và giảm tác động môi trường do tác hại của các chất thải từ chăn nuôi gây ra.

Trong những năm gần đây, với sự phát triển của khoa học công nghệ, sự biến đổi của khí hậu, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm đầu tư, xây dựng các mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ tuần hoàn, nông nghiệp sạch, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP 3, 4 sao, kết nối nhiều hộ gia đình thành lập tổ Vietgap để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản sạch. Tập trung chuyển đổi sản xuất hữu cơ nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Nhiều mô hình trồng lúa hữu cơ kết hợp nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái đồng ruộng đưa lại hiệu quả kinh tế

cao và phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp như mô hình hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ tổng hợp Liên Nhật, (Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh), mô hình nuôi cá kết hợp trồng lúa hữu cơ của anh Luận, (Cẩm Bình, Cẩm Xuyên); các mô hình gia súc, gia cầm, trang trại chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh đã liên kết với tập đoàn Quế Lâm sử dụng đệm lót chuồng sinh học. Sau khi bán thành phẩm, phần đệm lót sinh học sẽ được xử lý thành phân bón hữu cơ, làm gia tăng nguồn thu nhập cho người chăn nuôi. Đệm lót được làm từ vỏ trấu trộn men vi sinh có tác dụng khử mùi, đẩy nhanh tốc độ hoại mục chất thải của lợn, trở thành phân hữu cơ dùng trồng hoa, cây cảnh, trồng rau, cây màu vụ đông. Chăn nuôi theo phương thức mới, các chi phí đầu vào như: điện, nước, phòng, chống dịch bệnh đều giảm.

Trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các mô hình kinh tế tuần hoàn trên địa bàn của tỉnh đã được ứng dụng. Cụ thể: để phát triển năng lượng tái tạo, các doanh nghiệp đã đầu tư vào phát triển năng lượng điện mặt trời, mô hình tận dụng phế phẩm, phụ phẩm trong sản xuất được áp dụng ở doanh nghiệp như phế phẩm ngành tro xỉ nhà máy nhiệt điện làm vật liệu xây dựng, trong tiêu dùng, nhiều mô hình tiêu dùng xanh đã ra đời theo hướng sử dụng sản phẩm có khả năng tái tạo, tiết kiệm năng lượng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh vẫn đang còn những hạn chế nhất định như: các ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp tuần hoàn chưa nhiều, chưa được triển khai trên diện rộng; các chủ trang trại chưa có kinh nghiệm xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp, gắn với xử lý nguồn thải, phụ phẩm phát sinh trong sản xuất; nhận thức về lợi ích của việc chăn nuôi an toàn,

tuần hoàn của một bộ phận người dân hạn chế; tâm lý ngại thay đổi, thói quen chăn nuôi truyền thống, chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ còn tồn tại, gây cản trở cho quá trình sản xuất quy mô lớn, tập trung.

Để phát triển kinh tế tuần hoàn đúng hướng, đóng góp tích cực vào lộ trình và mục tiêu phát triển bền vững của Hà Tĩnh, cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tuyên truyền để nâng cao và thống nhất nhận thức trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về kinh tế tuần hoàn. Kinh tế tuần hoàn đã và đang là xu hướng mang tính toàn cầu, không chỉ vì lợi ích trước mắt mà còn là vì lợi ích lâu dài của mỗi quốc gia, dân tộc. Đổi mới tư duy và nhận thức về kinh tế tuần hoàn không chỉ dành cho Nhà nước hay doanh nghiệp, hợp tác xã mà cần có sự chung tay của cả cộng đồng. Cụ thể như sự thay đổi tư duy tiêu dùng của người dân, hướng đến tiêu dùng “xanh”, thân thiện với môi trường sẽ thúc đẩy thị trường và kinh tế “xanh” phát triển, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp chuyển hướng sang sản xuất “xanh” và tạo ảnh hưởng lan tỏa cho phát triển bền vững. Nâng cao ý thức không chỉ người dân mà cả với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh về trách nhiệm với rác thải, về giá trị của rác thải khi áp dụng công nghệ phù hợp biến rác thải thành nguồn năng lượng hay vật liệu mới trong mô hình kinh tế tuần hoàn. Ví dụ: phân loại rác sinh hoạt trong cộng đồng gồm rác hữu cơ, rác nhựa và rác khác. Trong số đó, rác hữu cơ là nguồn nguyên liệu quan trọng sản xuất năng lượng điện từ khí biogas và phân bón hữu cơ. Rác nhựa phân loại tốt có thể được tái chế ra các vật dụng khác nhau tránh đổ thải ra môi trường gây hậu quả lâu dài; các vấn đề về rác thải điện tử, các doanh nghiệp cần có chính sách hợp tác với người tiêu dùng nhằm thu gom và tái chế các sản phẩm điện tử đúng quy trình, vì một môi trường xanh, sạch, đẹp.

Thứ hai, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ cho phát triển nền kinh tế tuần hoàn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp thay đổi tư duy về phát triển kinh tế tuần hoàn. Tỉnh cần xây dựng về chính sách hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp phát triển sản xuất năng lượng sinh học, góp phần giảm dần phụ thuộc vào khai thác và sử dụng năng lượng từ dầu mỏ. Xây dựng các mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu đô thị sinh thái (đô thị xanh). Khuyến khích đầu tư áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua các chính sách ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp sinh thái. Cụ thể là ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế nhập khẩu... Có chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo mô hình phát triển xanh, bền vững, bảo vệ môi trường.

Thứ ba, thực hiện kinh tế tuần hoàn gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và cách mạng công nghiệp 4.0. Công nghệ số giúp cải thiện khả năng cạnh tranh dựa trên các dịch vụ sáng tạo, giảm chi phí, thời gian, kết nối các chuỗi sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

Thứ tư, tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất, phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế quan trọng phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh. Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; các chế phẩm sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả.

Thứ năm, chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và

cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Thứ sáu, tuyên truyền người dân thay đổi thói quen tiêu dùng, thực hiện lối sống bền vững thông qua chiến lược tuyên truyền, truyền thông về kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất và công chúng về trách nhiệm đối với các sản phẩm; thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm được sản xuất, cung ứng từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng tiêu chí của mô hình kinh tế tuần hoàn phát triển bền vững. Tăng cường chuyển giao kỹ thuật, triển khai các dự án, mô hình trình diễn nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, sử dụng phụ phẩm sau thu hoạch.

Tóm lại, chiến lược phát triển bền vững, hài hòa với bảo vệ môi trường theo hướng kinh tế tuần hoàn vừa là nhu cầu cấp bách, vừa là xu thế tất yếu của tiến trình phát triển xã hội. Hà Tĩnh đã và đang kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển và xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp tái tạo. Đây là hướng đi mới trong sản xuất nông nghiệp xanh, bền vững, cần được nghiên cứu, đánh giá hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

Chú thích:

1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 – được kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/11/2020.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, H2021, t1, tr117.

3. Quyết định phê duyệt “Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam” ngày 7/6/2022

4. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX .tr 31,33.

VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG TỈNH NÔNG THÔN MỚI Ở HÀ TĨNH



ThS. PHAN CHÍ QUYẾT

Khoa Xây Dựng Đảng

Tóm tắt: Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới. Thực hiện các nội dung, mục tiêu xây dựng nông thôn mới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều quy định và chính sách nhằm huy động nguồn lực, phát huy tối đa vai trò toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trong đó, vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở được xác định là hạt nhân, là điều kiện quan trọng để các chủ trương, đường lối, chính sách về xây dựng nông thôn mới đến với toàn thể nhân dân và được triển khai, thực hiện có hiệu quả. Chính vì vậy, cùng với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cần quan tâm xây dựng và tăng cường vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm tổ chức cơ sở đảng, chính quyền nhân dân và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; là nơi tiếp xúc trực tiếp với nhân dân, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; là cầu nối giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước. Hệ thống chính trị ở cơ sở có “vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư”¹. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cấp xã là cấp gần gũi dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi”². Trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới, hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò:

Thứ nhất, quán triệt và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản của cấp ủy đảng và chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện về xây dựng nông thôn mới vào thực tiễn của địa phương; tạo sự đồng thuận chung về nhận thức, hành động trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng ở khu vực nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân.

Thứ hai, lập kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; xác định các mục tiêu dài hạn, ngắn hạn và lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở từng địa phương. Việc xác lập kế hoạch với các chỉ tiêu phù hợp với thực tế sẽ giúp chọn lựa cách thức thực hiện hợp lý, từ đó có các quyết định phù hợp và hiệu quả. Đây là vai trò mấu chốt, bao gồm

việc tìm ra các phương tiện và nguồn lực thích hợp, kịp thời để thực hiện thắng lợi các mục tiêu.

Thứ ba, tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, nhân dân về xây dựng nông thôn mới, từ đó có các hoạt động phối hợp, hỗ trợ triển khai thiết thực; góp phần thay đổi nhận thức của người dân, qua đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân; tuyên truyền, phổ biến, lan tỏa những mô hình hiệu quả, những cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới để địa phương có thể áp dụng. Đồng thời, cảnh báo bất cập để đơn vị, địa phương rút kinh nghiệm.

Thứ tư, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới: Thành lập bộ máy chỉ đạo, điều hành, giám sát, hướng dẫn nhân dân xây dựng nông thôn mới bảo đảm theo đúng pháp luật và các chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm chất lượng và hiệu quả, chống tham ô, lãng phí.

Thứ năm, vận động, huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới với phương châm và nguyên tắc xã hội hóa dựa trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm. Các hình thức huy động của hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: tiền mặt; hiện vật như: đất đai, hoa màu và các tài sản gắn liền với đất, ngày công lao động và các hình thức xã hội hóa khác.

Thứ sáu, kiểm tra, giám sát, bao gồm: xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát và phân công cán bộ kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết, chính sách, pháp luật về xây dựng nông thôn mới; quan tâm và tạo điều kiện để Ban giám sát cộng đồng hoạt động có hiệu quả; giải quyết kịp thời các kiến nghị.

Thứ bảy, đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền những mô hình,

kinh nghiệm quý báu trong xây dựng nông thôn mới; phát hiện những bất cập trong xây dựng nông thôn mới; chỉ ra những điểm phù hợp và phát hiện những vấn đề khiếm khuyết, không hợp lý trong thực hiện các chính sách liên quan đến xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đề xuất với các cơ quan và cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện chính sách, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trong những năm qua, Hà Tĩnh đã tập trung “lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị cơ sở trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, các chủ trương về xây dựng tỉnh nông thôn mới. Các địa phương đã có sự quan tâm soát xét theo tiêu chí mới và tổ chức triển khai thực hiện; công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế trong toàn tỉnh tiếp tục được đổi mới theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm biên chế; việc phân cấp, phân quyền quản lý được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương chủ động, sáng tạo gắn với tăng cường trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao...”³. Hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn của tỉnh Hà Tĩnh đã từng bước được củng cố và ngày càng hoàn thiện; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đã từng bước được nâng lên; góp phần thúc đẩy phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và thành thị trong toàn tỉnh. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục đạt những kết quả khá toàn diện, lan tỏa về chiều rộng và từng bước vững chắc, đi vào chiều sâu trên tất cả các phương diện.

Tuy là một tỉnh giàu tiềm năng, đang bước đầu được khai thác và phát triển, song Hà Tĩnh vẫn là tỉnh nghèo, nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, dân số đa phần sống ở nông thôn. Hệ thống chính trị ở cơ sở

còn nhiều mặt hạn chế. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn nhìn chung còn thấp, bị chi phối bởi các yếu tố mang tính đặc thù về lịch sử, văn hóa, địa lý... sự đa dạng giữa các vùng, miền từ vùng núi, trung du, đồng bằng, ven biển...; mật độ, quy mô dân số, diện tích, đất đai, phương thức canh tác khác nhau, trình độ kinh tế, đời sống văn hóa, hạ tầng kỹ thuật, tính chất cộng đồng dân cư, dân tộc, tín ngưỡng - tôn giáo, phong tục, tập quán các địa phương khu vực nông thôn... Những mối đe dọa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống như: tội phạm, tệ nạn xã hội ở vùng nông thôn có những diễn biến phức tạp, dịch bệnh, thiên tai, sự đình trệ của các chuỗi cung ứng hàng hóa... tác động làm cho việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở phải đối mặt với nhiều thách thức. “Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương chưa quyết liệt, việc tổ chức và khối lượng thực hiện không đồng đều giữa các địa phương; các xã, huyện sau khi được công nhận đạt chuẩn có biểu hiện chùng xuống, nhất là những xã, huyện chưa phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thiếu sự tập trung trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, không duy trì, phát huy được sự chủ động, vai trò chủ thể của người dân”⁴. Do vậy, cần phải xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đặc biệt là ở cơ sở, xem đây là nhân tố trực tiếp tác động đến quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới, tạo cơ sở để Hà Tĩnh phát triển ngang với trình độ chung của cả nước.

Để tiếp tục phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng tỉnh nông thôn mới, trong thời gian tới cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới và phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị các cấp trong xây dựng tỉnh nông thôn mới. Quán triệt vấn đề đổi mới, nâng cao vai trò của hệ thống chính trị các cấp có mối quan hệ trực tiếp đến việc thực hiện thành công các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương; thường xuyên xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cấp, các ngành để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình xây dựng nông thôn mới; hệ thống chính trị cấp trên cần quán triệt, tuyên truyền, vận động sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành và Nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước trong xây dựng tỉnh nông thôn mới.

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở về mục đích, ý nghĩa, vai trò to lớn của việc thực hiện Đề án thí điểm; chú trọng, nâng cao hơn nữa vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Cấp ủy ở các địa phương cần chủ động, tích cực tuyên truyền, vận động đến cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng tỉnh nông thôn mới, để mỗi bản thân người dân nhận thấy được xây dựng nông thôn mới là công việc thường xuyên của mỗi người, mỗi nhà, của từng xã, từng huyện, của tỉnh và của cả nước. Để phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng ở khu vực nông thôn của tỉnh Hà Tĩnh, với vai trò là lực lượng đi đầu trong xây dựng nông thôn mới, cần tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, năng lực tổ chức thực hiện, năng lực quản lý, điều hành xây dựng nông thôn mới. Cấp ủy đảng cơ sở cần cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng

và chính sách của Nhà nước về nông dân, nông nghiệp, nông thôn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả tại địa phương thông qua hệ thống các quy định, cơ chế, chính sách; tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; trên cơ sở xác định việc nâng cao năng lực định hướng của tổ chức cơ sở đảng là nhiệm vụ căn bản trong xây dựng và thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức sinh hoạt chi bộ theo hướng thiết thực, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của địa phương.

Thứ ba, nâng cao năng lực và phát huy vai trò nòng cốt của chính quyền cấp cơ sở trong lập kế hoạch chỉ tiêu và tổ chức xây dựng nông thôn mới. Chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cấp tỉnh, tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách hiện hành về xây dựng nông thôn mới, có kiến nghị, đề xuất, sửa đổi hoặc bổ sung, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp gắn liền với công tác cải cách hành chính, tập trung tinh gọn đầu mối phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, không áp dụng mang tính rập khuôn máy móc, đồng thời phải xác định rõ xây dựng nông thôn mới phải đi theo hướng phát triển bền vững và mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại. Chính quyền cấp cơ sở cần có những biện pháp phát huy hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, điều hành, như: nâng cao chất lượng các kỳ họp, đổi mới phương thức tiếp xúc cử tri và trực tiếp đối thoại với nhân dân; tăng cường công tác giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, trong đó có những vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới; thực hiện đổi mới phương thức hoạt động

của chính quyền trên cơ sở xác định rõ vai trò, vị trí của chính quyền cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới, từ đó xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước...

Thứ tư, phát huy vai trò tập hợp lực lượng, tuyên truyền và giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Xác định cụ thể nội dung, phương thức hoạt động, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các địa phương trên cơ sở bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, bảo vệ thiết thực quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên, nhằm nâng cao chất lượng công tác vận động nhân dân; khắc phục tình trạng “hành chính hóa” công tác đoàn thể; thực hiện chế độ “tự quản” trong cộng đồng dân cư; tăng cường chức năng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với bộ máy chính quyền trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội tại địa phương nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần phát huy tốt vai trò tập hợp, xây dựng khối đoàn kết, đồng thuận trong nhân dân, góp phần huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, bảo đảm nhân dân vừa là người thực hiện, vừa là người thụ hưởng những thành quả của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn đóng vai trò đi đầu, tiên phong, gương mẫu trong công tác tuyên truyền và tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu,

tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thường xuyên nhân rộng, lan tỏa, chia sẻ những điển hình tiên tiến, những mô hình hay, tạo sức lan tỏa và phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới; thường xuyên đổi mới hình thức, phương pháp và nội dung tuyên truyền sát với từng giai đoạn, thời điểm, thời kỳ cụ thể, góp phần nâng cao hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Thứ năm, tiếp tục triển khai đồng bộ có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh để tích hợp vào thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tập trung ưu tiên thực hiện các tiêu chí như: Phát triển sản xuất, xây dựng đường giao thông, thủy lợi, môi trường, giữ vững quốc phòng an ninh,...trong đó chú trọng đến công tác chỉ đạo thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nhất là sản phẩm nông nghiệp sạch - an toàn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn để tăng thu nhập cho lao động nông thôn một cách bền vững.

Thứ sáu, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực xã hội hóa, phát huy nội lực, huy động công sức, cơ sở vật chất xây dựng khu vực nông nghiệp nông thôn trong đó tập trung việc huy động đóng góp tự nguyện của Nhân dân, đảm bảo vừa sức dân, thuận lòng dân, khơi dậy tinh thần yêu nước của nhân dân, xác định rõ người nông dân chính là chủ thể của nông thôn, là hạt nhân để xây dựng nông thôn mới, thực hiện với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”.

Thứ bảy, tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp. Ban Quản lý cấp xã và Ban Phát triển thôn đảm bảo tinh gọn, đúng thành phần, hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò của từng thành viên trong chỉ

đạo điều hành và phụ trách ở cơ sở. Quan tâm xây dựng và nâng cao năng lực đối với đội ngũ nhân sự làm công tác xây dựng xây dựng nông thôn mới ở cấp xã, huyện, nhất là đối với những xã còn có nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội, gắn liền với việc đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường phân cấp cho cơ sở, tạo điều kiện cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành, quản lý các hoạt động của các chương trình.

Hệ thống chính trị ở cơ sở giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng; là nền tảng để đảm bảo ổn định và phát triển bền vững cho từng địa phương. Thời gian qua, hệ thống chính trị cơ sở ở tỉnh Hà Tĩnh thường xuyên được kiện toàn, củng cố, đổi mới, từng bước hoàn thiện, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cơ sở, nhất là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tăng cường và củng cố khối đoàn kết toàn dân; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ và phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp trên góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, sớm đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh nông thôn mới./.

Chú thích:

1. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 166.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 460
- 3,4. Báo cáo tổng kết xây dựng nông thôn mới năm 2022; triển khai nhiệm vụ năm 2023

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH - MỤC TIÊU KÉP TRONG THỰC HIỆN TỈNH NÔNG THÔN MỚI Ở HÀ TĨNH



ThS. HỒ THANH

Khoa Nhà nước - pháp luật

Tóm tắt: Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới thông minh là một xu hướng của tương lai, làm thay đổi toàn diện bộ mặt nông thôn một cách hiệu quả và bền vững, là cuộc cách mạng mang đến nhiều cơ hội phát triển một cách sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Tỉnh Hà Tĩnh đang tận dụng tối đa cơ các hội phát triển, xây dựng các giải pháp đồng bộ hướng tới trạng thái cân bằng phát triển giữa vùng nông thôn và đô thị, miền núi và vùng đồng bằng.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, thực hiện nội dung chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn thông minh, tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả to lớn, tạo ra những tiền đề căn bản cho việc thực hiện xây dựng tỉnh nông thôn mới, cụ thể:

Thứ nhất, trong quản lý, thực hiện Chương trình nông thôn mới: Đã xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu số, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; phần mềm đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới; xây dựng chuyên mục, chuyên đề về xây dựng nông thôn mới trên các trang, cổng thông tin điện tử, báo, đài, mạng xã hội (zalo, facebook) phục vụ tuyên truyền. Xây dựng mô hình Khu dân cư thông minh, xã thông minh, mang lại hiệu quả bước đầu khá tích cực. Xây dựng một số mô hình kinh tế số, như: Mô hình trồng cam thông minh kết hợp chuyển đổi số trong nông nghiệp, có tích hợp quản lý, sử dụng các chức năng từ kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, phân bón, truy

xuất nguồn gốc...; Mô hình cộng đồng dân cư nông thôn giám sát truy xuất nguồn gốc sản phẩm rau E-GAP (hữu cơ, VietGAP) tại xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà; Mô hình giám sát trực tuyến trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới được xây dựng trên hai nền tảng Website và chatbot Zalo, với các chức năng chính như: Kho dữ liệu phục vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; đăng tải văn bản, ghi hình, phát sóng trực tuyến phục vụ lấy ý kiến phản biện, góp ý của người dân; thu thập ý kiến đánh giá, phát hiện, giám sát của nhân dân đối với các kết quả đã triển khai; khảo sát sự hài lòng của người dân...

Thứ hai, trong thực hiện Chương trình OCOP. Đã thực hiện chuyển đổi số để hỗ trợ công tác quản lý cho cơ quan quản lý Chương trình OCOP các cấp và người dân trong quản lý sản xuất; xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu Chương trình OCOP Hà Tĩnh tại địa chỉ: <https://ocop.hatinh.vn/> để quản

lý, giám sát sản phẩm; bước đầu xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng công nghệ Blockchain và hình thành sàn thương mại điện tử <https://ocophatinh.com/> với nhiều chức năng như: Quản lý thông tin cơ sở sản xuất; quản lý thông tin sản phẩm; quản lý tem OCOP Hà Tĩnh; Tổ chức đánh giá phân hạng qua hệ thống phần mềm; Mua bán sản phẩm OCOP trên sàn thương mại điện tử ocophatinh.com.

Thứ ba, chuyển đổi số trong hoạt động thương mại điện tử. Đã xây dựng, vận hành hiệu quả sàn thương mại điện tử của tỉnh <https://hatiplaza.com> và <https://hatinhtrade.com.vn>, đồng thời kết nối lên một số sàn thương mại điện tử lớn trên cả nước như Voso, Postmart... nhằm quảng bá, kết nối các gian hàng sản phẩm tiêu biểu của tỉnh. Đến nay, có trên 500 gian hàng OCOP và sản phẩm tiêu biểu trên sàn thương mại điện tử của tỉnh. Doanh thu bán lẻ trực tuyến của doanh nghiệp, hộ kinh doanh Hà Tĩnh trên sàn thương mại điện tử và mạng xã hội năm 2022 đạt trên 110 tỷ đồng. Đã xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của tỉnh như bưởi Phúc Trạch, cam Hà Tĩnh.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng xã nông thôn mới thông minh, Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Một là, cần thống nhất quan điểm xuyên suốt về chuyển đổi số, nông thôn thông minh và xem đó là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện chương trình xây dựng tỉnh Nông thôn mới. Chuyển đổi số, nông thôn thông minh phải phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, văn hóa xã hội phát triển. Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới phải được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực đời sống cư dân nông thôn: phát triển kinh tế, văn hóa - xã

hội, bảo vệ môi trường và tổ chức xây dựng chính quyền được giải quyết bằng các giải pháp, ứng dụng thông minh.

Hai là, đẩy mạnh kinh tế số nông thôn trong xây dựng xã nông thôn mới thông minh cần phải được tiếp cận một cách đa chiều gắn với điều kiện thực tiễn của từng địa phương cụ thể. Trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ cần sử dụng các nền tảng, các ứng dụng thông minh vào quy trình tổ chức, quản trị sản xuất, như: nhật ký sản xuất điện tử; công nghệ blockchain để truy xuất nguồn gốc; máy bay không người lái (phun thuốc, gieo sạ, thu thập dữ liệu,...); robot trong thu hoạch, chế biến; cảm biến theo dõi vùng tiểu khí hậu và dự báo tình hình sâu bệnh; quan trắc mực nước trên sông; hệ thống tưới thông minh và ứng dụng quy trình điện tử trong sản xuất. Trong thương mại điện tử, các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ nông thôn được thực hiện trên mua bán, thanh toán trong môi trường mạng, qua các Sàn thương mại điện tử như Lazada, ứng dụng Tiki, ứng dụng Voso.vn, ứng dụng Postmart, ứng dụng ví điện tử,...

Ba là, tổ chức đời sống xã hội dựa trên các giải pháp, ứng dụng thông minh. Vận dụng các giải pháp, ứng dụng thông minh nhằm quản lý, tổ chức, vận hành đời sống văn hóa vùng nông thôn hiện đại văn minh nhưng vẫn phải giữ được cái hồn cốt của giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp hài hòa giữa các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại. Áp dụng giải pháp, công cụ thông minh trong lĩnh vực văn hóa nông thôn hướng đến mục tiêu cốt lõi là làm cho người dân và cộng đồng dân cư nông thôn quen với cách thức tổ chức đời sống văn hóa mới nhưng vẫn phát huy tích cực các chuẩn mực đạo đức, vẻ đẹp của truyền thống. Ứng dụng thực tế ảo (công nghệ AR/VR); Ứng dụng công nghệ 3D; Internet - kết nối vạn vật; nền tảng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, nhà hàng, khách sạn, homestay... trong quảng bá văn hóa, phát

triển du lịch. Phát triển các phần mềm chuyên dụng trong quản lý giáo dục; liên lạc, giải quyết công việc giữa phụ huynh học sinh với nhà trường. Sử dụng mạng xã hội như zalo, facebook, gapo để kết nối giáo viên - phụ huynh - học sinh; dụng Google meet; Zoom trong tổ chức học trực tuyến; sử dụng các ứng dụng thông minh trong tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa, hồ sơ điện tử; thực hiện thanh toán viện phí không sử dụng tiền mặt...

Bốn là, bảo vệ môi trường bằng các nền tảng, ứng dụng thông minh. Xây dựng, hoàn thiện các yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp với các giải pháp, công cụ thông minh bảo vệ môi trường, sản xuất sản phẩm sạch hơn, an toàn hơn cho người tiêu dùng, các chất thải và phế thải ít hơn ra môi trường. Sử dụng phân bón thông minh bằng các ứng dụng thông minh giúp cây trồng sử dụng hết, không còn tồn dư gây ô nhiễm; thực hiện tiêu chuẩn quy trình Egap; ứng dụng công nghệ thông minh nghe nhìn, camera giám sát, camera thông minh trong hoạt động giám sát môi trường; công nghệ cảm biến, IOT, AI đo thông số môi trường... Áp dụng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái không chất thải vào quá trình sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí, thất thoát và giảm tối đa lượng chất thải, tái sử dụng phụ, phế phẩm trong sản xuất, bảo vệ môi trường.

Năm là, tổ chức chính quyền điện tử, chính quyền số dựa trên các giải pháp, ứng dụng thông minh nhằm hướng đến sự minh bạch trong công tác quản lý nhà nước; tạo ra sự kết nối, liên thông giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền các cấp hướng đến sự phục vụ người dân, doanh nghiệp một cách tốt nhất. Chọn nền tảng công nghệ hợp lý, bố trí nhân sự vận hành hiệu quả, tránh cách làm hình thức dẫn đến hệ quả công cụ thông minh lại trở thành lực cản trong tổ chức vận hành chính quyền

trong thực tiễn. Vận hành có hiệu quả các giải pháp chuyển đổi số trong tổ chức chính quyền như: Tổ chức điều hành thông minh (IOC); sử dụng camera giám sát, ứng dụng công nghệ định danh cá nhân; phần mềm điều hành tác nghiệp, thư điện tử và sử dụng chữ ký số; cổng/trang thông tin điện tử truyền thanh thông minh để tuyên truyền; cổng dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng phản hồi thông minh trên môi trường mạng để giúp người dân kết nối với chính quyền để tiếp thu, xử lý các phản ánh, kiến nghị thực tế, hàng ngày; ứng dụng mạng xã hội để kết nối với cộng đồng.

Sáu là, tập trung đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã. Huy động nguồn lực để phát triển hạ tầng số và tăng cường xây dựng dữ liệu số, triển khai các giải pháp thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn, trong đó tập trung vào chất lượng sản phẩm và thương mại điện tử. Thí điểm các mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới: xã/thôn nông thôn mới thông minh; xã thương mại điện tử. Nâng cao ý thức, trách nhiệm và đồng thuận của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong chuyển đổi số và xây dựng nông thôn thông minh.

Chuyển đổi số không chỉ được coi là một xu hướng thời đại, mà còn là cuộc cách mạng mang đến nhiều cơ hội phát triển một cách sâu rộng toàn diện trong mọi mặt phát triển kinh tế, đời sống xã hội và bảo vệ môi trường. Xây dựng xã nông thôn mới thông minh phải được xem là định hướng và là mục tiêu của các địa phương nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững. Những gợi mở về một số giải pháp sẽ tạo ra quyết tâm, đồng lòng trong chuyển đổi số, xây dựng xã nông thôn mới thông minh trong quá trình xây dựng tỉnh Nông thôn mới ở Hà Tĩnh đạt hiệu quả và bền vững./.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHI THƯỜNG XUYÊN CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TẠI HÀ TỈNH



ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY

Khoa Nhà nước pháp luật

Tóm tắt: Giáo dục là một lĩnh vực quan trọng có ảnh hưởng và quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi một quốc gia. Chi thường xuyên là công cụ để nhà nước thực hiện phân phối lại của cải trong xã hội, đáp ứng mục tiêu phát triển hài hòa giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội. Thông qua việc chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo, nhà nước cũng như địa phương thực hiện các mục tiêu phát triển con người, phát triển kinh tế, xã hội theo định hướng đã lựa chọn. Tại Hà Tĩnh, chi thường xuyên dành cho giáo dục, đào tạo đã thực hiện theo đúng các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế bất cập cần khắc phục để đáp ứng mục tiêu giảm bớt gánh nặng chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương. Chi ngân sách địa phương bao gồm chi thường xuyên; chi đầu tư phát triển; chi trả lãi vay; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; chi chuyển nguồn; chi bổ sung. Trong các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương thì chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn nhất, thường khoảng 60-70%.

Chi thường xuyên có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng. Ngân sách địa phương hàng năm được sử dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau, mức chi cho mỗi loại hoạt động được xác định theo đối tượng riêng, định mức riêng sẽ dẫn đến các mức chi từ ngân sách cho các hoạt động đó cũng có sự khác nhau. Chi thường xuyên ở địa phương được phân cấp chi theo các lĩnh vực như sau: Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và

dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao cho địa phương quản lý; sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp phát thanh, truyền hình; sự nghiệp thể dục thể thao; sự nghiệp bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế; hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam ở địa phương; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật; chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư

phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của BCH Trung ương khóa XI năm 2013 về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã xác định: Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; ưu tiên đầu tư các nguồn lực phát triển để giáo dục và đào tạo phát huy được vai trò tiên phong, mở đường cho phát triển nhanh và bền vững. Bên cạnh đó Luật Giáo dục 2019 cũng chỉ rõ đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển và ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo tại Hà Tĩnh bao gồm những nội dung như: đảm bảo tỷ lệ chi quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập; chi cho các chính sách như hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định... Trên cơ sở đó, chi cho hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề tại Hà Tĩnh luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi thường xuyên ngân sách địa phương, cụ thể theo công khai quyết toán ngân sách: năm 2019 chi 3.859.113 triệu đồng chiếm tỷ lệ 37.53%; năm 2020 chi 3.876.614 triệu đồng chiếm tỷ lệ 36.75%, năm 2021 chi 3.476.180 triệu đồng chiếm tỷ lệ là 37.50%.

Theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần

trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Hà Tĩnh quy định đảm bảo tỷ lệ chi quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa 81%; chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 19% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí).

Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về tiếp tục thực hiện và sửa đổi Nghị quyết 57/2017/NQ-HĐND áp dụng cho năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh quy định mức thu học phí học sinh mầm non đối với khu vực thành thị là 120 nghìn đồng/tháng, khu vực miền núi là 30 nghìn đồng/tháng; mức thu học phí học sinh Trung học cơ sở đối với khu vực thành thị là 80 nghìn đồng/tháng, khu vực miền núi là 35 nghìn đồng/tháng; mức thu học phí học sinh Trung học phổ thông đối với khu vực thành thị là 110 nghìn đồng/tháng, khu vực miền núi là 40 nghìn đồng/tháng; học sinh Tiểu học được miễn theo quy định. Như vậy với mức thu này thì số tiền người dân đóng góp chỉ đảm bảo được khoảng 6-8% chi phí thường xuyên tại các cơ sở giáo dục, mà chủ yếu ở đây là ngân sách địa phương hỗ trợ toàn bộ chi phí quỹ lương cho toàn thể giáo viên và chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy của mỗi trường.

Việc tập trung phân bổ ngân sách đã tạo thêm nguồn lực góp phần đưa giáo dục, đào tạo của Hà Tĩnh đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: Trong nhiều năm liên tục giáo dục mầm non Hà Tĩnh được Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá là địa phương dẫn đầu phong trào giáo dục mầm non toàn quốc; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông hàng năm đạt trên 98%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào đại học cao đẳng đạt trên 50%, nhiều em đạt điểm tuyệt đối các môn thi, thủ khoa các trường đại học; kết

quả bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả cao, nhiều năm liền năm tập dẫn đầu cả nước về thành tích học sinh giỏi quốc gia, một số học sinh đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi quốc tế; hoạt động đào tạo nghề còn được thực hiện theo phương thức truyền nghề, kèm nghề, chuyển giao công nghệ... tại các làng nghề, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, các hợp tác xã, tổ, nhóm sản xuất, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%; chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng lên, tỷ lệ lao động được giải quyết việc làm ngày càng tăng...

Trong tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Thực tế cho thấy, đối tượng thụ hưởng và hướng đến của chi ngân sách Nhà nước nói chung, của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng là toàn thể nhân dân và rõ ràng trong chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo Nhà nước đã đứng ra gánh vác trách nhiệm, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu mà người dân cần. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; giáo dục, đào tạo là lĩnh vực gắn liền với cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân. Do đó, việc Nhà nước thông qua quản lý chi ngân sách đã tạo cơ hội tiếp cận và thụ hưởng những thành quả của giáo dục, đào tạo, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng giữa các giai tầng, nhóm xã hội, địa phương, vùng miền. Đây là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, được thực hiện xuyên suốt, để mọi người dân đều được hưởng thành quả của sự phát triển và không ai bị bỏ lại phía sau.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chi thường xuyên cho hoạt động giáo dục, đào tạo của Hà Tĩnh vẫn còn những hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất, chi thường xuyên cho hoạt động giáo dục, đào tạo chủ yếu là chi cho con người như lương và các khoản đóng góp theo lương, phần kinh phí phục vụ hoạt động chuyên môn còn thấp. Theo Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, sau năm 2021, tiến tới tính đủ chi phí trực tiếp, chi phí tiền lương, chi phí quản lý, khấu hao trong giá dịch vụ công đối với lĩnh vực cung cấp dịch vụ công cơ bản như giáo dục, y tế để giảm bớt gánh nặng chi tiêu ngân sách. Lộ trình này hiện nay đang bị chậm do ảnh hưởng của dịch COVID-19, mục tiêu đến năm 2025 sẽ thực hiện xong. Giáo dục, đào tạo là lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp đến an sinh xã hội, nếu thực hiện theo đúng lộ trình thì học phí sẽ tăng khá cao, gây áp lực cho học sinh và gia đình, ảnh hưởng tới cơ hội học tập của nhiều học sinh, sinh viên, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Thứ hai, theo tỷ lệ chi quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa 81%; chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 19%, nếu tổng nguồn lực ngân sách phân bổ cho giáo dục không có sự thay đổi, khi mức lương cơ sở hàng năm tăng lên đồng nghĩa với việc phần chi cho con người càng lớn, ngược lại phần dành cho hoạt động giảng dạy càng nhỏ, các trường học càng ít có kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của mình.

Thứ ba, một số đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao, chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động) còn mang tính bình quân, trên cơ sở nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và khả năng ngân sách nhà nước; chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ và giao kinh phí;

nên còn tình trạng trông chờ, ỉ lại vào sự bao cấp của Nhà nước, đây cũng là nguyên nhân làm chậm quá trình đẩy nhanh việc đổi mới tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thứ tư, trong chính sách ưu đãi của Nhà nước, cán bộ cấp phòng giáo dục và đào tạo không được hưởng chế độ thâm niên nghề nghiệp, đứng lớp như giáo viên nên ảnh hưởng đến việc tuyển chọn và điều động cán bộ quản lý, giáo viên giỏi về công tác tại các phòng giáo dục và đào tạo.

Thứ năm, việc thiếu nguồn chi cho các hoạt động khác tạo ra áp lực phải huy động các nguồn ngoài ngân sách, đây là một trong những nguyên nhân của việc tăng thu các khoản quỹ của hội phụ huynh học sinh...

Để giảm bớt gánh nặng và nâng cao hiệu quả chi thường xuyên ngân sách địa phương cho hoạt động giáo dục, đào tạo góp phần thực hiện thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, trước mắt, Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tiếp tục thực hiện có hiệu quả hoạt động xã hội hóa giáo dục, phát triển các loại hình trường ngoài công lập nhằm giảm áp lực trường lớp cho hệ thống trường công lập, đáp ứng quy mô học sinh tăng nhanh, khắc phục tình trạng thiếu trường lớp, đặc biệt là ở cấp mầm non.

Hai là, xây dựng các chính sách đổi mới cơ chế tài chính, trình cấp có thẩm quyền phương án tự chủ tài chính, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá của các dịch vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo. Thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với khả năng của ngân sách và thu nhập của người dân; từng bước tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định đồng thời cần gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đối tượng chính sách. Đối với giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng

ngân sách nhà nước, giao quyền tự chủ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ tự quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

Ba là, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo hoạt động không hiệu quả; nâng cao hiệu quả hoạt động, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; khẩn trương hoàn tất xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng dịch vụ.

Bốn là, từng bước nâng tỷ trọng chi nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao chất lượng giảng dạy và học; giảm dần tỷ trọng các khoản chi phí quản lý hành chính, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hội nghị, tiếp khách, công tác tránh lãng phí trong chi tiêu ngân sách.

Giáo dục và đào tạo là một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế, xã hội của mỗi một quốc gia, dân tộc trên thế giới. Đầu tư và phát triển giáo dục, đào tạo là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của xã hội. Sự điều tiết của Nhà nước thông qua việc thu chi ngân sách đã phân phối lại thu nhập, làm giảm sự bất ổn trong xã hội là điều cần thiết để đảm bảo cho kinh tế - xã hội phát triển ổn định. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề cắt giảm chi thường xuyên để tích lũy nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển đất nước là hoàn toàn đúng đắn, tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện cần phải hết sức cẩn trọng, để thực hiện được mục tiêu phát triển toàn diện xã hội, đảm bảo cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng cho mọi người dân. Xác định và vận hành cơ cấu chi thường xuyên ngân sách địa phương một cách hợp lý theo hướng đặt toàn thể nhân dân vào vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, lấy việc nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân làm mục tiêu phục vụ sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta./.

VĂN HÓA TRƯỜNG ĐẢNG - TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG GÓP PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐẠT CHUẨN



ThS. LÊ THỊ THÙY DUNG

Khoa Nhà nước - pháp luật

Tóm tắt: Văn hóa công sở được hiểu là tổng hòa các giá trị hữu hình và vô hình, bao gồm trình độ nhận thức, phương pháp tổ chức, quản lý, môi trường cảnh quan, phương tiện làm việc, đạo đức nghề nghiệp và phong cách giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức nhằm xây dựng một công sở văn minh, lịch sự, hoạt động đúng pháp luật và hiệu quả cao. Thực hành văn hóa công sở sẽ tạo thành sợi dây kết nối, gắn kết các thành viên trong cơ quan lại với nhau, tạo sự đồng thuận giữa nhân viên với lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Vì vậy, văn hóa công sở có sức ảnh hưởng lớn đến hiệu quả, mục tiêu, công tác điều hành và sự phát triển bền vững của cơ quan, đơn vị.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, xây dựng văn hóa công sở Trường chính trị hay văn hóa Trường Đảng là phạm trù văn hóa trong các cơ quan đào tạo, bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị. Theo Quyết định 5029-QĐ/HVCTQG, ngày 26/10/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về Ban hành quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, văn hóa Trường Đảng là toàn bộ những giá trị mang tính chuẩn mực về tri thức, niềm tin, giá trị, thói quen, lý tưởng, truyền thống... được đội ngũ công chức, viên chức, người lao động thừa nhận và làm theo nhằm: “Giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa Trường Đảng: Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; cống hiến trong thực thi công vụ; cầu thị, sáng tạo, chất lượng trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; kỷ cương

nơi công sở; văn minh trong ứng xử”. Đây cũng là một trong những tiêu chí xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư.

Xuất phát từ vai trò của xây dựng văn hóa Trường Đảng, trên cơ sở các quy định của Đảng, Nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về văn hóa công sở như Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025; Quyết định 5029-QĐ/HVCTQG, ngày 26/10/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK ngày 10/10/2016 và Chỉ thị số 01-CT/ĐUK ngày 10/3/2016 của Đảng ủy Khối về xây dựng văn hóa công sở và văn hóa doanh nghiệp, Đảng ủy Trường Chính trị Trần Phú đã ban hành Nghị quyết về xây dựng cơ quan đạt chuẩn văn hóa. Ban Giám hiệu ban hành Quy chế văn hóa công sở Trường Chính trị Trần Phú và các

quy chế, quy định, nội quy của nhà trường nhằm xây dựng môi trường làm việc trang nghiêm, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp và thân thiện; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đủ về số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác; xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, học viên trong công tác, học tập và rèn luyện, (bao gồm: ứng xử của cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu; ứng xử của cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học; ứng xử của học viên, ứng xử của cán bộ phục vụ).

Triển khai thực hiện Nghị quyết về xây dựng cơ quan đạt chuẩn văn hóa và Quy chế văn hóa công sở Trường Chính trị Trần Phú, trong những năm gần đây, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của nhà trường được xây dựng hoàn thiện ngày càng hoàn chỉnh, đồng bộ. Đội ngũ cán bộ, giảng viên trong mỗi khoa, phòng chức năng được bố trí chỗ ngồi làm việc hợp lý, đủ ánh sáng với trang thiết bị phù hợp; phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, điều hòa, bảng chống lóa. Phòng ở ký túc xá học viên ngày càng khang trang, sạch sẽ. Việc thực hiện xây dựng văn hóa công sở được cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên nhà trường chấp hành nghiêm túc, tạo thói quen về nề nếp làm việc chuẩn mực và mọi người đều tự giác thực hiện, cán bộ, giảng viên đã chủ động xây dựng kế hoạch, thiết lập hồ sơ giảng dạy, tích cực tự giác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; tuân thủ quy định về thời gian làm việc và các quy định khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không ngừng được nâng lên; ý thức tổ chức kỷ luật tốt, giữ vững phẩm chất cách mạng, lối sống giản dị và tận tụy trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên luôn tập trung nâng cao chất lượng soạn giảng, đổi mới phương pháp

giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học viên; tham gia nghiên cứu đề tài khoa học các cấp; tích cực viết bài đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường, báo, tạp chí của địa phương và Trung ương từ đó góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường. Tại Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường bộ, ngành lần thứ VII (tháng 4/2021) khu vực phía Bắc, trường có 02 giảng viên đạt thành tích xuất sắc.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên của nhà trường không ngừng nỗ lực để xây dựng chuẩn mực trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, học viên; nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong làm việc và giảng dạy; nghiêm chỉnh thực hiện tốt quy chế của cơ quan, thực hiện nghiêm Kêt luận số 29- KL/TU ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về việc tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Chỉ thị 05/CT-TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã được thực hiện nghiêm túc và có kết quả tích cực. Mỗi một cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên của nhà trường luôn rèn luyện phẩm chất chính trị, phong cách làm việc chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp; xây dựng lối sống, tác phong sư phạm mẫu mực; giữ gìn, bảo vệ truyền thống đạo đức nhà giáo, chuẩn mực của một cơ quan văn hoá.

Trong bối cảnh hiện nay, khi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đang có những diễn biến phức tạp và cuộc đấu tranh chống lại sự suy thoái đó đang diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt thì nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Trường Đảng là rất quan trọng. Trước bối cảnh đó, để xây dựng

văn hóa công sở gắn với xây dựng văn hóa Trường Đảng tại Trường Chính trị tỉnh Trần Phú đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn, thiết nghĩ nhà trường cần tiếp tục thực hiện những nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu thực hiện các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Quyết định 5029-QĐ/HVCTQG, ngày 26/10/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK ngày 10/10/2016 và Chỉ thị số 01-CT/ĐUK ngày 10/3/2016 của Đảng ủy Khối về xây dựng văn hóa công sở và văn hóa doanh nghiệp gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh một cách hiệu quả, thiết thực.

Thứ hai, tiếp tục huy động cán bộ, đảng viên tham gia tạo chuyển biến mạnh mẽ, trước hết là trên lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa công sở, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội, thực hiện có kết quả Chỉ thị 20 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong nhà trường.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của nhà trường cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, thể hiện rõ tư duy, phong cách của người cán bộ lãnh đạo, quản lý; phải là tấm gương về bản lĩnh chính trị, có trách nhiệm, sáng tạo trong điều hành; lắng nghe ý kiến của cấp dưới, học viên để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình dạy và học; đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân; kiên quyết đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, hối lộ, tham nhũng; tăng cường công tác kiểm tra, dự giờ, thao giảng, kịp thời nắm bắt tình hình học tập của học viên và giảng dạy của giảng viên.

Thứ tư, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường cần xây dựng thái độ ứng xử tốt với đồng nghiệp, thẳng thắn, đúng mực; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; sẵn sàng chia sẻ thông tin, tri thức và kinh nghiệm giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học; gương mẫu, đoàn kết trong cơ quan, đơn vị.

Khi giao tiếp với học viên, giảng viên phải có thái độ lịch sự, đúng mực; tôn trọng ý kiến của học viên; nhạy bén nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của học viên; thể hiện phong cách chuẩn mực của người giảng viên trên giảng đường cũng như trong cuộc sống; thực hiện kỷ luật phát ngôn, không nói, viết và làm những việc trái với lợi ích của Đảng và Nhà nước và nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống lại những lời nói và việc làm sai trái, xuyên tạc và phản động.

Trong chuyên môn, giảng viên phải nghiêm túc soạn giảng và đảm bảo thời gian, giờ giấc lên lớp; thể hiện trí tuệ, bản lĩnh, trách nhiệm cá nhân và hiệu quả trong công việc; luôn chủ động cập nhật kiến thức; không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của công việc và sự nghiệp đổi mới của đất

Xem tiếp trang 57

ĐẨY MẠNH GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG, LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước - Pháp luật

Tóm tắt: Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến phong trào thanh niên. Trước lúc đi xa, Người vẫn giành tình cảm và kỳ vọng lớn đối với thế hệ trẻ, Người từng nhắn nhủ, việc “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”. Thấm nhuần lời dạy của Người, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác giáo dục truyền thống, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, trong bối cảnh mới với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để xây dựng con người Việt Nam là công dân toàn cầu, đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế, đồng thời góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ, việc giáo dục, truyền thống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu.

Sự ra đời và phát triển của internet cùng những yếu tố như hạ tầng thông tin, công nghệ, tạo nên không gian mạng đã và đang giúp tăng khả năng thu thập dữ liệu, lan truyền thông tin, đồng thời tạo ra các cơ hội tiếp cận thông tin một cách dễ dàng đối với từng người dân ở khắp nơi trên thế giới. Với tốc độ đường truyền nhanh, độ bao phủ rộng và chi phí thấp, các chiến dịch thông tin truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội ở các cấp độ đang đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống chính trị, an ninh, kinh tế và xã hội trên toàn cầu.

Ở Việt Nam theo số liệu thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy, tính tới tháng 9/2022, số lượng người dùng Internet ở Việt Nam là khoảng 70 triệu người, tăng 0,8% trong giai đoạn 2020 - 2021 (chiếm hơn 70% dân số); số người sử dụng mạng xã hội ở Việt Nam là gần 76 triệu người, tăng gần 10 triệu người trong vòng 1 năm (tương đương 73,7% dân số). Với con số này, Việt Nam là quốc gia có lượng người dùng Internet cao thứ 12 trên toàn thế giới và đứng thứ 6 trong tổng số 35 quốc gia/vùng lãnh thổ khu vực châu Á. Người dùng Việt Nam dành trung

bình tới gần 7 giờ mỗi ngày để tham gia các hoạt động liên quan tới Internet và tỉ lệ người dùng Internet ở Việt Nam sử dụng Internet hàng ngày lên tới 94%.

Như chúng ta đã biết, hiện nay tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những biến động to lớn, diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực và mọi quốc gia, dân tộc. Triệt để lợi dụng xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của internet - mạng xã hội, các thế lực thù địch và phần tử cơ hội phản động ráo riết, đẩy mạnh hoạt động chống Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt, chúng quan tâm rất nhiều vào thế hệ trẻ - “chủ nhân tương lai của đất nước”, hòng làm cho thế hệ trẻ hôm nay nhận thức không đúng về thành quả cách mạng, về con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Vì vậy, việc giáo dục truyền thống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ hiện nay cần hướng vào trọng tâm là giáo dục truyền thống yêu nước, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì lợi ích dân tộc và chế độ xã

hội chủ nghĩa; truyền thống xung kích cách mạng, xung phong tình nguyện, không ngại hy sinh, gian khổ, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó; truyền thống đoàn kết, tinh thần tương thân, tương ái và nhân đạo cao cả; truyền thống hiếu học, ham hiểu biết, có ý chí vượt khó, cần cù, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có hoài bão lớn là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. Việc giáo dục truyền thống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ vừa góp phần tu dưỡng đạo đức cách mạng, vừa tôn vinh nét đẹp truyền thống; khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc; niềm tin vững chắc vào Đảng, vào sự nghiệp đổi mới của nước ta do Đảng lãnh đạo. Từ đó giáo dục thế hệ trẻ thấy được vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, hăng hái trong hoạt động thực tiễn xung kích, trong phát triển kinh tế - xã hội và trên mọi lĩnh vực.

Thực tiễn cho thấy, hiện nay phần đông giới trẻ đã ý thức được vai trò “người chủ tương lai của đất nước”, tích cực tu dưỡng, học tập, rèn luyện; có ý thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận thanh, thiếu niên ít được rèn luyện trong môi trường khó khăn, nên chưa nhận thức đúng đắn về mục tiêu, lý tưởng cách mạng, dễ bị lôi kéo theo những tư tưởng lệch lạc, hành vi sai trái, thờ ơ với chính trị, lạnh nhạt với phong trào của Đoàn, của Đội; thậm chí có biểu hiện không muốn vào Đảng. Một bộ phận thanh, thiếu niên còn có lối sống thực dụng, đua đòi, “nghiện Facebook”, sống trong thế giới ảo, không phân định được thông tin đúng, sai trên các trang mạng xã hội; từ đó, có những suy nghĩ và phát ngôn thiếu chuẩn mực, lệch lạc, bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động chống phá, gây bất lợi cho sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay cùng với việc phát triển mạnh của công nghệ thông tin, thế giới đang xích lại gần nhau hơn, thông tin mang tính trực diện hơn, nhanh hơn, nhiều hơn thì việc một bộ phận giới trẻ không nhận diện được sự đúng sai của thông tin, chạy theo thị hiếu, a dua, đua đòi, thậm chí muốn khẳng định mình là người nhanh nhạy trong

nắm bắt thông tin, khiến họ vô tình tiếp tay tuyên truyền thông tin xấu độc xuyên tạc lịch sử, phủ nhận công lao to lớn của các tầng lớp cha anh đi trước, nói xấu Đảng, nói xấu chế độ, quay lưng lại với truyền thống của quê hương, của đất nước. Có nhiều nguyên nhân của tình trạng này, song trước hết là do công tác quản lý, giáo dục thiếu chặt chẽ; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của giới trẻ chưa kịp thời; việc định hướng nhận thức tư tưởng trong thanh thiếu niên hiệu quả chưa cao...

Đất nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập toàn cầu, vì vậy sẽ khó tránh khỏi sự tác động ít nhiều của những loại văn hóa thiếu lành mạnh, nếp sống, phong cách không phù hợp du nhập vào và tác động lên một bộ phận giới trẻ thiếu lập trường, dễ bị sa ngã, cuốn vào vòng xoáy của chủ nghĩa cá nhân... Trong bối cảnh đó, việc giáo dục mục tiêu lý tưởng, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ của toàn xã hội, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm góp phần nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng và văn minh; truyền thống “uống nước nhớ nguồn”; khơi dậy lòng tự hào tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng công hiến, hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; làm cho thế hệ trẻ nhận thấy trách nhiệm thiêng liêng của mình là “người chủ của tương lai, của đất nước”; góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Để làm được điều đó, công tác giáo dục truyền thống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, làm tốt việc phối hợp tổ chức tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, nhất là Nghị quyết 25 của BCHTW Đảng (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa”; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Tăng cường giáo

dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2021-2030”. Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của Đảng và Nhà nước về chăm lo bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ đặc biệt là lực lượng đoàn viên, thanh niên. Thường xuyên thông tin về tình hình thế giới, khu vực, trong nước; tình hình biên giới, biển đảo và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, đề cao ý thức trách nhiệm, xây dựng, củng cố niềm tin của thế hệ trẻ đối với sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới đất nước; làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, lôi kéo, phá hoại của các thế lực thù địch, phản động.

Hai là, phát huy vai trò nêu gương trong đoàn viên thanh niên. Tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên thanh thiếu niên thi đua thực hiện Chỉ thị 05 và thường xuyên việc nhân rộng các điển hình tiên tiến trong “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Phối hợp tổ chức thông tin thời sự, tuyên truyền phổ biến những phương thức, thủ đoạn hoạt động chống phá Đảng, chống phá nhà nước của các thế lực thù địch, phản cách mạng, giúp thế hệ trẻ sớm nhận thức được cái đúng, cái hay, cái cần tự hào, cần phải ra sức xây dựng vun đắp và bảo vệ, từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm “sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật”, kịp thời nắm bắt tình hình, đề cao cảnh giác trước những âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Gương mẫu thực hiện các cuộc vận động, các phong trào xã hội ở địa phương. Đồng thời, phối hợp với các cơ sở đoàn thanh niên, nhà bảo tàng, truyền thống tổ chức giao lưu, gặp gỡ, đối thoại với các nhân chứng lịch sử cho thế hệ trẻ.

Ba là, đẩy mạnh phong trào “Xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; đẩy mạnh việc giáo dục, tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, vận động thanh niên nhập ngũ; tham dự và nói chuyện truyền thống cách mạng ngay tại hội trại tòng quân... góp phần làm cho công tác tuyên nghĩa vụ quân sự hàng năm đạt kết quả tốt; tích cực thăm hỏi, động viên chiến sỹ mới và làm tốt các mặt công tác chính sách

xã hội, ổn định hậu phương gia đình giúp chiến sỹ yên tâm công tác. Đồng thời, phối hợp làm tốt công tác đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quan sự trở về; “đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”; tư vấn đi học nghề, giới thiệu việc làm, giúp đỡ họ ổn định hậu phương gia đình, góp sức xây dựng, phát triển địa phương.

Bốn là, phát huy vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục lý tưởng sống, lý tưởng cách mạng, khát vọng cống hiến cho lực lượng đoàn viên thanh niên. Bên cạnh đó tăng cường giáo dục cho thanh niên chấp hành pháp luật Nhà nước, hướng dẫn kỹ năng thực hành xã hội, kỹ năng ứng xử có văn hóa; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, không đua đòi, sa vào các tệ nạn xã hội, đấu tranh với các biểu hiện và hành vi bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em. Đồng thời, cần đưa nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống của dân tộc, của quê hương, của đất nước cho thế hệ trẻ trở thành một trong những nội dung bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông, bắt đầu từ cấp tiểu học.

Năm là đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao kỹ năng khai thác sử dụng không gian mạng cho thế hệ trẻ, nhằm giúp cho thế hệ trẻ hình thành khả năng “miễn dịch” trước khả năng tấn công của thói hư tật xấu, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đồng thời nâng cao năng lực quản trị điều hành của cơ quan nhà nước trên không gian mạng, ngăn chặn kịp thời, xử lý thích đáng những tổ chức, cá nhân có hành vi, luận điệu không chính xác trên môi trường mạng.

Như vậy việc giáo dục truyền thống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ là một yêu cầu quan trọng và cấp thiết trong tình hình hiện nay. Qua đó nhằm hình thành cho thế hệ trẻ một nền tảng tri thức đầy đủ, một lý tưởng sống cao đẹp, sống có bản lĩnh, có trách nhiệm với Đảng, với tổ quốc, với Nhân dân và xã hội, kịp thời đấu tranh trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ vững chắc thành quả của sự nghiệp đổi mới mà Đảng và Nhân dân ta đã gây dựng./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HỌC TẬP CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỮNG CHẮC ĐỂ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Chính vì lẽ đó, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập để hiểu và nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc học tập “chủ nghĩa” của Đảng. Người chỉ rõ: *Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm “cốt”, “Nhất định phải học tập lý luận Mác-Lênin”, nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin, “Trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”¹.*

Hiểu và làm theo là hai cấp độ, có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau; từ tư duy, nhận thức đến hành động. Hiểu để theo, muốn theo thì trước hết phải hiểu. Không hiểu đầy đủ, đúng đắn chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ mơ hồ trong nhận thức, lập trường thiếu bền vững, lý tưởng dễ phai nhạt, hành động thiếu niềm tin khoa học và cách mạng. Thâm chí hoang mang, dao động, nỡ vời.

Một cán bộ, đảng viên nếu không hiểu được chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thì làm sao có thể nhận diện được các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để đấu tranh phản bác? Trong khi các loại quan điểm này ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Làm sao đủ cơ sở lý luận để đấu tranh bảo vệ và tự bảo vệ? Có cán bộ, đảng viên tự nhận xét, đánh giá lập

trường tư tưởng, chính trị vững vàng; trung thành với chủ nghĩa của Đảng; kiên định con đường cách mạng... Nhưng thực chất, họ có nắm được, hiểu được chủ nghĩa của Đảng là gì, mình đang đứng trên lập trường chính trị nào, đâu là cơ sở lý luận để kiên định, để trung thành...? Do vậy, muốn hiểu thì trước nhất cần phải học. Học trước hết là học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, cần lưu ý, có người được học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng chưa hẳn đã hiểu. Có nhiều lý do khách quan, chủ quan học mà không hiểu. Nhưng nghiêm trọng nhất là vì thái độ thờ ơ, vô cảm, ngại học, lười học, sợ học, “xem nhẹ lý luận” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XI) từng chỉ rõ thực trạng này: “Lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”. Căn nguyên chủ yếu là do nhận thức lệch lạc trong nhu cầu, động cơ chính trị khi học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức được việc học đó là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi thiết thân của mình. Họ vì chủ nghĩa cá nhân

mà không quan tâm đến mục đích, lý tưởng cao đẹp, lâu dài của quốc gia dân tộc, dẫn đến nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị. Họ học chỉ lấy bằng cấp, đáp ứng tiêu chuẩn được đề bạt, bổ nhiệm, thăng tiến lên những vị trí cao hơn. Họ cũng học một cách đối phó, qua loa, học cho xong vì yêu cầu của tổ chức, lãnh đạo giao cho. Đối với những cán bộ, đảng viên này, học ở trường, ở lớp đã không có hiệu quả, chứ chưa nói đến việc tự học, tự nghiên cứu của bản thân.

Bên cạnh đó, có những cán bộ, đảng viên đã có quyết định cử đi học (nhất là chương trình sơ cấp, trung cấp, cao cấp lý luận chính trị), nhưng lại không thể “thoát ra được” các nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị. Học vì thế mà không hiểu. Bởi không thể tập trung, vì làm việc riêng, phải sử dụng máy tính, sử dụng điện thoại, rồi vắng học, bỏ tiết... dẫn tới tư duy đứt đoạn, nắm kiến thức thiếu hệ thống... Đó đều là những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, là thói “xem nhẹ lý luận”, hạ thấp việc học tập lý luận.

Tuy nhiên, nhìn từ nguyên nhân khách quan, các môn học về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện nay còn có sự trùng lặp, nội dung chuyên đề không được đổi mới; trong nội dung học vẫn nặng về lý thuyết, ít gắn với nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Tính ứng dụng của kiến thức hạn chế nên cán bộ, đảng viên ít cảm nhận được lợi ích thực sự của việc học tập. Nhiều bài giảng chưa chuyển tải được cái hay, cái đúng, cái mới của những quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và chưa lồng ghép, tích hợp được công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong mỗi bài giảng, hay từng vấn đề lý luận cụ thể...

Cùng với đó, hình thức, phương pháp giảng dạy các môn học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa thực sự được đổi mới, thậm chí đơn điệu, giải

thích một chiều, chưa sát đối tượng và chưa phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Hiện tượng phổ biến là người học thụ động nghe, ghi chép chỉ để phục vụ thi, kiểm tra...

Hiện nay, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành “chế độ học tập” thường xuyên, liên tục, suốt đời của cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng nhất là làm thế nào để mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức được việc học không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ mang tính bắt buộc, mà đó còn là quyền lợi, là nhu cầu tự thân; là “được học” chứ không phải là “phải học”, từ đó khắc phục tình trạng lười học, ngại học. Vấn đề cốt yếu ở chỗ, phải tạo ra được động lực từ bên trong thúc đẩy cán bộ, đảng viên tích cực, tự giác trong học tập.

Giải pháp đầu tiên trong Kết luận 21-KL/TW, ngày 25/10/2021, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong đó nhấn mạnh tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, đề cao trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu của cá nhân cán bộ, đảng viên.

Theo đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu phải quan tâm, thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; chú trọng đảm bảo quyền lợi cho cán bộ theo quy định khi đi học, kể cả trong kinh phí, trong giao việc, trong công tác cán bộ...

Đối với đội ngũ giảng viên trong các cơ sở đào tạo cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp, phương thức

tuyên truyền, giảng dạy các môn học về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với đối tượng; người giảng viên phải vững vàng về lý luận, nhuần nhuyễn về phương pháp, sâu sát về thực tiễn. Đồng thời, thực hiện tích hợp tối đa nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy từng mục, từng chuyên đề và cả bộ môn; nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc để đấu tranh, phản bác.

Điều quan trọng nhất là mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự thông hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc học lý luận, như Bác Hồ đã dạy: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”². Từ đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm và nghĩa vụ học tập; phát huy tính tích cực, tự giác, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của mình. Trong học - hiểu và làm theo tránh giáo điều, chủ quan, rập khuôn, máy móc, bảo thủ, trì trệ; học đúng tinh thần: “Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta”³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Học tập để nâng cao trình độ lý luận và chính trị là một việc trường kỳ và gian khổ”. Do đó “mỗi đảng viên phải cố gắng”⁴. Chỉ có sự cố gắng tự bản thân của mỗi cán bộ, đảng viên trong học tập để “hiểu” và nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó nâng cao bản lĩnh chính trị, tuyệt đối trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, kịp thời đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t2, tr.289.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t6, tr.208
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t11, tr.611
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t8, tr.280

VĂN HÓA TRƯỜNG ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 51)

nước; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

Thứ năm, phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ cán bộ, viên chức và các tổ chức: Công đoàn; Đoàn thể nhà trường trong việc thực hiện các phong trào thi đua, nhất là phong trào “Giảng dạy tốt, học tập tốt, quản lý tốt, phục vụ tốt”; tăng cường các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi trong nhà trường.

Thứ sáu, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn chỉnh công sở, khuôn viên cây xanh, vườn hoa, cây cảnh theo hướng xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn.

Để góp phần tạo nên “thương hiệu”, tăng cường uy tín của Trường Chính trị Trần Phú trong giai đoạn hiện nay gắn với xây dựng trường chính trị đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư, việc xây dựng và tạo lập văn hóa Trường Đảng được xác định là một trong những tiêu chí quan trọng. Quá trình này đòi hỏi thời gian và sự chung tay đóng góp của tất cả cán bộ, viên chức, người lao động, học viên trong nhà trường nhằm hướng tới thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xây dựng Trường trở thành trung tâm và địa chỉ tin cậy, quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho tỉnh nhà./

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH



ThS. PHAN THỊ AN PHÚ

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Tuổi trẻ Việt Nam là lực lượng xung kích và giữ vị trí quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân nói chung và với từng đoàn viên thanh niên nói riêng. Việc phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi đoàn viên thanh niên đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là yêu cầu cần thiết nhằm phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của tuổi trẻ đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp các lực lượng trong hệ thống chính trị, bao gồm cả lực lượng của đoàn thanh niên; đồng thời, cần kết hợp nhiều biện pháp, nhiều hình thức khác nhau nhằm chống những nhận thức sai trái, sự xuyên tạc, phá hoại của các thế lực thù địch để giữ gìn, củng cố bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ và phát huy vai trò của nền tảng tư tưởng của Đảng trong đời sống tinh thần của xã hội, góp phần làm cho nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng thấm sâu và đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Vì vậy, mỗi đoàn viên thanh niên cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu và tinh thần trách nhiệm của tuổi trẻ để thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất yêu quý thanh niên. Người cho rằng, thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho “thế hệ thanh niên già”, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai là các cháu nhi đồng; thanh niên là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; thanh niên là lực lượng cơ bản trong các lực lượng vũ trang; trong mọi công việc, thanh niên thi đua thực hiện khẩu hiệu “Đâu cần, thanh niên có; việc gì khó, thanh niên làm”. Người căn dặn: “Thanh niên ta có vinh dự to thì cũng có trách nhiệm lớn. Để làm trọn trách nhiệm, thanh niên ta phải nâng cao tinh thần làm chủ tập thể,... chớ kiêu ngạo tự mãn. Phải thấm nhuần đạo đức cách mạng tức là học tập, lao động, sinh hoạt theo đúng đạo đức của thanh niên xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa”.

Hiện nay, đoàn viên thanh niên là lực lượng đông đảo, chiếm khoảng 28% dân số cả nước, hội tụ các yếu tố thể lực, trí lực, sự sôi nổi, nhiệt tình, sáng tạo,

trần đầy hoài bão. Tuổi trẻ Việt Nam là lực lượng xung kích và giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. Với những ưu thế về tuổi đời, hoạt động và môi trường, đoàn viên thanh niên có lợi thế trong việc tiếp thu các thông tin mới, những tư tưởng mới trong xã hội; vừa là đối tượng đồng thời cũng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động tuyên truyền, giáo dục những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, thực tiễn cũng cho thấy, khả năng phân tích và chọn lọc thông tin của đại đa số thanh niên còn hạn chế; chưa am hiểu sâu về chính trị; lập trường tư tưởng chưa vững vàng, dễ bị kích động, lôi kéo, đôi khi có biểu hiện cực đoan nếu không được định hướng tốt. Với những điểm yếu này, đoàn viên thanh niên trở thành đối tượng mà các thế lực thù địch hướng tới, lợi dụng, lôi kéo để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, chống phá cách mạng nước ta. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá Đảng và Nhà nước ta bằng những thủ đoạn ngày càng tinh vi và thâm độc thì việc tuyên truyền giáo dục nhận thức chính trị và định hướng cho đoàn viên thanh niên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch là một nhiệm vụ quan trọng đối với mỗi đoàn viên.

Để phát huy hiệu quả vai trò chủ thể của tuổi trẻ trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần thực hiện một số giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong đoàn viên về những giá trị to lớn của chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực hiện lồng ghép các nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị trong các hoạt động của Đoàn đến đoàn viên góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; củng cố và tăng cường niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời tiếp tục khẳng định những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua việc làm rõ những luận điểm còn giữ nguyên giá trị, những luận điểm cần hiểu lại cho đúng và những luận điểm cần phát triển trong học thuyết Mác-Lênin cho phù hợp với bối cảnh lịch sử mới. Từ đó chống lại các khuynh hướng đem đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin hòng phủ nhận vai trò của cả chủ nghĩa Mác-Lênin lẫn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội; xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong chương trình, kế hoạch hành động của Đoàn thanh niên cần chú trọng đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao tinh thần, trách nhiệm, khả năng chủ động đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch. Đặc biệt chú trọng thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đoàn viên, nhất là cán bộ lãnh đạo đoàn các cấp. Tuyên truyền sâu rộng những giá trị văn hóa truyền thống, bài học kinh nghiệm lịch sử trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

Đoàn phải kết hợp sức mạnh tổng hợp từ các cơ quan truyền thông, đài phát thanh; của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trong công tác tuyên truyền; kết hợp chặt chẽ với đối mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, tuyên truyền đối ngoại, tuyên truyền trên internet, các mạng xã hội và các kênh truyền thông khác để vạch trần âm mưu của kẻ thù..

Thứ hai, cần bảo vệ và làm lan tỏa những tấm gương điển hình trong đối mới nội dung, phương thức thực hiện nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mỗi đơn vị, mỗi đoàn viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhiệm vụ kết hợp tuyên truyền, giải thích, định hướng, nhất là các chủ trương, biện pháp về đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nông nghiệp - nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị hóa... phát động quần chúng tham gia đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ trong Đảng và trong các cơ quan nhà nước; giải quyết dứt điểm các điểm bức xúc, mâu thuẫn, tranh chấp ở các địa phương, cơ sở.

Bên cạnh đó phải thường xuyên bám sát định hướng chỉ đạo, hướng dẫn trong các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đối với công tác đấu tranh phòng chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận; gắn với thực hiện nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) để xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp công tác cụ thể; đưa công tác phòng chống “diễn biến hòa bình”, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đi vào nền nếp, đạt hiệu quả cao.

Phải xác định tổ chức Đoàn thanh niên và đoàn viên là những người tiên phong đưa Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị vào cuộc sống; là những người trực tiếp tiến hành công tác tuyên truyền,

giáo dục, vận động, thuyết phục đoàn viên. Phải thường xuyên sơ kết, tổng kết công tác đấu tranh tư tưởng, nhằm đảm bảo nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp ủy đảng về đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được thực thi trên thực tế. Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng phải được duy trì thành nếp, thường xuyên có hiệu quả thiết thực, định kỳ hàng năm, nửa năm hoặc qua các đợt đấu tranh cao điểm, qua từng nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng cụ thể đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả chứ không phải là hoạt động mang tính phong trào.

Thứ ba, phát huy sức mạnh tuổi trẻ tiên phong xung kích trong việc triển khai kịp thời phát hiện các trang web, blog, diễn đàn thường xuyên đăng tải những nội dung xấu, thù địch. Phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động tuyên truyền chống phá của chúng trên không gian mạng, kịp thời nhận diện những phương thức, thủ đoạn mới. Chỉ ra các cá nhân, tổ chức sở hữu, quản lý, điều hành các trang mạng xã hội thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh, video tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam; phát hiện những bất cập, hạn chế của các biện pháp, công tác nghiệp vụ đã và đang được triển khai. Qua đó sử dụng các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ để xâm nhập, chiếm quyền quản trị, điều hành các trang website, blog, diễn đàn mạng xã hội, sau đó xóa dữ liệu, vô hiệu hóa hoặc ngăn chặn việc truy cập vào các trang mạng có nội dung “độc hại” trong một thời gian nhất định. Chủ động các biện pháp kỹ thuật, ngăn chặn việc truy cập vào các trang mạng độc hại một cách có hiệu quả. Chủ động phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ, tính toán sử dụng các giải pháp về công nghệ để ngăn chặn một cách triệt để các tin tức xấu, độc trên các trang mạng. Tập trung lãnh đạo kiên toàn, xây dựng phát triển lực lượng đấu tranh theo hướng chủ động tạo thế liên hoàn, vững chắc, có bộ phận nòng

Xem tiếp trang 80

TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG BÀI SẢN XUẤT HÀNG HOÁ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA



ThS. DƯƠNG THỊ VĂN LINH

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Bài “Sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa” trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị có mục tiêu cung cấp cho học viên những lý luận cơ bản về phương thức sản xuất TBCN, quy luật giá trị thặng dư, tích lũy tư bản quá trình phân phối giá trị thặng dư, những mâu thuẫn nội tại vốn có không thể vượt qua của CNTB... Đây cũng chính là những nội dung mà trong giai đoạn hiện nay các thế lực thù địch đang đưa ra nhiều quan điểm xuyên tạc. Vì vậy, tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bài giảng “Sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa” hiện nay là hết sức cần thiết. Qua đó giúp cho học viên hình thành kỹ năng phân tích các quan hệ kinh tế trong điều kiện lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, củng cố niềm tin tuyệt đối vào các luận điểm giá trị của C.Mác về nền kinh tế hàng hóa, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong đào tạo Chương trình Trung cấp lý luận chính trị là việc bổ sung nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào các bài giảng nhằm nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, tính cập nhật, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn của bài giảng; cung cấp cho học viên những nhận thức mang tính phương pháp luận để nhận diện, đánh giá và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn một cách khách quan, toàn diện, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch với tư cách là cán bộ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong bài giảng “Sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa”, có nhiều nội dung mà các thế lực thù địch thường xuyên xuyên tạc, chống phá, cụ thể như: Phủ nhận sự tồn tại học thuyết giá trị thặng dư trong thời đại ngày nay; cho rằng chủ nghĩa tư bản đương đại có sự lớn mạnh về kinh tế, đã có sự điều chỉnh trong quan hệ sản xuất, người lao động cũng được làm chủ thông qua việc góp cổ phần, chủ nghĩa tư bản không còn là chế độ bóc lột, máy móc vẫn tạo ra giá trị thặng dư; cho rằng chủ nghĩa tư bản sinh ra kinh tế hàng hóa nên kinh tế thị trường là của chủ nghĩa tư bản, vì thế không thể kết hợp kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa; kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa như nước với lửa,... Do vậy, để nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn về vấn đề phương sản xuất tư bản chủ nghĩa gắn với công tác bảo vệ nền

tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, giảng viên cần phải lưu ý một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, nội dung bài giảng cần phải xoáy sâu phân tích bản chất bóc lột giá trị thặng dư của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và mâu thuẫn nội tại trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mục tiêu đề ra là học viên phải nắm chắc những tri thức lý luận cơ bản về nền sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị của nền sản xuất hàng hóa. Giảng viên cần phân tích mở rộng đề cho học viên nhận thức được cho đến nay chưa ai đưa ra được một lý luận nào có thể bác bỏ được học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác; những phương thức của C.Mác về chủ nghĩa tư bản và hệ thống kinh tế của nó vẫn giữ nguyên giá trị khoa học. Mặc dù cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang có những tác động, làm thay đổi sâu sắc về cách thức hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức quản lý cũng như thay đổi cả về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, vị trí con người trong sản xuất... Việc sử dụng máy móc, công nghệ, robot ngày càng phổ biến, mang lại năng suất cao hơn, khiến các nhà tư bản ngày nay không cần thuê nhiều công nhân trực tiếp sản xuất... Tuy nhiên, từ đó mà cho rằng nhà tư bản không còn bóc lột giá trị thặng dư nữa thì hoàn toàn sai lầm. Dù cho quá trình sản xuất có hiện đại tới đâu thì vẫn là quá trình lao động của con người để tạo ra của cải, nó không thể thiếu nhân tố con người trong quá trình đó. Việc sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai vẫn phải do con người quyết định. Như vậy, dù máy móc công nghệ hiện đại đã thay thế lao động trực tiếp và một bộ phận lao động trí tuệ của con người, càng không thể thay đổi địa vị chủ thể của con người trong quá trình sản xuất. Do đó, mặc dù hiện nay quá trình sản xuất đã có nhiều thay đổi, song không thể phủ nhận lý luận của C.Mác về việc lao động sống là nguồn

gốc tạo ra giá trị mới, trong đó có giá trị thặng dư, và bản chất của sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày nay vẫn dựa trên cơ sở bóc lột giá trị thặng dư. Cùng với học thuyết về giá trị thặng dư, lý luận và sở hữu về xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và tư liệu sản xuất về sự ra đời tất yếu của sở hữu xã hội là những giá trị bền vững của kinh tế - chính trị học của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Thứ hai, thừa nhận chủ nghĩa tư bản đã phát triển ở trình độ rất cao, có tính toàn cầu và đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, bản chất bóc lột cố hữu và những mâu thuẫn nội tại dưới chế độ tư bản chủ nghĩa là không thể giải quyết được. Ngày càng khẳng định giá trị và những tư tưởng vượt thời đại của C.Mác về chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam; khẳng định quyết tâm “đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của Nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Thứ ba, thực tiễn phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử cho thấy, kinh tế thị trường ra đời là một quá trình lịch sử tự nhiên, không phải là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Nó là một hình thức tổ chức kinh tế tồn tại qua nhiều phương thức sản xuất xã hội: đã có mầm mống từ trong xã hội chiếm hữu nô lệ; hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Điều đó khiến nhiều người nhầm tưởng rằng kinh tế thị trường là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Thực tế, ngay trong xã hội tư bản chủ

nghĩa, kinh tế thị trường cũng phát triển từ thấp đến cao hơn: kinh tế thị trường tự do cạnh tranh; kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa độc quyền và độc quyền nhà nước và hiện nay là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại. Tuy nhiên, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không phải là vạn năng và chỉ có màu hồng. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản ngày càng bộc lộ sâu sắc, đặc biệt là các vấn đề xã hội, tính bất công và bất ổn của xã hội, hố ngăn cách giữa người giàu và người nghèo... Mặc dù chủ nghĩa tư bản đã và đang tìm mọi cách để tự điều chỉnh, tự thích nghi với những tên gọi khác nhau nhưng, những mâu thuẫn từ trong bản chất của chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết được. Nền kinh tế thị trường chủ nghĩa tư bản hiện đại đang ngày càng thể hiện xu hướng tự phủ định mình. Đây là tất yếu khách quan, là quy luật phát triển của xã hội. Như vậy, nhân loại muốn tiến lên, xã hội muốn phát triển thì dứt khoát không thể dừng lại ở kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam khác hoàn toàn kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Thứ tư, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể, hướng tới phục vụ lợi ích cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội trên cơ sở xoá bỏ tận gốc mọi chế độ áp bức, bóc lột, nô dịch trong lịch sử. Còn kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu phục vụ và bảo vệ cho lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản trong xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có một đặc trưng cơ bản là tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; coi tiến bộ và công bằng xã hội là

mục tiêu phát triển của kinh tế chứ không phải là phương tiện phát triển kinh tế như trong chủ nghĩa tư bản. Ngược lại, trong kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, việc phân phối chủ yếu quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn kinh tế tư bản, các ông chủ tư bản chứ không phải lợi ích của toàn dân; việc thực hiện phúc lợi xã hội không phải là mục tiêu mà là phương tiện nhằm điều tiết, điều hoà tạm thời những mâu thuẫn vốn có của trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa nhằm tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản tiếp tục phát triển.

Thứ năm, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử kinh tế thị trường, là một đột phá cơ bản và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Đây là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh tư tưởng, kết tinh trí tuệ và công sức của toàn Đảng, toàn dân trong nhiều năm. Mô hình kinh tế chưa từng có tiền lệ trong lịch sử này đã góp phần tạo nên những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào trong bài giảng “Sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa” thuộc học phần nội dung cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ giúp tiếp tục khẳng định, lan tỏa những giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn góp phần bồi dưỡng thế giới quan khoa học, nâng cao bản lĩnh cách mạng của học viên, củng cố thêm niềm tin vào quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sẵn sàng thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở./.

XÂY DỰNG VÀ THỰC HÀNH VĂN HÓA LIÊM CHÍNH TRONG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN - NHÂN TỐ GÓP PHẦN THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG



ThS. THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là một cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với kẻ địch là tệ tham ô, lãng phí, quan liêu. Nhiệm vụ này phải được tiến hành thường xuyên, kiên quyết, kiên trì, bền bỉ với nhiều cách thức, biện pháp và có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trong đó mỗi cán bộ, đảng viên giữ vai trò tiên phong. Vì vậy, việc xây dựng và thực hành văn hóa liêm chính là một trong những giải pháp cần thiết để không ngừng trau dồi, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, giúp họ luôn giữ vững lương tâm, danh dự và nhân cách trong sáng, chống lại chủ nghĩa cá nhân, sống mực thước trước mọi cám dỗ về danh lợi, vật chất, tiền bạc... Từ đó góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong tình hình hiện nay.

Liêm chính là nét đẹp văn hóa của người Việt, được hình thành từ nền giáo dục dân gian, với những câu ca dao, tục ngữ được lưu truyền trong đời sống hàng ngày như: “đói cho sạch, rách cho thơm”, “Áo rách cốt cách người thương”, “chớ có bõm xôm, để đời tiếng xấu”... Tiếp thu những lời răn dạy ấy, bao thế hệ người Việt luôn biết sống “trọng danh” hơn “trọng thực”, coi danh dự là tài sản quý giá mà mỗi người cần phải hướng đến và gìn giữ. Về sau, cùng với sự ảnh hưởng của giáo dục Nho giáo, liêm chính đã trở thành một trong những chuẩn mực đạo đức mà mỗi người cần phải tu dưỡng và rèn luyện.

Khi nói về liêm chính, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, Liêm là liêm khiết, “không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân”¹. Liêm còn là trong sạch, không tham lam, “không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”². Theo Người, Liêm có giá trị rất lớn, với mỗi con người, Liêm mang lại sự “quang minh chính đại” vì người liêm thì không tham lam nên không có gì mờ ám, khuất tất phải giấu diếm. Người có đức Liêm cũng là người có liêm si, tức biết phân biệt phải trái, đúng

sai, biết hổ thẹn khi làm điều xấu, biết tự trọng để tránh điều xấu.

Cùng với Liêm, thì Chính là một trong tứ đức không thể thiếu của người cách mạng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn”³. Đối với mình, không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình. Đối với người, không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà; không dối trá, lừa lọc. Đối với việc thì phải để việc công, lợi chung lên trước việc tư, lợi tư. Đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn, không sợ khó khăn, nguy hiểm. Người nhấn mạnh: “Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh. Việc gì dù lợi cho mình, phải xét nó có lợi cho nước không? Nếu không có lợi, mà có hại cho nước thì quyết không làm”⁴. Người có đức Chính là người chính trực, đúng mực, công tâm, họ luôn hành động theo lẽ phải, kiên quyết bảo vệ lẽ phải. Từ đó, Người cho rằng, liêm là tiền đề, điều kiện của chính, nhưng người có đức chính mới là người đạt tới sự hoàn thiện về nhân cách. Liêm chính vừa là tiêu chí đạo đức cơ bản, vừa là thước đo bản lĩnh giữa mình và khả năng chống lại sự tha hóa quyền lực của cán bộ, đảng viên.

Như vậy, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, liêm chính là một trong những nội dung cốt lõi của giá trị đạo đức cách mạng cần phải được xây dựng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, trong giáo dục, xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, Người không chỉ nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện liêm chính, mà còn yêu cầu phải tích cực chống tham ô, lãng phí và tệ quan liêu, vì theo Người: “Tham ô là hành động xấu xa nhất,

tội lỗi, tệ nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà; hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân; hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân”⁵. Mặt khác, Người còn chỉ ra một cách rành mạch, rõ ràng khái niệm tham ô, một biểu hiện đặc trưng điển hình của tệ tham ô: “Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là: Ăn cắp của công làm của tư; Đục khoét của nhân dân; Ăn bớt của bộ đội; Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô; Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là: ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế”⁶.

Là người đứng đầu một Đảng cầm quyền, đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh sớm nhận rõ những nguy cơ của các tệ nạn đối với người có chức có quyền và đối với Nhà nước. Vì vậy, trong các bài nói, bài viết của mình, Người rất chú ý đến việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, chống các bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí, hay còn gọi là “bất liêm”, mà sau này chúng ta gọi là tham nhũng.

Từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể thấy rõ, tham nhũng là hành vi hoàn toàn trái ngược với những giá trị của đạo đức cách mạng. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay vẫn còn tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Từ đó, đánh mất lòng tự trọng và nhân phẩm, gây thiệt hại rất lớn cho đất nước và nhân dân. Trong giai đoạn 2012-2022, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.740 tổ chức đảng, hơn 167.700 cán bộ, đảng viên, trong đó có 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng; đã kỷ luật hơn 170 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 4 Ủy viên Bộ

Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; 29 Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương; 50 sỹ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay đã thi hành kỷ luật 50 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (cao hơn gấp 4 lần so với nhiệm kỳ khóa XI và bằng gần một nửa số cán bộ cấp cao bị xử lý của nhiệm kỳ khóa XII), trong đó có 8 Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương, 20 sỹ quan cấp tướng.

Thực trạng trên cho chúng ta thấy rõ, tham nhũng là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực nhà nước mà ở thời đại nào, chế độ nào, quốc gia nào cũng xuất hiện; là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Tuy nhiên, đấu tranh xoá bỏ tận gốc tham nhũng trong một thời gian ngắn là việc rất khó khăn. Vì vậy, việc đấu tranh phòng chống tham nhũng cần phải rất kiên trì, thực hiện không ngừng nghỉ, vừa phải kiên quyết phát hiện, xử lý tham nhũng, vừa phải kiên trì giáo dục, quản lý, ngăn ngừa, răn đe để không xảy ra tham nhũng. Việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân sẽ góp phần loại trừ được tham nhũng. Bởi vì, nếu cán bộ đảng viên không có đạo đức cách mạng thì sẽ không giữ được mình trong sạch và rất dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là “địch nội tâm”, là một trong ba kẻ thù nguy hiểm của người cách mạng. “Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí...”⁷⁷. Chủ nghĩa cá nhân là nguồn gốc sâu xa dẫn tới suy thoái, biến chất của cán bộ, đảng viên, nếu để cho chủ nghĩa cá nhân lộng hành thì sẽ biến người cán bộ, đảng viên từ những người đầy tớ, công bộc của Nhân dân trở thành kẻ tham lam trục lợi, kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại, vô tổ chức, vô kỷ luật, dẫn đến trở thành “tội đồ” của Đảng, của dân.

Vì vậy, xây dựng và thực hành văn hóa liêm chính là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Văn hóa liêm chính là những giá trị và chuẩn mực nhằm tạo nền tảng vững chắc về phẩm chất, đạo đức, giúp cán bộ, đảng viên không bị chệch hướng, vượt qua cám dỗ của tiền bạc, vật chất, danh lợi, tận tâm, tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Để xây dựng và thực thi văn hóa liêm chính trong cán bộ, đảng viên cần quan tâm thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống để mỗi cán bộ, đảng viên luôn hướng đến việc biết trọng liêm sỉ và giữ liêm chính.

Các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị cần tiếp tục thống nhất nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, coi đây là nhiệm vụ cần được tiến hành thường xuyên để xây dựng, bồi đắp nền tảng tư tưởng, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, giúp họ vượt qua cám dỗ về danh lợi và vật chất. Thực tiễn hiện nay vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên xem nhẹ, coi thường việc học tập chính trị tư tưởng, dẫn đến nhận thức sai lệch; khi nhận thức sai lệch thì hành động cũng sẽ “méo mó”, thiếu chuẩn mực; hiểu không thấu thì làm không đúng. Vì vậy, cần đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả.

Để mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần lý tưởng phải đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng; thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo

quản lý các cấp. Gắn chặt đôi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng với đầy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gắn việc xây dựng và thực hành đạo đức trong Đảng với đột phá về công tác tổ chức và cán bộ; tăng cường giáo dục lương tâm, danh dự, liêm sỉ trong Đảng, nhất là đối với các đảng viên có chức vụ, cần thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Phải biết rằng tham lam là một điều rất đáng xấu hổ”⁸; tham ô, tham nhũng là một tội ác với dân, với nước, là bán rẻ lương tâm, danh dự của bản thân để từ đó hướng đến việc biết trọng liêm sỉ và giữ liêm chính.

Thứ hai, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn biết “tự soi, tự sửa” để bảo vệ danh dự của bản thân và bảo toàn uy tín cho tập thể.

“Tự soi, tự sửa” được hiểu là tự mình nhìn vào chính mình, tự đánh giá, nhận xét về mình trong cả nhận thức và hành động, cả về đạo đức lối sống, tác phong lề lối làm việc... để có nhận thức đầy đủ, đúng đắn, phát hiện ra năng lực, thế mạnh, mặt tốt của bản thân mà phát huy, nhưng đồng thời cũng thấy được những yếu kém, sai lầm của bản thân, từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp ngăn ngừa, khắc phục, sửa chữa, đưa lại lợi ích chính đáng cho Nhân dân, cho tổ chức đảng và để chính bản thân mình có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, liêm khiết.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói, đối với cán bộ, đảng viên thì “danh dự là điều thiêng liêng, cao quý nhất”⁹. Danh dự là một trong những phẩm chất cao quý của mỗi người, nó không chỉ được xã hội thừa nhận mà còn được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đối với mỗi cá nhân, danh dự không chỉ có vai trò tạo uy tín đối với xã hội, mà đó còn là một phẩm chất quan trọng để khẳng định giá trị đạo đức, tinh thần tốt đẹp của chính bản thân mình. Người coi trọng danh dự luôn phấn đấu để có phẩm

chất đạo đức tốt, nhận thức được việc gì nên làm, việc gì nên tránh; luôn ngay thẳng, cương trực, thấy đúng dám bảo vệ, thấy sai dám đấu tranh; không bao giờ tự kiêu, tự mãn với những gì đã làm được. Danh dự của mỗi người không phải tự nhiên có, mà phải trải qua quá trình tu dưỡng, rèn luyện, dày công vun đắp tạo nên. Chính vì lẽ đó, mỗi cán bộ, đảng viên muốn xây dựng văn hóa liêm chính thì cần phải biết “tự soi, tự sửa” để góp phần bảo vệ danh dự mà mình đã dày công gây dựng; bảo vệ mình tránh khỏi những suy nghĩ và hành động làm mất danh dự, uy tín của bản thân, nhận được sự tin tưởng, coi trọng của người khác. Từ việc danh dự của mỗi cá nhân được bảo vệ thì uy tín của tập thể cũng sẽ được bảo toàn.

Thứ ba, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, đơn vị.

Để xây dựng và thực hành có hiệu quả văn hóa liêm chính cần nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ ra, bất kể ai trong hệ thống công quyền cũng đều phải thực hành liêm chính, nhưng người lãnh đạo phải là tấm gương về sự liêm chính. “Thượng bất chính, hạ tắc loạn”. Nếu người đứng đầu mà không chính thì cấp dưới sẽ “quân hoi vô phèng”; nếu người quản lý không liêm, tất cả sẽ thi nhau “xà xẻo” của công và của dân.

Vì vậy, người đứng đầu phải biết trọng liêm sỉ, giữ danh dự, biết xấu hổ khi bản thân và người thân có hành vi tham nhũng, tiêu cực; phải tiên phong, gương mẫu, thống nhất giữa lời nói và hành động, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm; biết bảo vệ cái đúng cái đẹp, cái thiện, cái tiến bộ, văn minh; đồng thời gương mẫu ngăn chặn, đẩy lùi cái xấu, cái ác và những hành vi tham

những, tiêu cực. Sự gương mẫu của người đứng đầu sẽ là “đầu tàu” mạnh mẽ kéo theo sự tự giác của quần chúng, có ý nghĩa quan trọng trong việc lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong cơ quan, đơn vị.

Thứ tư, để đẩy mạnh công tác xây dựng và thực thi văn hóa liêm chính, cần phải kiểm soát chặt chẽ quyền lực bằng cơ chế, chính sách để “không dám và không thể” tham nhũng.

Để chống việc cán bộ không “liêm”, không “chính”, tham nhũng, tiêu cực thì cùng với xây dựng đạo đức cách mạng trong cán bộ đảng viên, cần phải sớm ban hành, hoàn thiện các cơ chế để kiểm soát quyền lực. Thực tế cho thấy, quyền lực không được kiểm soát tất yếu sẽ dẫn tới lạm quyền, lạm quyền, chuyên quyền, từ đó sẽ tha hóa về đạo đức. Vì vậy, cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật sao cho chặt chẽ, đồng bộ, để không thể tham nhũng và không ai muốn tham nhũng, vì tham nhũng sẽ phải trả giá rất đắt cả về cuộc sống, sinh mệnh và danh dự. Các cơ chế, chính sách phải được rà soát kỹ lưỡng, không có “kẽ hở”, tránh để một số đối tượng lợi dụng, trục lợi; phải công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, không để cài cắm lợi ích nhóm khi ban hành chính sách.

Việc giao quyền, phân quyền cho cán bộ, đảng viên phải đi đôi với tăng cường cơ chế giải trình và có chế tài đủ mạnh để buộc cán bộ, đảng viên phải thực hành văn hóa liêm chính trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong kiểm tra, phát hiện, xử lý tham nhũng và bảo vệ người tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng; khuyến khích và bảo vệ cán bộ, đảng viên, người đứng đầu đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, những tư tưởng tích cực, lối sống tốt đẹp, vẫn còn tồn tại những khó khăn, thách thức, những tư tưởng lệch lạc, những cám dỗ về danh vọng, vật chất, tiền tài,... điều đó đặt ra yêu cầu cho mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, tu dưỡng đạo đức cách mạng, có lý tưởng và khát vọng cống hiến; có ý chí và nghị lực vươn lên; giữ vững danh dự và nhân cách trong sáng; có lối sống mực thước, xem đó là những giá trị cốt lõi nhất, cao quý nhất để theo đuổi trong cả cuộc đời. Vì vậy, xây dựng và thực hành văn hóa liêm chính trong điều kiện hiện nay sẽ góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, tạo nền tảng để xây dựng Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập 9, tr145;
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tập 5, tr292;
- 3,4,8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tập 6, tr129, tr131; tr127;
- 5,6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tập 14, tr141;
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tập 11, tr611;
9. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng căn dặn cán bộ, chiến sĩ công an tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 73 diễn ra ngày 15/01/2018.

BÀN VỀ “VĂN HÓA TỪ CHỨC” TRONG ĐẢNG



ThS. NGUYỄN HÀ GIANG

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: “Văn hóa từ chức” trong Đảng thể hiện bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên xét thấy bản thân không đáp ứng đủ điều kiện theo Quy định 41-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 03/11/2021 “Về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ”. Đây là quy định có ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh Đảng, Nhà nước ta đang quyết tâm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Quy định đã “mở đường” cho công tác xây dựng Đảng về tổ chức, về cán bộ trong Đảng và hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Có chính trị mới có văn hóa, xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hóa của ta vì thế không nảy sinh được. Nay nước ta đã độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hóa hòa hợp với khoa học và hợp cả với nguyện vọng của dân”¹. Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Người khẳng định: Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Tôi mong chúng ta đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ. Tư tưởng của Người đến nay vẫn nguyên giá trị đòi hỏi Đảng ta tiếp tục vận dụng và phát triển văn hóa trở thành hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đề cập đến một trong những nội dung của văn hoá trong chính trị, văn hóa trong Đảng thể hiện trong những quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nội dung cán bộ, đảng viên tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ.

Trong suốt chiều dài lịch sử Nhà nước Việt Nam, dưới các triều đại phong kiến đã có những người sẵn sàng “cởi áo từ quan” khi khuyên can về những việc làm sai của triều đình mà không được chấp thuận như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phan Châu Trinh,... Họ là những người tài cao, đức trọng, tiết tháo, cương trực, tham chính, làm quan là để phò vua, giúp nước, giúp dân chứ không mưu cầu danh lợi cho cá nhân hay dòng tộc. Những người đó coi danh lợi “nhẹ như lông hồng” và chuyện từ chức tưởng chừng dễ dàng, bỏ mũ, “treo ấn từ quan” vì cái lợi chung của dân tộc².

Sau khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng, vì sự nghiệp lớn lao của cách mạng, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhiều đồng chí giữ các cương vị quan trọng của Đảng đã sẵn sàng rút lui khỏi chức vụ để thuận lợi cho cách mạng, sẵn sàng từ chức khi thấy mình chưa hoàn thành tốt trọng trách như đồng chí Lê Hồng Phong³, Hà Huy Tập⁴ đã tự nguyện rời khỏi chức vụ Tổng Bí thư của Đảng để bảo đảm sự thống nhất về đường lối chiến lược và sách lược của Đảng, nhất là sự hài hòa giữa đường lối

của Đảng Cộng sản Đông Dương và đường lối chung của Quốc tế Cộng sản lúc đó; sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, Chính phủ lâm thời thành lập và tổ chức lãnh đạo đất nước, có những đồng chí trong Ủy ban Trung ương Quốc dân Đại hội bầu ra tham dự Chính phủ, song các đồng chí ấy đã tự động xin rút, nhường chỗ cho những nhân sĩ yêu nước ở ngoài Việt Minh; sau sai lầm của cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức Đảng, đồng chí Trường Chinh xin từ chức Tổng Bí thư, đồng chí Hoàng Quốc Việt xin rút khỏi Bộ Chính trị; sau này, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng đã từng xin rút khỏi Bộ Chính trị, nhưng sau đó đồng chí trở lại tham gia Bộ Chính trị rồi trở thành Tổng Bí thư của Đảng.

Hiện nay, Luật cán bộ, công chức năm 2008 quy định tại khoản 13, điều 7 “Từ chức là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm”. Tại điều 30 của luật quy định cán bộ có thể xin thôi nhiệm vụ hoặc từ chức, miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực, uy tín; theo yêu cầu nhiệm vụ; vì lý do khác. Vì vậy, Luật năm 2008 đã ban hành và quy định rất rõ, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý tự nguyện xin nghỉ công tác và điều này khác với các quy định của luật như luân chuyển, điều động, biệt phái, cách chức, giáng chức, buộc thôi việc hay nghỉ hưu. Có thể thấy rằng, “văn hóa từ chức” theo quy định của pháp luật hiện hành và văn hóa, thói quen sử dụng quyền lực của người Á Đông nói chung có những “chuẩn giá trị” chưa tương đồng. Người Á Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng rất đề cao lòng tự trọng nên hiếm khi cán bộ vì “liêm sĩ” mà sẵn sàng “cởi áo từ quan” khi đang còn đương nhiệm. Tuy nhiên, thực tế cũng đã có một số trường hợp như: đồng

chí Lê Huy Ngọ nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; đồng chí Nguyễn Sự nguyên Bí thư thành phố Hội An (Quảng Nam),... từ chức khi đang đương nhiệm. “Văn hóa từ chức” thể hiện sự cầu thị, sự hồ thẹn với đạo đức nghề nghiệp, với lương tâm, với giá trị bản thân và phẩm giá con người. Vì vậy, việc “văn hóa từ chức” chưa trở thành phổ biến đã phản ánh một phần chuẩn mực đạo đức, ý thức trách nhiệm chính trị trong thực hiện nhiệm vụ được giao của các bộ, đảng viên trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân, với cơ quan, đơn vị công tác, nhất là đối với những cán bộ không đủ năng lực, phẩm chất, uy tín đảm đương nhiệm vụ.

Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Tuy nhiên, nhận thức, hành động của xã hội về vai trò, vị trí của văn hóa, con người trong phát triển bền vững đất nước còn chưa đầy đủ và sâu sắc; văn hóa chưa thật sự được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Trong khi đó, văn hóa có vai trò hết sức quan trọng đối với mọi mặt trong đời sống, xã hội của chúng ta hiện nay. Trong Đảng cũng vậy, ngoài năng lực chuyên môn về chính trị, tổ chức, phẩm chất, đạo đức, lối sống thì văn hóa Đảng cũng rất quan trọng và có ý nghĩa sống còn của Đảng ta. Đây chính là nội dung mà Tổng Bí thư đã nghiêm túc quán triệt quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức; chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế. Trong đó, phải đặc biệt quan tâm đến xây dựng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu theo tư tưởng, đạo đức, phong cách văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh; xây

dựng văn hóa công vụ, đặc biệt là đạo đức, lối sống, cách ứng xử và cả văn hóa từ chức của cán bộ, đảng viên.

Trong thời gian vừa qua, công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, chạy chức, chạy quyền đối với cán bộ, đảng viên vẫn còn có một bộ phận “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về kinh tế, về tư tưởng, về đạo đức, về chính trị làm giảm lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước. Vì vậy, Đảng ta xem việc xây dựng văn hóa trong Đảng là một trong những vấn đề cần phải được quan tâm, chú trọng để góp phần đẩy lùi suy thoái, tham nhũng, tiêu cực. Xuất phát từ yêu cầu đó, bên cạnh các quy định của pháp luật, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 41-QĐ/TW ngày 03/11/2021 về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, theo đó “từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận”. Quy định của Bộ Chính trị có ý nghĩa hết sức quan trọng trong thực hiện chỉnh đốn Đảng và tạo ra “văn hóa tự nguyện xin thôi giữ chức vụ” đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý và đảng viên các cấp, làm tiền đề, mở đường cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tương lai. Theo Quy định số 41-QĐ/TW, có 5 trường hợp cán bộ, đảng viên xin từ chức, *một là*, hạn chế về năng lực; *hai là*, không còn uy tín để hoàn thành chức trách nhiệm vụ; *ba là*, để cơ quan, đơn vị quản lý xảy ra sai phạm nghiêm trọng; *bốn là*, có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại đơn vị trong kỳ lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; *năm là*, lý do chính đáng khác của cá nhân. Như vậy, một cán bộ, đảng viên khi không đạt một trong năm trường hợp trên thì tự nguyện viết đơn xin từ chức nhường lại cho người xứng đáng hơn vào vị trí lãnh đạo, quản lý đó.

Để “từ chức” trở thành “văn hóa” thì trên cơ sở quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cán bộ, đảng viên với trách nhiệm, nhiệm vụ được giao tự đánh giá phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, danh dự, lòng tự trọng, liêm sỉ của mình và khi không còn đủ uy tín với tổ chức, với đồng nghiệp, với nhân dân, không phù hợp với các tiêu chuẩn của cán bộ thì cần thực hành “văn hoá từ chức”. Bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện các chuẩn mực, quy tắc về đạo đức công vụ, cơ chế kiểm soát quyền lực gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng cơ chế để cán bộ vị phạm “phải từ chức, muốn từ chức”. Đồng thời, cần phát huy vai trò giám sát của người dân, của cộng đồng dân cư, của các cơ quan báo chí cách mạng, của chính cơ quan, đơn vị công tác. Từ đó, từng bước hình thành quan niệm, cách nhìn nhận, ứng xử đối với việc từ chức như là một nét văn hóa trong Đảng và trở thành vấn đề bình thường, phổ biến trong đạo đức công vụ của các cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân./

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.10.
2. GS.TS Phạm Hồng Tung: “*Văn hóa từ chức từ góc nhìn lịch sử*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 29/6/2022.
3. Đồng chí Lê Hồng Phong. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.302.
4. Đồng chí Hà Huy Tập, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr.385.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC



ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Xuất phát từ nhận thức vị trí, vai trò ngày càng quan trọng của giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, tại Hội nghị Trung ương 6 (Khóa X), Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhìn lại 15 năm thực hiện Nghị quyết có thể thấy rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đã có bước phát triển toàn diện, từng bước khẳng định sứ mệnh lịch sử của mình trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Tuy vậy, sự phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra; nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó có đội ngũ công nhân lành nghề vẫn đang là một trong những điểm “nghẽn” của sự phát triển đất nước... Do đó, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về giai cấp công nhân luôn là vấn đề có ý nghĩa quan trọng.

Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội. Trong suốt tiến trình lịch sử của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn khẳng định: Giai cấp công nhân luôn là động lực chính, là lực lượng lãnh đạo của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân đã đi tiên phong trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, liên minh, đoàn kết chặt chẽ với nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết số 20- NQ/TW về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đánh giá: Giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan

trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết nêu rõ: “Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp”. Từ đó, Nghị quyết khẳng định: “Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội

tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Đây được coi là quan điểm cốt lõi và sâu sắc của Đảng về giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Sau hơn 35 năm, sự nghiệp đổi mới đất nước với những kết quả đạt được có ý nghĩa lịch sử, toàn diện trên tất cả các mặt; nhìn lại 15 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, có thể đánh giá những nét chính về thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay như sau:

Thứ nhất, về số lượng của giai cấp công nhân. Cùng với sự nghiệp đổi mới gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên. Trong đó, số công nhân trong khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh và chiếm tỷ lệ ngày càng lớn. Số lượng công nhân trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp năm 2013 tăng 1,66 lần so với năm 2005, Trong đó, công nhân trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 2,43 lần; công nhân trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,5 lần¹. Với mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển với tốc độ ngày càng nhanh và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Những năm gần đây, giai cấp công nhân Việt Nam phát triển mạnh về số lượng. Theo thống kê của Tổng điều tra dân số 4/2019, số lượng lao động công nghiệp của Việt Nam hiện nay là 15,3 triệu trong 54,3 triệu lao động của toàn xã

hội, tương đương với tỷ lệ 28,6%². Tuy số lượng có tăng nhưng tốc độ dịch chuyển từ sản xuất nhỏ sang sản xuất lớn của Việt Nam như vậy là còn chậm so với một số nước công nghiệp hóa mới (NICs).

Thứ hai, về chất lượng của giai cấp công nhân. Trình độ giai cấp công nhân Việt Nam có chuyển biến tích cực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng nghề nghiệp... Công nhân trong các doanh nghiệp có trình độ văn hoá khá cao (100% biết chữ, 80% có trình độ trung học cơ sở và trung học phổ thông); công nhân lao động ở nước ta có 37% qua đào tạo, trong đó cao đẳng nghề, trung cấp nghề chiếm khoảng 20% - 25%³. Bộ phận công nhân có trình độ đại học (Công nhân - trí thức) ngày càng tăng. Xu hướng hình thành đội ngũ công nhân - trí thức ngày càng rõ nét và phát triển, tập trung ở một số ngành kinh tế mũi nhọn và khu vực doanh nghiệp công nghệ cao.

Thứ ba: về cơ cấu của giai cấp công nhân. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đã làm biến đổi cơ cấu của giai cấp công nhân Việt Nam. Bên cạnh đội ngũ công nhân truyền thống, đã xuất hiện đội ngũ công nhân trong các ngành nghề mới sử dụng công nghệ hiện đại. Trong tương lai, sự phổ biến ngày càng rộng rãi của phương thức kinh tế chia sẻ như: Uber, Grab trong lĩnh vực vận tải hay Airbnb trong lĩnh vực lưu trú, cho đến phương thức bán hàng trực tuyến thông qua các nền tảng của Facebook, Lazada... sẽ tiếp tục làm thay đổi thị trường việc làm. Trước tình hình đó, số lượng công nhân sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cũng tăng lên nhanh chóng trong vài năm gần đây. Nhìn vào cơ cấu công nhân trong các ngành nghề có thể thấy sự xuất hiện ngày càng đông bộ phận công nhân làm việc trong các ngành dịch vụ. Hiện nay, cơ cấu giai cấp công nhân nước ta trong các ngành

kinh tế là: ngành công nghiệp chiếm 46,1%; ngành xây dựng chiếm 15%; thương mại, dịch vụ chiếm 25,9%; vận tải chiếm 4,7%; các ngành khác chiếm 8,3%⁴. Đồng thời, có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong sử dụng nguồn lực từ khu vực sử dụng công nhân giá rẻ, kỹ năng thấp sang nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng tốt. Đội ngũ nhân công giá rẻ sẽ mất việc làm bởi các doanh nghiệp sẽ đón bắt thị hiếu cũng như thị trường đề sản xuất và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, lúc đó Việt Nam sẽ đứng trước nguy cơ thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao. Không chỉ vậy, với tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cơ cấu của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thành phần kinh tế cũng có sự biến đổi. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm cho nền sản xuất có tính chất xã hội hóa cao, thể hiện ở trình độ phân công, hợp tác trong lao động sản xuất theo xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa. Theo đó, quá trình hội nhập quốc tế cũng ngày càng sâu rộng hơn.

Thứ tư, về đời sống, việc làm của công nhân, việc làm cho người lao động. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, do quy mô nền kinh tế nhỏ, trình độ phát triển, sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn yếu so với khu vực và thế giới nên tỷ lệ thất nghiệp còn ở mức cao. Mức lương của người lao động hiện nay về cơ bản không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của bản thân, chứ chưa nói đến việc tích lũy hay chăm lo cho con cái... Nhà nước đã từng bước thực hiện lộ trình tăng lương tối thiểu, thậm chí có quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm ở các loại hình doanh nghiệp (Nghị định số 70/2011/NĐ-CP). Tuy nhiên, mức tăng thường không theo kịp tốc độ tăng giá của thị trường.

Để tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam phát triển đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, kiên định và nhất quán quan điểm của Đảng về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trước hết cần kiên định quan điểm: Giai cấp công nhân là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản. Bởi vậy, nâng cao giác ngộ chính trị cho công nhân vừa là đòi hỏi bức thiết và là việc làm thường xuyên. Đặc biệt, trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, giao lưu quốc tế càng được mở rộng, đối tác ngày càng đa dạng và phức tạp, thì việc nâng cao ý thức giác ngộ chính trị cho giai cấp công nhân trở thành vấn đề có tính cấp thiết. Qua đó, giáo dục, rèn luyện, xây dựng giai cấp công nhân về ý thức công dân, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận rõ đối tượng, đối tác để một mặt kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Mặt khác, tăng cường hợp tác với bạn bè nhằm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng cho công nhân có lối sống văn hoá, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động; có lương tâm nghề nghiệp, có ý chí vươn lên, thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, có quyết tâm chiến thắng trong cạnh tranh, làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

Hai là, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, kỹ năng lao động thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế. Đào tạo, đào tạo lại đội ngũ công nhân đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là vấn đề bức thiết hiện nay. Cần tăng cường đầu tư các nguồn lực để đào tạo, đào tạo lại đội ngũ công nhân, đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, có trình độ chuyên môn vững, nghiệp vụ chắc, tay nghề giỏi, sáng tạo trong

lao động, sản xuất, có đủ khả năng làm chủ được công nghệ tiên tiến và thích ứng nhanh với sự năng động của cơ chế thị trường. Theo đó, Nhà nước cần thống nhất quản lý và tăng cường quản lý về đào tạo nghề. Tiến hành kế hoạch hóa công tác dạy nghề một cách đồng bộ, nhằm bảo đảm sự cân đối ngay trong hệ thống giáo dục, giữa hệ thống giáo dục, đào tạo với phát triển kinh tế, giữa đào tạo và sử dụng. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho các trường dạy nghề, ưu tiên xây dựng các trung tâm dạy nghề chất lượng cao, xây dựng một số trường dạy nghề chuẩn, chương trình chuẩn trong cả nước, để đào tạo những ngành, nghề mũi nhọn và để công nhân tiếp cận được với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học - kỹ thuật, công nghệ.

Ba là, cần xây dựng môi trường lao động hiện đại cho công nhân. Ở nước ta hiện nay, trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại đất nước trước sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường vẫn đề xây dựng một môi trường lao động hiện đại cho công nhân là yêu cầu quan trọng trong sự phát triển toàn diện và bền vững. Thực tế hiện nay cho thấy, yếu tố kinh tế đang tỏ ra lấn lướt những yếu tố xã hội trong sản xuất. Nhiều yêu cầu tối thiểu về môi trường lao động cho công nhân chưa được đảm bảo. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội chưa được giải quyết tốt. Tình trạng việc làm của công nhân, lao động không ổn định, thời gian làm việc kéo dài và cường độ làm việc rất cao, điều kiện làm việc ít được cải thiện, nên tai nạn lao động gia tăng... điều kiện sinh hoạt tinh thần cũng rất thiếu thốn. Do đó, Nhà nước cần chú trọng xây dựng môi trường xã hội, giải phóng lực lượng sản xuất, tạo mọi điều kiện để công nhân, người lao động phát huy hết khả năng của mình trong lao động, học tập, cống hiến. Cần thường xuyên rà soát các cơ chế, chính sách, pháp luật để từng bước xóa bỏ những cơ chế, chính sách, pháp luật đã và

đang kìm hãm tích cực, chủ động sáng tạo của công nhân, người lao động, đồng thời tạo lập cơ chế mới, bảo đảm giải phóng người lao động về mọi mặt.

Bốn là, xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân. Rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách, pháp luật về lao động, việc làm và đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao thể chất cho công nhân; Nhà nước ban hành chính sách đầu tư để các tỉnh, thành phố xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng cho công nhân. Đề cao trách nhiệm, tính tự giác của người sử dụng lao động và của công nhân trong thực hiện chính sách, pháp luật. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp; có chế tài xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm. Cùng với đó, Đảng, Nhà nước cần thiết thực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân, trước hết là các chính sách mới về việc làm, nhà ở và tiền lương. Có như thế, giai cấp công nhân mới thoát khỏi những bức bách của đời sống, có điều kiện học tập, rèn luyện nâng cao tay nghề, ý thức giai cấp và gắn bó sâu sắc với sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước, lý tưởng xã hội chủ nghĩa./.

Chú thích:

1. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2013, 2014*, Nxb. Thống kê, HN. 2014, 2015.
2. Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí về tình hình Lao động việc làm quý I năm 2019*.
3. <http://tapchiquptd.vn/vi/an-pham-tap-chi-in/xuhuong-phat-trien-cua-giai-cap-cong-nhan-viet-nam-trong-dieukien-kinh-te-thi-truong-va-> /3434.html
4. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2016*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2017, tr. 279 - 284

BÀN VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG “NGƯỜI NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP” TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

❄ ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG
Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Nghị quyết số 19 ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra yêu cầu cần phải tri thức hóa những người nông dân để họ trở thành những người chuyên nghiệp có khả năng đảm đương vai trò là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nhất là trong thời kỳ cách mạng 4.0. Nghiên cứu và đưa ra những giải pháp để xây dựng “người nông dân chuyên nghiệp” trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa hết sức quan trọng để thực hiện thành công mục tiêu cao nhất mà Nghị quyết đã đề ra là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

Từ bao đời nay, nông dân nước ta được biết đến là những người lao động sống chủ yếu ở các vùng nông thôn với nghề nghiệp chính là sản xuất nông nghiệp và nguồn sống chủ yếu dựa vào các sản phẩm lao động từ nông nghiệp. Nông dân cũng là những người đầu tiên đi khai hoang, mở cõi, kiến tạo nên những giá trị văn hóa cho dân tộc Việt Nam. Có thể nói, chính họ những người chủ nhân của đất nước có lịch sử hơn 4.000 năm với bao thăng trầm và đang từng ngày cùng dân tộc đi lên để hiện thực mục tiêu của thời đại với những đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh, giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng và đánh giá cao vai trò của giai cấp nông dân, Người viết: “Trong cuộc kháng chiến của ta, nông dân đóng góp nhiều nhất, hy sinh nhiều nhất”¹; “Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một

phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”².

Hiện nay, với hơn 65% dân số, giai cấp nông dân vẫn không ngừng phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, yêu nước, trung thành với Đảng, luôn chủ động, sáng tạo, là chủ thể của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, vấn đề xây dựng, phát triển lực lượng nông dân luôn được Đảng ta quan tâm, chăm lo. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ quan điểm về nông nghiệp, nông dân, nông thôn là: “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”³, trong đó mục tiêu xây dựng giai cấp nông dân có trình độ được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu vì: “Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình

phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn”⁴ và nhấn mạnh vai trò “làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn”⁵ của nông dân và dân cư nông thôn.

Để hiện thực hoá 19-NQ/TW, nhằm phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với hội nhập thị trường quốc tế thì cần phải có lực lượng là những người nông dân chuyên nghiệp. Khái niệm “nông dân chuyên nghiệp” không phải là mới, thực tế đã được ghi nhận và đề cập tới tại Chiến lược Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Diễn đàn Nông dân quốc gia lần thứ VII năm 2022 cũng đã chọn chủ đề tập trung chính là “Người nông dân chuyên nghiệp”. Thực tiễn cho thấy, trong những năm gần đây, trình độ, học vấn của giai cấp nông dân đã từng bước được nâng cao; tư duy sản xuất kinh doanh nông nghiệp không ngừng được đổi mới, dần thích ứng với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Người nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò là chủ thể, tham gia hợp tác, liên kết, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế, khôi phục và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, mục tiêu xây dựng “người nông dân chuyên nghiệp” vẫn còn nhiều thách thức, nhất là khi người nông dân còn gặp những khó khăn về vốn, nguồn lực đất đai trong phát triển sản xuất; trình độ, năng lực của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn có một số mặt còn bất cập; phần đông nông dân chưa đủ kiến thức, kỹ năng tiếp cận nhu cầu của thị trường để lựa chọn mặt hàng, công nghệ sản xuất, cách thức chế biến, tiếp thị, quảng bá tiêu thụ nông sản mà chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm, phong trào; quy mô sản

xuất nhỏ lẻ, dựa trên kinh tế hộ, năng suất lao động xã hội thấp; năng lực thích ứng với Cách mạng công nghiệp 4.0 của nông dân còn hạn chế; phát triển nông nghiệp công nghệ cao đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao trong khi trình độ của nông dân nước ta còn thấp; quá trình phát triển kinh tế, đô thị hóa mạnh mẽ đã làm ảnh hưởng tới các giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa của một số vùng quê; tệ nạn xã hội xâm lấn, ô nhiễm môi trường và cảnh quan nông thôn là những vấn đề đang ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người nông dân,...

Trong quá trình triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, người nông dân được xem là chủ thể, được đặt vào vị trí trung tâm. Tuy nhiên, muốn thực hiện được vai trò chủ thể và tương xứng với vị trí trung tâm, điều cần làm và phải làm là người nông dân phải được nâng cao năng lực, thông qua trí thức hoá để trở thành những “người nông dân chuyên nghiệp”. Để xây dựng những “người nông dân chuyên nghiệp” cần có đủ các yếu tố cần thiết như sau:

Một là, phải vừa có sức khoẻ về mặt thể chất, vừa có sức khoẻ về mặt tinh thần, một bầu nhiệt huyết tràn trề, thái độ tự tin, dám nghĩ dám làm, dám vượt lên khó khăn, đối đầu với thử thách để khẳng định mình.

Hai là, người nông dân trong thời kỳ cách mạng 4.0 phải là người có tri thức, am hiểu công nghệ, có kỹ năng sản xuất, có kiến thức về pháp luật, đồng thời có kiến thức về kinh tế, thị trường, hạch toán kinh doanh, vốn, tài chính...

Ba là, “người nông dân chuyên nghiệp” phải biết căn cứ nhu cầu thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn sản phẩm nông nghiệp cần sản xuất; biết người tiêu dùng cần loại sản phẩm hàng hóa nào, tiêu chuẩn gì, từ đó, xác định kết quả đầu ra với chủng loại, tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng. Trong quá

trình sản xuất tập trung đảm bảo chất lượng để đạt tiêu chuẩn, yêu cầu của khách hàng. Người nông dân phải phân tích, so sánh những sản phẩm hàng hóa mình đã sản xuất được so với nhu cầu người tiêu dùng để tìm cách đáp ứng, từ việc thay đổi quy trình sản xuất, thay đổi nguyên liệu đầu vào, hay thay đổi cả giống cây trồng, vật nuôi.

Bốn là, phải biết sản xuất sao cho tiết kiệm nhất, để giá thành hợp lý nhất, mà vẫn bảo đảm chất lượng. Bắt đầu từ giá mua nguyên vật liệu, cải tiến quy trình để giảm chi phí sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển. Sau khi thu hoạch, nông dân phải luôn tìm cách gia tăng giá trị cho sản phẩm của mình. Người nông dân sẽ tìm cách không dừng lại ở việc bán sản phẩm tại vườn, ruộng, chuồng, mà sẽ phân loại, làm sạch, đóng gói, thiết kế nhãn hiệu hàng hóa, đến sơ chế, chế biến và chế biến sâu, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, truy suất nguồn gốc... Trong tiêu thụ sản phẩm cần chủ động tìm kiếm khách hàng bằng nhiều kênh bán hàng, hoặc liên kết tiêu thụ, sẽ bán được sản phẩm với giá hợp lý, từ đó nâng cao doanh thu và gia tăng lợi nhuận.

Năm là, khi sản xuất phải xem xét khả năng cạnh tranh. Phải xem xét trên thị trường đã có ai cùng bán sản phẩm cùng loại với cùng thời điểm và phân khúc khách hàng hay từ đó, người sản xuất phải tìm cách cạnh tranh với đối thủ, hoặc tìm thị trường ngách để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của mình.

Sáu là, khi làm ra sản phẩm đưa ra thị trường phải luôn đứng ở vị trí là người sản xuất có tâm, biết nghĩ đến sức khỏe của người khác, không là tổn thương lợi ích chung của cộng đồng, là người có kiến thức và hành động vì một nền nông nghiệp sinh thái gắn với kinh tế tuần hoàn và an toàn thực phẩm.

Bảy là, phải là người hiểu rõ sức mạnh của tinh thần hợp tác, tự nguyện tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể; có tư duy

mở, luôn mong muốn mở rộng không gian giao tiếp, chủ động tạo lập các mối quan hệ xã hội.

Nhằm phát huy những ưu điểm của người nông dân nước ta và khắc phục dần những tồn tại hạn chế, từng bước xây dựng những “người nông dân chuyên nghiệp” có đầy đủ những phẩm chất và năng lực, tương xứng với vai trò là những người chủ thể sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới cần tập trung một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, cần đổi mới tư duy, nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của nông dân. Vai trò chủ thể của nông dân, sức mạnh chủ động của cộng đồng cơ sở phải luôn được đề cao. Để làm được điều này, từ chỗ đánh giá đúng vị trí, vai trò của người nông dân trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục hoàn thiện và bổ sung các quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách kịp thời, đúng đắn về hỗ trợ nông dân như cách chính sách về vốn, đào tạo nghề, ứng dụng khoa học công nghệ, liên kết tiêu thụ sản phẩm,...; tiếp đến là làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động để người nông dân biết nắm bắt cơ hội và hiểu được vai trò “là chủ thể” của mình, tránh tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào đầu tư, dẫn dắt của Nhà nước.

Thứ hai, phải tri thức hóa người nông dân. Muốn làm được điều này phải thực hiện từ hai phía:

Về phía những người nông dân: Để trở nên chuyên nghiệp hơn mỗi ngày, đáp ứng các yêu cầu về trình độ học vấn, khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất và chế biến, kiến thức về kinh tế thị trường, năng lực kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ thì tự bản thân người nông dân phải có ý chí mạnh mẽ, suy nghĩ tích cực, dám nghĩ dám làm, thay vì than thân, trách phận hay trông chờ ỷ lại, an phận, thu mình lại sau lũy tre, bờ ruộng, mảnh vườn. Phải chủ động và tích cực tham

gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, các chương trình hỗ trợ nông dân của các ngành chuyên môn, các cấp chính quyền và các tổ chức đoàn thể; tham gia các diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm từ những điển hình với những cách làm hay, những mô hình đưa lại hiệu quả cao; phải biết nắm bắt và ứng dụng những thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong lĩnh vực nông nghiệp; từng bước chủ động thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; có tác phong làm việc, cách thức quản lý khoa học; có khả năng thích ứng nhanh với những biến động của các quy luật kinh tế thị trường; có đủ trình độ, hiểu biết, năng lực tham gia các hợp đồng kinh tế trong sản xuất, cung ứng nguyên liệu.

Về phía các cấp, các ngành, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội: Trước hết, cần tổ chức thật tốt và có hiệu quả các hình thức đào tạo nghề, bồi dưỡng, tập huấn, tạo việc làm cho lao động nông thôn. Với mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 70% thì số lượng lao động nông nghiệp cần đào tạo gần 10 triệu người; bổ sung đào tạo các nghề mới, nghề đặc thù thu hút nhiều lao động nông thôn và đáp ứng với các yêu cầu trong thời gian tới như: Dịch vụ kinh tế nông nghiệp nông thôn, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản; kinh doanh nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số; marketing, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp. Phân loại các hộ nông dân để có các giải pháp hỗ trợ đào tạo, tư vấn, cung cấp các dịch vụ thông tin, phát triển nông nghiệp khác nhau. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo bằng các hình thức đào tạo trực tuyến, trực tiếp, qua tivi, ... Xây dựng chương trình, tài liệu phù hợp với các nhóm đối tượng nông dân. Ngoài ra, cần xây dựng một số mô hình “sáng tạo đổi mới” trong nông nghiệp phù hợp với các nhóm hộ nông dân. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền

địa phương, doanh nghiệp và nhiều tổ chức cùng tham gia đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn.

Một trong những phương pháp nâng cao tính chuyên nghiệp cho nông dân là ngoài tổ chức các trường lớp đào tạo nghề bài bản thì cũng cần tích cực chia sẻ tri thức từ những tri thức nhỏ nhất như cách làm giống, cách thu hoạch, dần tiến đến đưa công nghệ số, thương mại điện tử, ... cho người nông dân. Bên cạnh đó, còn có thể tiếp cận những hình thức linh hoạt, được lồng ghép, tích hợp từ các chương trình có sẵn. Cần có cách tiếp cận từng bước, linh hoạt, tùy theo điều kiện, năng lực sẵn có và nhu cầu của từng nhóm đối tượng nông dân... khi người nông dân biết làm chủ kiến thức sẽ tự quyết định được con đường cho mình.

Thứ ba, tập trung đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nông dân trong phát triển sản xuất, kinh doanh như: hỗ trợ về vốn, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp; hỗ trợ nông dân tiếp cận ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số, quảng bá, tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ khởi nghiệp, tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý; hỗ trợ nông dân tham gia phát triển các mô hình kinh tế hộ gia đình, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp. Cần có sự chung tay, vào cuộc với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, đoàn thể, trong đó trực tiếp là Hội nông dân trong các hoạt động tư vấn, hỗ trợ để những người nông dân không đơn độc trên con đường trở thành những người sản xuất chuyên nghiệp.

Thứ tư, tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các chuỗi liên kết sản xuất hàng hóa và tiêu thụ nông sản được hình thành và phát triển; thực hiện xây dựng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, nhân rộng các mô hình liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ nông dân, doanh nghiệp -

nông dân, nông dân - nông dân. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ kết nối nông sản của hợp tác xã nông nghiệp với thị trường, phát triển các mô hình hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp theo các chuỗi giá trị nông sản chủ lực tại các địa phương.

Thứ năm, nâng cao năng lực của các tổ chức dịch vụ công nhà nước và đa dạng hình thức cung cấp thông tin cho người nông dân: Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin. Đa dạng các kênh cung cấp thông tin cho người nông dân. Xây dựng các diễn đàn online/offline cho người nông dân chia sẻ, trao đổi. Tổ chức các hội nghị, giải thưởng tôn vinh người nông dân. Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, đưa các sản phẩm nông sản của nông dân lên sàn thương mại điện tử.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H 2011, t.8, tr258.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr246.

3,4,5.: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

PHÁT HUY VAI TRÒ...

(Tiếp theo trang 60)

cốt, chuyên sâu, tập hợp lực lượng rộng rãi; quản lý chặt chẽ tình hình chính trị nội bộ, nắm, dự báo, xử lý kịp thời những vấn đề tư tưởng nảy sinh.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp thông tin, trang bị phương tiện, công nghệ, kỹ thuật cần thiết, thích hợp để đấu tranh trên không gian mạng cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, phòng, chống diễn biến hòa bình trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; xây dựng kênh thông tin trao đổi, phối hợp giữa các lực lượng làm công tác này. Lực lượng đấu tranh nông cốt chuyên sâu phải thường xuyên được trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ; được trang bị đầy đủ, vững chắc lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt chú ý tới đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo ở các cấp. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và cán bộ làm công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Tổ chức đoàn các cấp, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nhận diện và đấu tranh chống các quan điểm sai trái thù địch nhất là trên không gian mạng. Cần phát hiện, tổ chức những đoàn viên có năng lực, nhiệt huyết, xây dựng những đội thông tin viên xung kích cung cấp kịp thời những thông tin chính thống từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nhằm đi trước định hướng dư luận xã hội, giữ vững niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhằm cung cấp thông tin chính thống, định hướng chính trị, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời đủ sức chiến đấu, giữ vững trận địa tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác với các thông tin sai trái, độc hại trên mạng Internet. Tăng cường cơ sở vật chất và đổi mới phương thức, hình thức xây dựng hệ thống các phương tiện, kỹ thuật đủ sức mạnh, đủ khả năng tham gia một cách hiệu quả vào các hoạt động giao lưu thông tin quốc tế trong xu thế hội nhập hiện nay./.



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



SỐNG, CHIẾN ĐẤU, LAO ĐỘNG, HỌC TẬP THEO GƯƠNG BÁC HỒ VĨ ĐẠI

Số 45
6/2023



Đồng chí Trần Thế Dũng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy phát biểu chỉ đạo tại Hội thảo cấp tỉnh “Xây dựng KKT Vùng Ăng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững” (23/6/2023).



PGS, TS Nguyễn Danh Tiên, Viện trưởng Viện lịch sử Đảng, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tham luận tại Hội thảo cấp tỉnh “Xây dựng KKT Vùng Ăng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững” (23/6/2023).



Lễ Tuyên dương gương điển hình “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” tại Lễ chào cờ tháng 5/2023



Ban Giám hiệu dự Lễ khai giảng Lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K189 mở tại Ngân hàng Agribank Hà Tĩnh (08/4/2023)



Đại diện lãnh đạo các Trường chính trị thuộc Cụm thi đua khu vực Bắc Trung bộ ký giao ước thi đua năm 2023 (14/6/2023)



Cán bộ, giảng viên thuộc cụm thi đua các trường chính trị khu vực Bắc Trung Bộ đi tham quan mô hình nông thôn mới tại xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh (14/6/2023)